

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2022

DỰ KIẾN THỜI KHÓA BIỂU

Kỳ 1 năm học 2021-2022 Hệ Chính quy

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
	1070125	Âm nhạc Việt nam	MUS2056	3	175												3*		
01	1070125	MUS2056-2021.01			35	Trần Thị Thanh Hương	1-5, E306							16/08/2021	21/11/2021	Mo 40		K14A SPAN	2019
02	1070125	MUS2056-2021.02			35	Nguyễn Thị Phương Mai		1-5, DNN						16/08/2021	21/11/2021			K13A SPAN	2019
03	1070125	MUS2056-2021.03			35									16/08/2021	21/11/2021				2019
04	1070125	MUS2056-2021.04			35	Nguyễn Thị Phương Mai					1-5, D3			16/08/2021	21/11/2021			K13C SPAN	2019
05	1070125	MUS2056-2021.05			35	Nguyễn Đăng Nghị			1-5, E305					16/08/2021	21/11/2021			K12D_SPAN	2019
	1080230	An sinh xã hội	CLM2209	2	20												CTXH		
01	1080230	CLM2209-2021.01			20	Nguyễn Thị Phương Thanh		7-11, E503						13/09/2021	19/12/2021			K2 CTXH	2021
	1060045	Bổ cục chất liệu Khắc gỗ	FAE2008	2	39												4*FAE2008		
01	1060045	FAE2008-2021.01			13	Nguyễn Thị May	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					11/10/2021	05/12/2021			K14 SPMT	2019
02	1060045	FAE2008-2021.02			13	Nguyễn Quang Huy	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					11/10/2021	05/12/2021			K14 SPMT	2019
03	1060045	FAE2008-2021.03			13	Lưu Thị Hồng Diễm	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					11/10/2021	05/12/2021			K13 SPMT	2019
	1060044	Bổ cục chất liệu lụa 1	FAE2007	2													4*FAE2007		
01	1060044	FAE2007-2021.01			0	Vũ Thị Kim Vân						1-5, BC	1-5, BC			K12 Ngoại truong		K12 CDLT_SPMT ngoại truong	2020
02	1060044	FAE2007-2021.02			0	Nguyễn Thị Trang Ngà						1-5, BC	1-5, BC			K12 Ngoại truong		K12 CDLT_SPMT ngoại truong	2020
03	1060044	FAE2007-2021.03			0	Nguyễn Thị Hà Hoa						1-5, BC	1-5, BC			K12 Ngoại truong		K12 CDLT_SPMT ngoại truong	2020
04	1060044	FAE2007-2021.04			0	Tạ Đình Thi						1-5, BC	1-5, BC			K12 Ngoại truong		K12 CDLT_SPMT ngoại truong	2020
	1060081	Bổ cục chất liệu Lụa 2	FAE2025	3	10												5*FAE2025		
01	1060081	FAE2025-2021.01			10	Nguyễn Thị Trang Ngà	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					16/08/2021	07/11/2021	K5 HH		K5 HH	2018
	1060043	Bổ cục chất liệu Sơn dầu 1	FAE2006	2	39												4*FAE2006		
01	1060043	FAE2006-2021.01			13	Chu Hoàng Trung	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					16/08/2021	10/10/2021			K13 SPMT	2019
02	1060043	FAE2006-2021.02			13	Nguyễn Quang Huy	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					16/08/2021	10/10/2021			K13 SPMT	2019
03	1060043	FAE2006-2021.03			13	Nguyễn Thị Hà Hoa	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					16/08/2021	10/10/2021			K14 SPMT	2019
	1060011	Bổ cục chất liệu tự chọn	FAE2010	2	39												2018		
01	1060011	FAE2010-2021.01			13	Vũ Thị Kim Vân	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					16/08/2021	07/11/2021	K13 SPMT		K13 SPMT	2018
02	1060011	FAE2010-2021.02			13									16/08/2021	07/11/2021	K13 SPMT huy			2018
03	1060011	FAE2010-2021.03			13	Tạ Đình Thi	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					16/08/2021	07/11/2021	K13 SPMT		K13 SPMT	2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1060042	Bổ cục cơ bản	FAE2053	2	150												2_SPMT_M4		
01	1060042	FAE2053-2021.01			0	Vũ Thị Kim Vân	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					08/11/2021	02/01/2022			K8_HH	2021
02	1060042	FAE2053-2021.02			15	Nguyễn Thị Trang Ngà	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					08/11/2021	02/01/2022			K16A_SPMT	2021
03	1060042	FAE2053-2021.03			15	Lưu Thị Hồng Diễm	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					08/11/2021	02/01/2022			K16A_SPMT	2021
04	1060042	FAE2053-2021.04			15	Nguyễn Quang Huy	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					08/11/2021	02/01/2022			K16A_SPMT	2021
05	1060042	FAE2053-2021.05			15	Tạ Đình Thi	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					08/11/2021	02/01/2022			K16A_SPMT	2021
06	1060042	FAE2053-2021.06			15	Nguyễn Thị Hà Hoa	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					08/11/2021	02/01/2022			K16A_SPMT	2021
07	1060042	FAE2053-2021.07			15	Nguyễn Thị Huyền	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					08/11/2021	02/01/2022			K16B_SPMT	2021
08	1060042	FAE2053-2021.08			15	Nguyễn Tuấn Cường	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					08/11/2021	02/01/2022			K16B_SPMT	2021
09	1060042	FAE2053-2021.09			15	Chu Hoàng Trung				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		08/11/2021	02/01/2022			K16B_SPMT	2021
10	1060042	FAE2053-2021.10			15	Vũ Thị Kim Vân				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		08/11/2021	02/01/2022			K16B_SPMT	2021
11	1060042	FAE2053-2021.11			15	Nguyễn Thị Hà Hoa				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		08/11/2021	02/01/2022			K16A_SPMT	2021
	1080045	Các ngành công nghiệp văn hóa	CLM2046	2	70												5_QLVH_M4_TC		
01	1080045	CLM2046-2021.01			70	Đào Thị Thùy Tiên					7-11, E503			16/08/2021	07/11/2021			K12 QLVH	2019
	1080031	Các vùng văn hóa ở Việt Nam	CLM2032	2	75												3_QLVH_M4		
01	1080031	CLM2032-2021.01			75	Nông Thị Thanh Thuý		7-11, E502						16/08/2021	07/11/2021			K11 QLVH	2020
	1060054	Chất liệu tổng hợp	FAE2015	2	39												1*FAE2015		
01	1060054	FAE2015-2021.01			13	Nguyễn Tuấn Cường				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		16/08/2021	24/10/2021	K13 SPMT		K13 SPMT	2018
02	1060054	FAE2015-2021.02			13	Tạ Đình Thi				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		16/08/2021	24/10/2021	K13 SPMT		K12 SPMT	2018
03	1060054	FAE2015-2021.03			13	Nguyễn Thị Huyền				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		16/08/2021	24/10/2021	K13 SPMT		K13 SPMT	2018
	1070106	Chỉ huy hợp xưởng A	MUS2075*	0	150												5*6*2017		
01	1070106	MUS2075*-2021.01			25	Phạm Hoàng Trung	7-11, E306							16/08/2021	14/11/2021	mo 25		K14A SPAN	2019
02	1070106	MUS2075*-2021.02			25	Lê Vinh Hưng		7-11, D3						16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2019
03	1070106	MUS2075*-2021.03			25	Vũ Thị Thùy Linh			7-11, D1					16/08/2021	14/11/2021			K12A_SPAN	2019
04	1070106	MUS2075*-2021.04			25	Vũ Thị Thùy Linh					1-5, D405			16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2019
05	1070106	MUS2075*-2021.05			25	Phạm Hoàng Trung	7-11, E306							16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2019
07	1070106	MUS2075*-2021.07			0														2019
08	1070106	MUS2075*-2021.08			25	Vũ Thị Thùy Linh					1-5, D405			16/08/2021	14/11/2021			K13B SPAN	2019
	1080229	Chính sách xã hội	CLM2208	2	15												CTXH		
01	1080229	CLM2208-2021.01			15	Phạm Thanh Bình			7-11, E503					16/08/2021	14/11/2021			K1 CTXH	2020
	1130013	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POL2011	2	700												3 2019		
01	1130013	POL2011-2021.01			70	Phạm Ngọc Anh		1-5, E101						16/08/2021	10/10/2021			K14_TKTT	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
02	1130013	POL2011-2021.02			70	Phạm Ngọc Anh		7-11, E101						16/08/2021	10/10/2021			K15_SPMT	2020
03	1130013	POL2011-2021.03			70	Bạch Thị Lan Anh				1-5, E506				16/08/2021	10/10/2021	Hoang noi chuyen (PNA)		K15_SPMT	2020
04	1130013	POL2011-2021.04			70	Bạch Thị Lan Anh				7-11, E507				16/08/2021	10/10/2021	Hoang noi chuyen (PNA)		K14_TKTT	2020
05	1130013	POL2011-2021.05			70	Bạch Thị Lan Anh					1-5, E101			16/08/2021	10/10/2021	Hoang noi chuyen (PNA)		K13 TKTT	2020
06	1130013	POL2011-2021.06			70	Bạch Thị Lan Anh	7-11, E301							16/08/2021	10/10/2021	Hoang noi chuyen (DVH)		K14_TKTT	2020
07	1130013	POL2011-2021.07			70	Bạch Thị Lan Anh						1-5, E301		16/08/2021	10/10/2021	Hoang noi chuyen (DVH)		K13 TKTT	2020
08	1130013	POL2011-2021.08			70	Bạch Thị Lan Anh						7-11, E301		16/08/2021	10/10/2021	Hoang noi chuyen (DVH)		K14_TKTT	2020
09	1130013	POL2011-2021.09			70	Nguyễn Thị Huyền			1-5, E505					16/08/2021	10/10/2021			K13 TKTT	2020
10	1130013	POL2011-2021.10			70	Nguyễn Thị Huyền			7-11, E505					16/08/2021	10/10/2021			K14A SPAN	2020
	1070110	Chuyển soạn cho Hộp xướng	MUS2074	2	52												2018		
01	1070110	MUS2074-2021.01			1	Lê Vinh Hưng						1-5, DNN						K12 CDLT SPAN	2020
02	1070110	MUS2074-2021.02			1	Phạm Hoàng Trung					13-17, D					Bo sung trai ky		K13B SPAN	2020
03	1070110	MUS2074-2021.03			25	Lê Vinh Hưng						7-11, DNN						K12 CDLT SPAN	2020
04	1070110	MUS2074-2021.04			25														2020
	1060019	Cơ sở tạo hình	FAE2056	2	140												2_SPMT_M3		
01	1060019	FAE2056-2021.01			40	Nguyễn Thị Giang	7-11, E506							16/08/2021	10/10/2021			K13 SPMT	2020
02	1060019	FAE2056-2021.02			20	Đào Thị Thuý Anh						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B			LT K13		K13_CDLT_SPMT	2021
03	1060019	FAE2056-2021.03			20	Vũ Hạnh Chi						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B			LT K13		K13_CDLT_SPMT	2021
04	1060019	FAE2056-2021.04			30	Đào Thị Thuý Anh						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B					K13_CDLT_SPMT	2021
05	1060019	FAE2056-2021.05			30	Vũ Hạnh Chi						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B					K13_CDLT_SPMT	2021
	1170010	Cơ sở tạo khối không gian	GRD2005	2	180												Cơ sở tạo hình 2		
01	1170010	GRD2005-2021.01			45	Nguyễn Thành Sơn	7-11, E603							16/08/2021	17/10/2021	mo len 40		K10A TKĐH	2020
02	1170010	GRD2005-2021.02			45	Nguyễn Thành Sơn		7-11, E603						16/08/2021	17/10/2021			K10B TKĐH	2020
03	1170010	GRD2005-2021.03			45	Nguyễn Hữu Dũng				7-11, E603				16/08/2021	17/10/2021			K9A TKĐH	2020
04	1170010	GRD2005-2021.04			45	Nguyễn Hữu Dũng						7-11, E603		16/08/2021	17/10/2021			K8B TKĐH	2020
	1080001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CLM2001	3	115												Dung chung		
01	1080001	CLM2001-2021.01			45	Tráng Thị Thuý			7-11, E405					16/08/2021	21/11/2021			K11B_TKTT	2020
02	1080001	CLM2001-2021.02			70	Vũ Thị Thái Hoa		1-5, E506						20/09/2021				K7A DVK	2021
	1020016	Công nghệ may 2	FAD2010	2	60														
01	1020016	FAD2010-2021.01			30	Lưu Ngọc Lan		1-5, XM						30/08/2021	10/10/2021			K12 TKTT	2019
02	1020016	FAD2010-2021.02			30	Ngô Thị Thùy Thu			1-5, XM					30/08/2021	10/10/2021			K12 TKTT	2019
	1070003	Đại cương các loại hình nghệ thuật	MUS2078	2	55												2019		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1070003	MUS2078-2021.01			55	Nguyễn Đăng Nghị							7-11, D	20/09/2021				K13 SPAN CD	2021
	1060099	Đại cương các loại hình nghệ thuật (SPMT)	FAE2092	2	178												2019		
01	1060099	FAE2092-2021.01			50	Đào Thị Thuý Anh			7-11, E506					16/08/2021	24/10/2021			K12 SPMT	2020
02	1060099	FAE2092-2021.02			30	Đào Thị Thuý Anh					1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B			LT K13		K13_CDLT_SPMT	2021
03	1060099	FAE2092-2021.03			30	Trần Thị Vân					1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B			LT K13		K13_CDLT_SPMT	2021
04	1060099	FAE2092-2021.04			34	Đào Thị Thuý Anh					1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B			LT 13 BS ma 64		K13_CDLT_SPMT	2021
05	1060099	FAE2092-2021.05			34	Trần Thị Vân					1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B			LT 13 BS ma 64		K13_CDLT_SPMT	2021
	1080052	Đại cương các loại hình NT 1 (Múa+ Âm nhạc)	CLM2008	3	60												5_QLVH_M3		
01	1080052	CLM2008-2021.01			60	Nguyễn Đức Hoàng					1-5, E502			13/09/2021	19/12/2021			K15 QLVH	2021
	1080011	Đại cương các loại hình NT 2 (Sân khấu + Mỹ thuật)	CLM2009	3	75												5_QLVH_M3		
01	1080011	CLM2009-2021.01			75	Phạm Ngọc Thùy			1-5, E502					16/08/2021	21/11/2021			K12 QLVH	2020
	1100087	Dân ca	VMU2001	2	75												VMU2001		
01	1100087	VMU2001-2021.01			25	Đặng Thị Lan	7-11, D305							16/08/2021	21/11/2021			K14C SPAN	2020
02	1100087	VMU2001-2021.02			25	Đặng Thị Lan		7-11, D405						16/08/2021	21/11/2021			K12D_SPAN	2020
03	1100087	VMU2001-2021.03			25	Đặng Thị Lan			7-11, D305					16/08/2021	21/11/2021			K14C SPAN	2020
	1070057	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 1	MUS2066	2	151												2018		
01	1070057	MUS2066-2021.01			26	Lê Vinh Hưng	7-11, E607							16/08/2021	14/11/2021	Mo 25 K13 D		K13D SPAN	2018
02	1070057	MUS2066-2021.02			25	Phạm Xuân Danh		1-5, C301						16/08/2021	14/11/2021	K13 A K5MN K6 TN		K13A SPAN	2018
03	1070057	MUS2066-2021.03			25	Phạm Hoàng Trung			1-5, C301					16/08/2021	14/11/2021	K13 B		K13B SPAN	2018
04	1070057	MUS2066-2021.04			25	Lê Vinh Hưng				7-11, E607				16/08/2021	14/11/2021			K13B SPAN	2018
05	1070057	MUS2066-2021.05			25	Phạm Xuân Danh				7-11, C301				16/08/2021	14/11/2021	K13 C		K13A SPAN	2018
06	1070057	MUS2066-2021.06			25	Phạm Hoàng Trung					1-5, C301			16/08/2021	14/11/2021	K13 A BCD		K13B SPAN	2018
	1070130	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp A	MUS2061*	0	1												5*6*		
01	1070130	MUS2061*-2021.01			1	Phạm Hoàng Trung					1-5, C301 ghep			16/08/2021	14/11/2021			K5B_TN	2017
	1080240	Đạo đức nghề nghiệp	CLM2219	2	15												CTXH		
01	1080240	CLM2219-2021.01			15	Phạm Thanh Bình		1-5, E501						16/08/2021	14/11/2021			K1 CTXH	2020
	1190009	Đệm thanh nhạc 1.1	PIA2007	1	30														
01	1190009	PIA2007-2021.01			5	Lại Thị Phương Thảo					3-4, D			15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
02	1190009	PIA2007-2021.02			5	Lê Hải Thuận		9-10, D						15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
03	1190009	PIA2007-2021.03			5	Trần Quốc Thùy					9-10, D			15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
04	1190009	PIA2007-2021.04			5	Bùi Duy Anh			9-10, D					15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
05	1190009	PIA2007-2021.05			5	Trần Duy			9-10, D					15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
06	1190009	PIA2007-2021.06			5	Trần Quốc Thùy						3-4, D		15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
07	1190009	PIA2007-2021.07			0									15/09/2021	12/12/2021				2021
	1190010	Đệm thanh nhạc 1.2	PIA2007	1	4														
01	1190010	PIA2007-2021.01			2	Bùi Duy Anh		9-10, D						16/08/2021	14/11/2021				2018
02	1190010	PIA2007-2021.02			2	Lương Đức Giang						4-5, D		16/08/2021	14/11/2021				2018
	1190011	Đệm thanh nhạc 2.1	PIA2008	1															
01	1190011	PIA2008-2021.01			0	Lương Đức Giang						5-6, D		16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
02	1190011	PIA2008-2021.02			0	Lại Thị Phương Thảo				11-12, D				16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
03	1190011	PIA2008-2021.03			0	Lê Hải Thuận							11-12, D	16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
04	1190011	PIA2008-2021.04			0	Trần Quốc Thùy							5-6, D	16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
05	1190011	PIA2008-2021.05			0	Trần Duy	11-12, D							16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
06	1190011	PIA2008-2021.06			0	Bùi Duy Anh				11-12, D				16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
	1190013	Đệm thanh nhạc 3.1	PIA2009	1															
01	1190013	PIA2009-2021.01			0									16/08/2021	14/11/2021				2019
02	1190013	PIA2009-2021.02			0	Đặng Thái Sơn							2-6, D	16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2019
03	1190013	PIA2009-2021.03			0	Lương Đức Giang							2-6, D	16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2019
04	1190013	PIA2009-2021.04			0	Trần Quốc Thùy		2-6, D						16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2019
05	1190013	PIA2009-2021.05			0	Lê Hải Thuận							2-6, D	16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2019
06	1190013	PIA2009-2021.06			0									16/08/2021	14/11/2021				2019
07	1190013	PIA2009-2021.07			0	Bùi Duy Anh				10-11, D				16/08/2021	14/11/2021			K3 Piano	2019
	1190014	Đệm thanh nhạc 3.2	PIA2009	1	4														
01	1190014	PIA2009-2021.01			2	Bùi Đăng Khánh			9-10, D					16/08/2021	14/11/2021			K2 _Piano	2018
02	1190014	PIA2009-2021.02			2	Bùi Duy Anh				9-10, D				16/08/2021	14/11/2021			K3 Piano	2018
	1190015	Đệm thanh nhạc 4.1	PIA2010	1															
01	1190015	PIA2010-2021.01			0	Lê Hải Thuận				4-5, D				16/08/2021	14/11/2021			K4 Piano	2018
02	1190015	PIA2010-2021.02			0	Đặng Thái Sơn				4-5, D				16/08/2021	14/11/2021			K4 Piano	2018
03	1190015	PIA2010-2021.03			0	Vũ Thanh Xuân			9-10, D					16/08/2021	14/11/2021			K4 Piano	2018
04	1190015	PIA2010-2021.04			0	Lại Thị Phương Thảo	4-5, D							16/08/2021	14/11/2021			K3 Piano	2018
	1200033	Đồ án công nghệ	DGI2033	3	10														
01	1200033	DGI2033-2021.01			10	Ngô Thị Thùy Thu		7-11, XM						30/08/2021	31/10/2021			K2 CNM	2018
	1020010	Đồ án tổng hợp tiên tốt nghiệp	FAD2030	2	81														

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
01	1020010	FAD2030-2021.01			10	Hoàng Thị Oanh							7-11, TTN	30/08/2021		Ko ĐK		K12 TKTT	2018
02	1020010	FAD2030-2021.02			10	Lưu Ngọc Lan							7-11, TTN	30/08/2021		Ko ĐK		K12 TKTT	2018
03	1020010	FAD2030-2021.03			10	Ng. Thị Bích Liên							7-11, TTN	30/08/2021		Ko ĐK		K12 TKTT	2018
04	1020010	FAD2030-2021.04			10	Lê Phương Anh							7-11, TTN	30/08/2021		Ko ĐK		K12 TKTT	2018
05	1020010	FAD2030-2021.05			10	Vũ Mai Hiền							7-11, TTN	30/08/2021		Ko ĐK		K12 TKTT	2018
06	1020010	FAD2030-2021.06			10	Lê Nguyễn Kiều Trang							7-11, TTN	30/08/2021		Ko ĐK		K12 TKTT	2018
07	1020010	FAD2030-2021.07			10	Đỗ Thu Huyền							7-11, TTN	30/08/2021		Ko ĐK		K12 TKTT	2018
08	1020010	FAD2030-2021.08			10	Nguyễn Huyền Trang							7-11, TTN	30/08/2021		Ko ĐK		K12 TKTT	2018
09	1020010	FAD2030-2021.09			1	Ngô Thị Thùy Thu							7-11, TTN	30/08/2021				K11B_ TKTT	2018
	1200046	Đồ án tổng hợp tiền tốt nghiệp	DGI2046	3	20														
01	1200046	DGI2046-2021.01			10	Nguyễn Bích Nhung							7-11, TTN	30/08/2021					2018
02	1200046	DGI2046-2021.02			10	Ngô Thị Thùy Thu							7-11, TTN	30/08/2021				K1_CNM	2018
	1170048	Đồ án tốt nghiệp	GRD2042*	0	180												9_TKDH_M5		
01	1170048	GRD2042*-2021.01			10	Phạm Hùng Cường							1-5, DATN	16/08/2021				K9A_TKDH	2017
02	1170048	GRD2042*-2021.02			10	Ng. Duy Quốc Tuấn							1-5, DATN	16/08/2021				K9A_TKDH	2017
03	1170048	GRD2042*-2021.03			10	Nguyễn Đức Lân							1-5, DATN	16/08/2021				K9A_TKDH	2017
04	1170048	GRD2042*-2021.04			10	Nguyễn Văn Hiến							1-5, DATN	16/08/2021				K9B_TKDH	2017
05	1170048	GRD2042*-2021.05			10	Nguyễn Quang Huy							1-5, DATN	16/08/2021				K9C_TKDH	2017
06	1170048	GRD2042*-2021.06			10	Nguyễn Xuân Tám							1-5, DATN	16/08/2021				K9C_TKDH	2017
07	1170048	GRD2042*-2021.07			10	Lò Mai Trang							1-5, DATN	16/08/2021				K9C_TKDH	2017
08	1170048	GRD2042*-2021.08			10	Nguyễn Hải Kiên							1-5, DATN	16/08/2021				K9C_TKDH	2017
09	1170048	GRD2042*-2021.09			10	Nguyễn Hữu Dũng							1-5, DATN	16/08/2021				K9C_TKDH	2017
10	1170048	GRD2042*-2021.10			10	Nguyễn Duy Hùng							1-5, DATN	16/08/2021				K9C_TKDH	2017
11	1170048	GRD2042*-2021.11			10	Phạm Phương Linh							1-5, DATN	16/08/2021				K9A_TKDH	2017
12	1170048	GRD2042*-2021.12			10	Lê Huy Thực							1-5, DATN	16/08/2021				K9A_TKDH	2017
13	1170048	GRD2042*-2021.13			10	Vũ Minh Hoàng							1-5, DATN	16/08/2021				K9C_TKDH	2017
14	1170048	GRD2042*-2021.14			10	Vũ Xuân Hiến							1-5, DATN	16/08/2021				K9C_TKDH	2017
15	1170048	GRD2042*-2021.15			10	Nguyễn Thành Sơn							1-5, DATN	16/08/2021				K9C_TKDH	2017
16	1170048	GRD2042*-2021.16			10	Nguyễn Thị Hải Yến							1-5, DATN	16/08/2021				K9C_TKDH	2017
17	1170048	GRD2042*-2021.17			10	Nguyễn Hồng Sơn							1-5, DATN	16/08/2021				K9C_TKDH	2017
18	1170048	GRD2042*-2021.18			10	Nguyễn Trần Thế Hiệp							1-5, DATN	16/08/2021				K9C_TKDH	2017
	1170023	Đồ họa ảnh	GRD2018	2	120												5_TKDH_M4		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1170023	GRD2018-2021.01			40	Nguyễn Quang Huy		1-5, E605						16/08/2021	10/10/2021			K10A TKĐH	2019
02	1170023	GRD2018-2021.02			40	Nguyễn Văn Hiến		7-11, E605						16/08/2021	10/10/2021			K9C_TKĐH	2019
03	1170023	GRD2018-2021.03			40	Vũ Minh Hoàng					1-5, E605			16/08/2021	10/10/2021			K10B TKĐH	2019
	1020032	Đồ họa thời trang 1	FAD2031	2	52														
01	1020032	FAD2031-2021.01			13	Nguyễn Hoàng Tùng				1-5, A				30/08/2021	07/11/2021			K13 TKTT	2020
02	1020032	FAD2031-2021.02			13	Hoàng Thắng				1-5, A				30/08/2021	07/11/2021			K12 TKTT	2020
03	1020032	FAD2031-2021.03			13	Nguyễn Hoàng Tùng			1-5, A					30/08/2021	07/11/2021			K14_TKTT	2020
04	1020032	FAD2031-2021.04			13	Hoàng Thắng			1-5, A					30/08/2021	07/11/2021			K12 TKTT	2020
	1020033	Đồ họa thời trang 2	FAD2032	3	45														
01	1020033	FAD2032-2021.01			15	Nguyễn Hoàng Tùng					7-11, B			30/08/2021	05/12/2021			K12 TKTT	2019
02	1020033	FAD2032-2021.02			15	Hoàng Thắng					7-11, B			30/08/2021	05/12/2021			K11B_TKTT	2019
03	1020033	FAD2032-2021.03			15	Bùi Thị Nam					7-11, B			30/08/2021	05/12/2021			K12 TKTT	2019
	1130004	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	POL2004	3	600												4* 4_mon_chung_M1		
01	1130004	POL2004-2021.01			300	Mai Thanh Hồng							1-5, E301	29/08/2021	07/11/2021			K11A_TKTT	2017
02	1130004	POL2004-2021.02			300	Phạm Ngọc Anh							7-11, E301	29/08/2021	07/11/2021			K11B_TKTT	2017
03	1130004	POL2004-2021.03			0														2017
07	1130004	POL2004-2021.07			0														2017
	1080012	Đường lối VHVN của ĐCS Việt Nam	CLM2010	2	180												2_QLVH_M3		
01	1080012	CLM2010-2021.01			55	Nguyễn Hữu Thức		1-5, E503						16/08/2021	07/11/2021			K3 DVK	2018
02	1080012	CLM2010-2021.02			55	Nguyễn Hữu Thức				1-5, E501				16/08/2021	07/11/2021			K4 HH	2020
03	1080012	CLM2010-2021.03			70	Nguyễn Thị Thanh Loan						1-5, E503		16/08/2021	07/11/2021			K3 LT CD DVK	2020
	1140007	Giáo dục học	PPE2002	4	50												2* Tam_ly giao duc		
01	1140007	PPE2002-2021.01			50	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		1-5, E505						16/08/2021	07/11/2021			K12 SPMT	2020
	1140042	Giáo dục thể chất 1	PPE2010	2	1162														
01	1140042	PPE2010-2021.01			42	Phạm Minh Tuấn					1-5, SVD			20/09/2021				K16A_SPMT	2021
02	1140042	PPE2010-2021.02			42	Phạm Minh Tuấn					7-11, SVD			20/09/2021				K16A_SPMT	2021
03	1140042	PPE2010-2021.03			42	Phạm Minh Tuấn						1-5, SVD		20/09/2021				K16A_SPMT	2021
04	1140042	PPE2010-2021.04			42	Phạm Minh Tuấn						7-11, SVD		20/09/2021				K16A_SPMT	2021
05	1140042	PPE2010-2021.05			42	Bùi Thị Ánh Tuyết	1-5, SVD							20/09/2021				K16H_SPAN	2021
06	1140042	PPE2010-2021.06			42	Bùi Thị Ánh Tuyết	7-11, SVD							20/09/2021				K16B_SPMT	2021
07	1140042	PPE2010-2021.07			42	Bùi Thị Ánh Tuyết		1-5, SVD						20/09/2021				K16C_SPMT	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
08	1140042	PPE2010-2021.08			42	Bùi Thị Ánh Tuyết				1-5, SVD				20/09/2021				K16C_SPMT	2021
09	1140042	PPE2010-2021.09			42	Bùi Thị Ánh Tuyết				7-11, SVD				20/09/2021				K16A_SPMT	2021
10	1140042	PPE2010-2021.10			42	Bùi Thị Huyền	7-11, SVD							20/09/2021				K16H_SPAN	2021
11	1140042	PPE2010-2021.11			42	Bùi Thị Huyền		7-11, SVD						20/09/2021				K16E_SPAN	2021
12	1140042	PPE2010-2021.12			42	Bùi Thị Huyền			1-5, SVD					20/09/2021				K16G_SPAN	2021
13	1140042	PPE2010-2021.13			42	Bùi Thị Huyền			7-11, SVD					20/09/2021				K16F_SPAN	2021
14	1140042	PPE2010-2021.14			42	Bùi Thị Huyền				7-11, SVD				20/09/2021				K16D_SPAN	2021
15	1140042	PPE2010-2021.15			42	Bùi Thị Huyền					7-11, SVD			20/09/2021				K16E_SPAN	2021
16	1140042	PPE2010-2021.16			42	Nguyễn Minh Trâm		1-5, SVD						20/09/2021				K16F_SPAN	2021
17	1140042	PPE2010-2021.17			42	Nguyễn Minh Trâm			1-5, SVD					20/09/2021				K7 Piano	2021
18	1140042	PPE2010-2021.18			42	Nguyễn Minh Trâm			7-11, SVD					20/09/2021				K16C_SPAN	2021
19	1140042	PPE2010-2021.19			42	Nguyễn Minh Trâm				1-5, SVD				20/09/2021				K16E_SPAN	2021
20	1140042	PPE2010-2021.20			42	Nguyễn Minh Trâm					1-5, SVD			20/09/2021				K16H_SPAN	2021
21	1140042	PPE2010-2021.21			42	Nguyễn Minh Trâm					7-11, SVD			20/09/2021				K16B_SPAN	2021
22	1140042	PPE2010-2021.22			42	Phạm Thị Huyền Trang	1-5, SVD							20/09/2021				K16D_SPAN	2021
23	1140042	PPE2010-2021.23			42	Phạm Thị Huyền Trang	7-11, SVD							20/09/2021				K7 Piano	2021
24	1140042	PPE2010-2021.24			42	Phạm Thị Huyền Trang		1-5, SVD						20/09/2021				K9 TN	2021
25	1140042	PPE2010-2021.25			35	Phạm Thị Huyền Trang		7-11, SVD ghép						20/09/2021				K7A DVK	2021
26	1140042	PPE2010-2021.26			42	Phạm Thị Huyền Trang				1-5, SVD				20/09/2021				K16A_SPAN	2021
27	1140042	PPE2010-2021.27			42	Phạm Thị Huyền Trang				7-11, SVD				20/09/2021				K16A_SPAN	2021
28	1140042	PPE2010-2021.28			35	Phạm Minh Tuấn				7-11, SVD				20/09/2021				K7B DVK	2021
	1140002	Giáo dục thể chất 1	PPE2010	0	24												1*1_mon_chung_M1		
01	1140002	PPE2010-2021.01			10	Phạm Minh Tuấn						7-11, SVD ghép		20/09/2021				K8 TN	2021
02	1140002	PPE2010-2021.02			10	Phạm Minh Tuấn						1-5, SVD ghép		20/09/2021				K15D_SPAN	2021
03	1140002	PPE2010-2021.03			2	Phạm Minh Tuấn					7-11, SVD ghép			20/09/2021				K12_D_TKDH	2021
04	1140002	PPE2010-2021.04			2	Phạm Minh Tuấn					1-5, SVD ghép			20/09/2021				K11 A TKDH	2021
	10700051	Giới thiệu nhạc cụ	MUS2030	2	320												1*MUS2030		
01	10700051	MUS2030-2021.01			40	Nguyễn Hồng Trang	7-11, D406							16/08/2021	07/11/2021	Mo 40		K15A_SPAN	2020
02	10700051	MUS2030-2021.02			40	Nguyễn Hồng Trang					1-5, D305			16/08/2021	07/11/2021			K14D SPAN	2020
03	10700051	MUS2030-2021.03			40	Nguyễn Khải	1-5, D2							16/08/2021	07/11/2021			K15A_SPAN	2020
04	10700051	MUS2030-2021.04			40	Nguyễn Khải			7-11, D2					16/08/2021	07/11/2021			K15B_SPAN	2020
05	10700051	MUS2030-2021.05			40	Nguyễn Thị Lệ Huyền					7-11, D2			16/08/2021	07/11/2021			K14A SPAN	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
06	1070051	MUS2030-2021.06			40	Nguyễn Thành Vinh		7-11, D305						16/08/2021	07/11/2021			K15A_SPAN	2020
07	1070051	MUS2030-2021.07			40	Nguyễn Thành Vinh				1-5, D1				16/08/2021	07/11/2021			K12C_SPAN	2020
08	1070051	MUS2030-2021.08			40	Lương Minh Tân				7-11, D1				16/08/2021	07/11/2021			K14D SPAN	2020
	1080228	Hành vi con người và môi trường xã hội	CLM2207	3	15												CTXH		
01	1080228	CLM2207-2021.01			15	Phạm Thanh Bình					7-11, E305			16/08/2021	14/11/2021			K1 CTXH	2020
	1070014	Hát hợp xướng A	MUS2027*	0	2												3*4* MUS2027		
01	1070014	MUS2027*-2021.01			1	Vũ Thị Thùy Linh			1-5, D1GhepHX					16/08/2021	14/11/2021			K6A TN	2019
02	1070014	MUS2027*-2021.02			1									16/08/2021	14/11/2021				2019
	1200020	Hệ thống quản lý chất lượng ngành may	DGI2020	2	15														
01	1200020	DGI2020-2021.01			15	Ngô Thị Thùy Thu						7-11, A		04/10/2021	14/11/2021			K1_CNM	2018
	1020037	Hình họa 1	FAD2050	2	121														
01	1020037	FAD2050-2021.01			16	Trương Tuấn Anh	1-5, A	1-5, A	1-5, A					27/09/2021				K15A_TKTT	2021
02	1020037	FAD2050-2021.02			15	Ngô Văn Sơn	1-5, A	1-5, A	1-5, A					27/09/2021				K15A_TKTT	2021
03	1020037	FAD2050-2021.03			15	Phạm Viết Minh Trí	1-5, A	1-5, A	1-5, A					27/09/2021				K15A_TKTT	2021
04	1020037	FAD2050-2021.04			15	Lê Mai Trinh	1-5, A	1-5, A	1-5, A					27/09/2021				K15A_TKTT	2021
05	1020037	FAD2050-2021.05			15	Vũ Thanh Nghị				7-11, A	7-11, A	7-11, A		27/09/2021				K15B_TKTT	2021
06	1020037	FAD2050-2021.06			15	Phạm Viết Minh Trí				7-11, A	7-11, A	7-11, A		27/09/2021				K15B_TKTT	2021
07	1020037	FAD2050-2021.07			15	Ngô Văn Sơn				7-11, A	7-11, A	7-11, A		27/09/2021				K15B_TKTT	2021
08	1020037	FAD2050-2021.08			15	Lê Thị Lan				7-11, A	7-11, A	7-11, A		27/09/2021				K5_CNM	2021
	1060097	Hình họa 1	FAE2047	2	150														
01	1060097	FAE2047-2021.01			0	Lê Thị Kim Liên	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					15/09/2021	07/11/2021			K8_HH	2021
02	1060097	FAE2047-2021.02			15	Nguyễn Huy Trung	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					15/09/2021	07/11/2021			K16A_SPMT	2021
03	1060097	FAE2047-2021.03			15	Nguyễn Huy Trung	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					15/09/2021	07/11/2021			K16A_SPMT	2021
04	1060097	FAE2047-2021.04			15	Hoàng Đức Dũng	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					15/09/2021	07/11/2021			K16A_SPMT	2021
05	1060097	FAE2047-2021.05			15	Nguyễn Hoàng Tùng	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					15/09/2021	07/11/2021			K16A_SPMT	2021
06	1060097	FAE2047-2021.06			15	Nguyễn Hoàng Tùng	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					15/09/2021	07/11/2021			K16A_SPMT	2021
07	1060097	FAE2047-2021.07			15	Nguyễn Quang Minh	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					15/09/2021	07/11/2021			K16B_SPMT	2021
08	1060097	FAE2047-2021.08			15	Nguyễn Quang Hải				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		15/09/2021	07/11/2021			K16B_SPMT	2021
09	1060097	FAE2047-2021.09			15	Nguyễn Quang Hải				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		15/09/2021	07/11/2021			K16C_SPMT	2021
10	1060097	FAE2047-2021.10			15	Nguyễn Đỗ Long				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		15/09/2021	07/11/2021			K16C_SPMT	2021
11	1060097	FAE2047-2021.11			15	Phan Văn Hùng	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					15/09/2021	07/11/2021			K16B_SPMT	2021
	1170053	Hình họa 1	GRD2048	2	173														

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1170053	GRD2048-2021.01			13	Trần Thanh Nga	7-11, A	7-11, A	7-11, A					13/09/2021				K13A_TKDH	2021
02	1170053	GRD2048-2021.02			13	Nguyễn Thị Mỹ	7-11, A	7-11, A	7-11, A					13/09/2021				K13A_TKDH	2021
03	1170053	GRD2048-2021.03			13	Vũ Xuân Hiền	7-11, A	7-11, A	7-11, A					13/09/2021				K13A_TKDH	2021
05	1170053	GRD2048-2021.05			13	Nguyễn Hải Kiên				7-11, A	7-11, A	7-11, A		13/09/2021				K13A_TKDH	2021
06	1170053	GRD2048-2021.06			13	Nguyễn Thị Mỹ				7-11, A	7-11, A	7-11, A		13/09/2021				K13B_TKDH	2021
07	1170053	GRD2048-2021.07			13	Nguyễn Xuân Giáp				7-11, A	7-11, A	7-11, A		13/09/2021				K13B_TKDH	2021
09	1170053	GRD2048-2021.09			13	Nguyễn Hồng Sơn	7-11, A	7-11, A	7-11, A					20/09/2021				K13B_TKDH	2021
10	1170053	GRD2048-2021.10			13	Lê Đức Tùng	7-11, A	7-11, A	7-11, A					20/09/2021				K13B_TKDH	2021
11	1170053	GRD2048-2021.11			13	Nguyễn Hải Kiên	7-11, A	7-11, A	7-11, A					20/09/2021				K13C_TKDH	2021
12	1170053	GRD2048-2021.12			14	Vũ Xuân Hiền	7-11, A	7-11, A	7-11, A					20/09/2021				K13C_TKDH	2021
13	1170053	GRD2048-2021.13			14	Nguyễn Thị Mỹ				7-11, A	7-11, A	7-11, A		20/09/2021				K13C_TKDH	2021
15	1170053	GRD2048-2021.15			14	Lê Đức Tùng				7-11, A	7-11, A	7-11, A		20/09/2021				K13C_TKDH	2021
16	1170053	GRD2048-2021.16			14	Nguyễn Hồng Sơn				7-11, A	7-11, A	7-11, A		20/09/2021				K13D_TKDH	2021
	1020041	Hình họa 3	FAD2052	2	52														
01	1020041	FAD2052-2021.01			13	Nguyễn Minh Thùy	7-11, B	7-11, B	7-11, B					23/08/2021	10/10/2021			K12 TKTT	2020
02	1020041	FAD2052-2021.02			13	Chu Đức Tùng				1-5, B	1-5, B	1-5, B		23/08/2021	10/10/2021			K3 CNM	2020
03	1020041	FAD2052-2021.03			13	Nguyễn Minh Thùy				1-5, B	1-5, B	1-5, B		23/08/2021	10/10/2021			K14_TKTT	2020
04	1020041	FAD2052-2021.04			13	Phạm Viết Minh Trí	7-11, B	7-11, B	7-11, B					23/08/2021	10/10/2021			K12 TKTT	2020
	1170055	Hình họa 3	GRD2047	2	195														
01	1170055	GRD2047-2021.01			15	Nguyễn Hải Kiên	1-2, C	1-2, C	1-2, C					16/08/2021	24/10/2021			K10B TKĐH	2020
02	1170055	GRD2047-2021.02			15	Nguyễn Hồng Sơn	1-2, C	1-2, C	1-2, C					16/08/2021	24/10/2021			K12_A_TKDH	2020
03	1170055	GRD2047-2021.03			15	Vũ Xuân Hiền	1-2, C	1-2, C	1-2, C					16/08/2021	24/10/2021			K10B TKĐH	2020
04	1170055	GRD2047-2021.04			15	Nguyễn Hải Kiên				1-2, C	1-2, C	1-2, C		16/08/2021	24/10/2021			K10A TKĐH	2020
05	1170055	GRD2047-2021.05			15	Nguyễn Thị Mỹ				1-2, C	1-2, C	1-2, C		16/08/2021	24/10/2021			K11 A TKDH	2020
06	1170055	GRD2047-2021.06			15	Nguyễn Hồng Sơn				1-2, C	1-2, C	1-2, C		16/08/2021	24/10/2021			K12_A_TKDH	2020
07	1170055	GRD2047-2021.07			15	Nguyễn Hồng Sơn	3-4, C	3-4, C	3-4, C					23/08/2021	24/10/2021			K12_A_TKDH	2020
08	1170055	GRD2047-2021.08			15	Vũ Xuân Hiền	3-4, C	3-4, C	3-4, C					23/08/2021	24/10/2021			K12_B_TKDH	2020
09	1170055	GRD2047-2021.09			15	Nguyễn Hải Kiên	3-4, C	3-4, C	3-4, C					23/08/2021	24/10/2021			K12_A_TKDH	2020
10	1170055	GRD2047-2021.10			15	Nguyễn Hồng Sơn				3-4, C	3-4, C	3-4, C		23/08/2021	24/10/2021			K11 C TKDH	2020
11	1170055	GRD2047-2021.11			15	Lê Đức Tùng				3-4, C	3-4, C	3-4, C		23/08/2021	24/10/2021			K11 C TKDH	2020
12	1170055	GRD2047-2021.12			15	Nguyễn Hải Kiên				3-4, C	3-4, C	3-4, C		23/08/2021	24/10/2021			K11 B TKDH	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
13	1170055	GRD2047-2021.13			15	Nguyễn Thị Mỹ				3-4, C	3-4, C	3-4, C		23/08/2021	24/10/2021			K12_A_TKDH	2020
	1060002	Hình họa 3	FAE2049	2	39												2018		
01	1060002	FAE2049-2021.01			13	Nguyễn Quang Hải	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					16/08/2021	10/10/2021			K15_SPMT	2020
02	1060002	FAE2049-2021.02			13	Phan Văn Hùng	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					16/08/2021	10/10/2021			K13 SPMT	2020
03	1060002	FAE2049-2021.03			13	Nguyễn Quang Minh	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					16/08/2021	10/10/2021			K12 SPMT	2020
	1060035	Hình họa 5	FAE2001	2	99												5* FAE2001		
01	1060035	FAE2001-2021.01			13					7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		16/08/2021	10/10/2021			K14 SPMT	2019
02	1060035	FAE2001-2021.02			13	Hoàng Đức Dũng				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		16/08/2021	10/10/2021			K13 SPMT	2019
03	1060035	FAE2001-2021.03			13	Nguyễn Hoàng Tùng				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		16/08/2021	10/10/2021			K13 SPMT	2019
04	1060035	FAE2001-2021.04			15											LT K13			2021
05	1060035	FAE2001-2021.05			15											LT K13			2021
06	1060035	FAE2001-2021.06			15											LT K13			2021
07	1060035	FAE2001-2021.07			15											LT K13			2021
10	1060035	FAE2001-2021.10			0														2020
11	1060035	FAE2001-2021.11			0														2020
12	1060035	FAE2001-2021.12			0														2020
13	1060035	FAE2001-2021.13			0														2020
	1060036	Hình họa 6	FAE2002	2													6* FAE2002		
01	1060036	FAE2002-2021.01			0	Đinh Tiến Hiếu							1-5, LTK12_TT					K12 CDLT_SPMT trong truong	2020
02	1060036	FAE2002-2021.02			0	Nguyễn Huy Trung							1-5, LTK12_TT					K12 CDLT_SPMT trong truong	2020
03	1060036	FAE2002-2021.03			0	Nguyễn Văn Cường							1-5, LTK12_TT					K12 CDLT_SPMT trong truong	2020
04	1060036	FAE2002-2021.04			0	Nguyễn Hoàng Tùng							1-5, LTK12_TT					K12 CDLT_SPMT trong truong	2020
08	1060036	FAE2002-2021.08			0	Đinh Tiến Hiếu						1-5, LTK12 NT	1-5, LTK12 NT					K12 CDLT_SPMT ngoại truong	2020
09	1060036	FAE2002-2021.09			0	Nguyễn Quang Hải						1-5, LTK12 NT	1-5, LTK12 NT					K12 CDLT_SPMT ngoại truong	2020
10	1060036	FAE2002-2021.10			0	Lê Thị Kim Liên						1-5, LTK12 NT	1-5, LTK12 NT					K12 CDLT_SPMT ngoại truong	2020
11	1060036	FAE2002-2021.11			0	Nguyễn Quang Minh						1-5, LTK12 NT	1-5, LTK12 NT					K12 CDLT_SPMT ngoại truong	2020
	1060037	Hình họa 7	FAE2003	3	39												7* FAE2003		
01	1060037	FAE2003-2021.01			13	Lê Thị Kim Liên	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					16/08/2021	31/10/2021	K13 SPMT		K13 SPMT	2018
02	1060037	FAE2003-2021.02			13	Nguyễn Tú Anh	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					16/08/2021	31/10/2021	K13 SPMT		K13 SPMT	2018
03	1060037	FAE2003-2021.03			13	Nguyễn Thị May	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					16/08/2021	31/10/2021	K13 SPMT		K12 SPMT	2018
	1060085	Hình họa 9	FAE2030	6	1												9*		
01	1060085	FAE2030-2021.01			1	Lê Thị Kim Liên	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					16/08/2021	28/11/2021			K4 HH	2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
	1020026	Hình họa chuyên ngành 1	FAD2020	2	45														
01	1020026	FAD2020-2021.01			15	Vũ Thanh Nghị	7-11, B	7-11, B	7-11, B					23/08/2021	10/10/2021			K12 TKTT	2019
02	1020026	FAD2020-2021.02			15	Trương Tuấn Anh	7-11, B	7-11, B	7-11, B					23/08/2021	10/10/2021			K12 TKTT	2019
03	1020026	FAD2020-2021.03			15	Ngô Văn Sơn	7-11, B	7-11, B	7-11, B					23/08/2021	10/10/2021			K13 TKTT	2019
	1170013	Hình họa chuyên ngành 1	GRD2008	4	150												5_TKDH_M3		
01	1170013	GRD2008-2021.01			15	Nguyễn Xuân Tám	7-10, A	7-10, A	7-10, A					16/08/2021	24/10/2021			K11 A TKDH	2019
02	1170013	GRD2008-2021.02			15	Nguyễn Hữu Dũng	7-10, A	7-10, A	7-10, A					16/08/2021	24/10/2021			K10A TKĐH	2019
03	1170013	GRD2008-2021.03			15	Ng.Duy Quốc Tuấn	7-10, A	7-10, A	7-10, A					16/08/2021	24/10/2021			K8B_TKĐH	2019
04	1170013	GRD2008-2021.04			15	Lê Đức Cường	7-10, A	7-10, A	7-10, A					16/08/2021	24/10/2021			K10C TKĐH	2019
05	1170013	GRD2008-2021.05			15	Vũ Xuân Hiền				7-10, A	7-10, A	7-10, A		16/08/2021	24/10/2021			K10B TKĐH	2019
06	1170013	GRD2008-2021.06			15	Lê Đức Tùng				7-10, A	7-10, A	7-10, A		16/08/2021	24/10/2021			K11 A TKDH	2019
07	1170013	GRD2008-2021.07			15	Nguyễn Hồng Sơn				7-10, A	7-10, A	7-10, A		16/08/2021	24/10/2021			K9B_TKĐH	2019
08	1170013	GRD2008-2021.08			15	Nguyễn Xuân Tám	7-10, A	7-10, A	7-10, A					23/08/2021	24/10/2021			K11 A TKDH	2019
09	1170013	GRD2008-2021.09			15	Lê Đức Cường	7-10, A	7-10, A	7-10, A					23/08/2021	24/10/2021			K8B_TKĐH	2019
10	1170013	GRD2008-2021.10			15	Ng.Duy Quốc Tuấn	7-10, A	7-10, A	7-10, A					23/08/2021	24/10/2021				2019
	1170019	Hình họa nghiên cứu hình thể tĩnh	GRD2014	3	144												Hình họa nghiên cứu vật thể tĩnh		
01	1170019	GRD2014-2021.01			16	Nguyễn Xuân Tám	1-4, A	1-4, A	1-4, A					16/08/2021	24/10/2021			K10A TKĐH	2018
02	1170019	GRD2014-2021.02			16	Nguyễn Hữu Dũng	1-4, A	1-4, A	1-4, A					16/08/2021	24/10/2021			K9C_TKĐH	2018
03	1170019	GRD2014-2021.03			16	Ng.Duy Quốc Tuấn	1-4, A	1-4, A	1-4, A					16/08/2021	24/10/2021			K8B_TKĐH	2018
04	1170019	GRD2014-2021.04			16	Lê Đức Tùng				1-4, A	1-4, A	1-4, A		16/08/2021	24/10/2021			K9B_TKĐH	2018
05	1170019	GRD2014-2021.05			16	Nguyễn Hữu Dũng				1-4, A	1-4, A	1-4, A		16/08/2021	24/10/2021			K8B_TKĐH	2018
06	1170019	GRD2014-2021.06			16	Vũ Xuân Hiền				1-4, A	1-4, A	1-4, A		16/08/2021	24/10/2021			K10A TKĐH	2018
07	1170019	GRD2014-2021.07			16	Nguyễn Xuân Tám	1-4, A	1-4, A	1-4, A					23/08/2021	24/10/2021			K10A TKĐH	2018
08	1170019	GRD2014-2021.08			16	Nguyễn Hữu Dũng	1-4, A	1-4, A	1-4, A					23/08/2021	24/10/2021			K9B_TKĐH	2018
09	1170019	GRD2014-2021.09			16	Ng.Duy Quốc Tuấn	1-4, A	1-4, A	1-4, A					23/08/2021	24/10/2021			K9B_TKĐH	2018
	1080095	Hình thể 3 (Múa)	CLM2061	3	35												DVK		
01	1080095	CLM2061-2021.01			25	Ng.Thuý Hường		1-5, NA401						16/08/2021	24/10/2021			K4 DVK-DA	2020
02	1080095	CLM2061-2021.02			10	Ng.Thuý Hường		7-11, NA401						16/08/2021	24/10/2021			K5 DVK	2020
	1070097	Hòa tấu	MUS2063	2	130												2018		
01	1070097	MUS2063-2021.01			11	Đào văn Kiên	1-2, D							16/08/2021	24/10/2021			K13A SPAN	2019
02	1070097	MUS2063-2021.02			11	Đào văn Kiên	3-5, D							16/08/2021	24/10/2021			K14B SPAN	2019
03	1070097	MUS2063-2021.03			11	Đặng Thái Sơn	7-8, D							16/08/2021	24/10/2021			K13A SPAN	2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
04	1070097	MUS2063-2021.04			11	Đặng Thái Sơn	9-10, D							16/08/2021	24/10/2021			K14A SPAN	2019
05	1070097	MUS2063-2021.05			11	Phạm Hồng Phương		7-8, D						16/08/2021	24/10/2021			K13B SPAN	2019
06	1070097	MUS2063-2021.06			11	Phạm Hồng Phương		9-10, D						16/08/2021	24/10/2021			K13B SPAN	2019
07	1070097	MUS2063-2021.07			11	Đào văn Kiên			1-2, D					16/08/2021	24/10/2021			K13D SPAN	2019
08	1070097	MUS2063-2021.08			11	Đào văn Kiên			3-5, D					16/08/2021	24/10/2021			K13A SPAN	2019
09	1070097	MUS2063-2021.09			11	Trần Quốc Thùy			7-8, D					16/08/2021	24/10/2021			K14A SPAN	2019
10	1070097	MUS2063-2021.10			11	Trần Quốc Thùy			9-10, D					16/08/2021	24/10/2021			K14A SPAN	2019
11	1070097	MUS2063-2021.11			10	Phạm Hồng Phương				7-8, D				16/08/2021	24/10/2021			K14A SPAN	2019
12	1070097	MUS2063-2021.12			10	Phạm Hồng Phương				9-10, D				16/08/2021	24/10/2021			K13B SPAN	2019
	1190017	Hòa tấu 1.1	PIA2011	1	41														
01	1190017	PIA2011-2021.01			1	Đinh Thu Hương						4-5, D		16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2018
02	1190017	PIA2011-2021.02			5	Hà Cẩm Vân		5-6, D						15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
03	1190017	PIA2011-2021.03			5	Lê Nam				5-6, D				15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
04	1190017	PIA2011-2021.04			5	Nghiêm Thị Hà Ngân		5-6, D						15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
05	1190017	PIA2011-2021.05			5	Đoàn Lê Phan Anh				5-6, D				15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
06	1190017	PIA2011-2021.06			5	Phạm Hoàng Lê				5-6, D				15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
07	1190017	PIA2011-2021.07			5	Trần Hà Mi					11-12, D			15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
08	1190017	PIA2011-2021.08			5	Nguyễn Thị Hiền Anh	5-6, D							15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
09	1190017	PIA2011-2021.09			5	Đinh Thu Hương				5-6, D				15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
10	1190017	PIA2011-2021.10			0									15/09/2021	12/12/2021				2021
	1190018	Hòa tấu 1.2	PIA2011	1	10														
01	1190018	PIA2011-2021.01			5	Đinh Thu Hương						4-5, D		16/08/2021	14/11/2021			K4 Piano	2018
02	1190018	PIA2011-2021.02			5	Trần Hà Mi						4-5, D		16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2018
	1190019	Hòa tấu 2.1	PIA2012	1															
01	1190019	PIA2012-2021.01			0	Trần Hà Mi				5-6, D				16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
03	1190019	PIA2012-2021.03			0	Nguyễn Nguyệt Cẩm							5-6, D	16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
05	1190019	PIA2012-2021.05			0	Lê Nam		9-10, D						16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
06	1190019	PIA2012-2021.06			0	Hà Cẩm Vân					3-4, D			16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
08	1190019	PIA2012-2021.08			0	Đoàn Lê Phan Anh							5-6, D	16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
09	1190019	PIA2012-2021.09			0	Nguyễn Thị Hiền Anh							3-4, D	16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
10	1190019	PIA2012-2021.10			0	Phạm Hoàng Lê							3-4, D	16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
11	1190019	PIA2012-2021.11			0	Đình Công Hải	9-10, D							16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
	1190020	Hòa tấu 2.2	PIA2012	1	1														
01	1190020	PIA2012-2021.01			1	Nguyễn Nguyệt Cẩm							1-2, D	16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2019
	1190021	Hòa tấu 3.1	PIA2013	1															
01	1190021	PIA2013-2021.01			0	Bá Sản							7-8, D	16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2019
02	1190021	PIA2013-2021.02			0	Phạm Hồng Phương			7-8, D					16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2019
03	1190021	PIA2013-2021.03			0									16/08/2021	14/11/2021				2019
04	1190021	PIA2013-2021.04			0	Cù Minh Giang							7-8, D	16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2019
05	1190021	PIA2013-2021.05			0									16/08/2021	14/11/2021				2019
06	1190021	PIA2013-2021.06			0	Nguyễn Hiền Đức			7-8, D					16/08/2021	14/11/2021			K3 Piano	2019
07	1190021	PIA2013-2021.07			0									16/08/2021	14/11/2021				2019
	1190022	Hòa tấu 3.2	PIA2013	1	1														
01	1190022	PIA2013-2021.01			1	Phạm Hồng Phương						4-5, D						K3 Piano	2018
	1190023	Hòa tấu 4.1	PIA2014	1	8														
01	1190023	PIA2014-2021.01			1	Đình Thu Hương	9-10, D							16/08/2021	14/11/2021			K4 Piano	2018
02	1190023	PIA2014-2021.02			1	Bá Sản			9-10, D					16/08/2021	14/11/2021			K3 Piano	2018
03	1190023	PIA2014-2021.03			1	Phạm Hồng Phương						4-5, D		16/08/2021	14/11/2021			K3 Piano	2018
04	1190023	PIA2014-2021.04			1	Bùi Đăng Khánh			9-10, D					16/08/2021	14/11/2021			K2 _Piano	2018
05	1190023	PIA2014-2021.05			1									16/08/2021	14/11/2021				2018
06	1190023	PIA2014-2021.06			1									16/08/2021	14/11/2021				2018
07	1190023	PIA2014-2021.07			1									16/08/2021	14/11/2021				2018
08	1190023	PIA2014-2021.08			1														2018
	1070102	Hòa thanh 1	MUS2062	2	320												3* 2018		
01	1070102	MUS2062-2021.01			40	Nguyễn Hồng Trang			7-11, D304					16/08/2021	24/10/2021	K15 A		K13A SPAN	2020
02	1070102	MUS2062-2021.02			40	Nguyễn Khải		7-11, C301						16/08/2021	24/10/2021	B		K13C SPAN	2020
03	1070102	MUS2062-2021.03			40	Nguyễn Khải				1-5, DNN				16/08/2021	24/10/2021	D		K13D SPAN	2020
04	1070102	MUS2062-2021.04			40	Phạm Thu Hường	1-5, DNN							16/08/2021	24/10/2021	C		K15C_SPAN	2020
05	1070102	MUS2062-2021.05			40	Vương Thanh						7-11, DNN		16/08/2021	24/10/2021			K13D SPAN	2020
06	1070102	MUS2062-2021.06			40	Nguyễn Thị Thu Trang (B)		1-5, D405						16/08/2021	24/10/2021	G		K13C SPAN	2020
07	1070102	MUS2062-2021.07			40	Nguyễn Thị Thu Trang (B)						1-5, D405		16/08/2021	24/10/2021	E		K14D SPAN	2020
08	1070102	MUS2062-2021.08			40	Nguyễn Thành Vinh					7-11, D2			16/08/2021	24/10/2021	F		K13B SPAN	2020
	1070116	Hòa thanh 1	MUS2022	3	1												3*MUS2022_ 2014		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
01	1070116	MUS2022-2021.01			1	Nguyễn Thành Vinh					7-11, D2 ghep			16/08/2021				K12D_SPAN	2020
	1070117	Hòa thanh 2	MUS2023	2	41												4*MUS2023_2014		
01	1070117	MUS2023-2021.01			40	Phạm Thu Hường		13-17, DNN						16/08/2021		LOp BS			2019
02	1070117	MUS2023-2021.02			1	Lại Hồng Phong							13-15, D			Lien thong		K12 CDLT SPAN	2020
	1190026	Hòa thanh trên đàn 2	PIA2016	2	30														
01	1190026	PIA2016-2021.01			30	Bùi Duy Anh					7-11, D			16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2019
	1190037	Hòa thanh trên đàn 2	PIA2026	3	2														
01	1190037	PIA2026-2021.01			2	Bùi Duy Anh					7-11, D Ghep			16/08/2021	14/11/2021	Lop ghe		K4 Piano	2018
	1080077	Hóa trang	CLM2053	2	15												DVK		
01	1080077	CLM2053-2021.01			15	Ng.Thuý Hường	7-11, NA401							16/08/2021	10/10/2021			K4 DVK-DA	2018
	1070062	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	MUS2033	2	20												6*MUS2033		
01	1070062	MUS2033-2021.01			10	Nguyễn Thị Lệ Huyền						7-11, D305 Ghep				Ghep voi trai nghiem LT		K11D_SPAN	2018
02	1070062	MUS2033-2021.02			10	Nguyễn Thị Lệ Huyền						1-5, D305 Ghep				Ghep voi trai nghiem LT		K13C SPAN	2018
	1070011	Hợp xướng 1	MUS2080	2	315												2019		
01	1070011	MUS2080-2021.01			35	Lê Vinh Hưng			7-11, DNN					16/08/2021	21/11/2021	Mo 35		K14A SPAN	2020
02	1070011	MUS2080-2021.02			35	Lê Vinh Hưng				7-11, DNN				16/08/2021	21/11/2021			K14A SPAN	2020
03	1070011	MUS2080-2021.03			35	Phạm Xuân Danh				1-5, D2				16/08/2021	21/11/2021			K14B SPAN	2020
04	1070011	MUS2080-2021.04			35	Phạm Xuân Danh		7-11, D3						16/08/2021	21/11/2021			K14B SPAN	2020
05	1070011	MUS2080-2021.05			35	Phạm Hoàng Trung	1-5, D3							16/08/2021	21/11/2021			K14A SPAN	2020
06	1070011	MUS2080-2021.06			35	Phạm Hoàng Trung		1-5, D2						16/08/2021	21/11/2021			K14A SPAN	2020
07	1070011	MUS2080-2021.07			35	Vũ Thị Thùy Linh	7-11, D1							16/08/2021	21/11/2021			K15A_SPAN	2020
08	1070011	MUS2080-2021.08			35	Vũ Thị Thùy Linh			1-5, D1					16/08/2021	21/11/2021			K14A SPAN	2020
09	1070011	MUS2080-2021.09			35	Vũ Thị Thùy Linh					7-11, DNN			16/08/2021	21/11/2021			K15A_SPAN	2020
	1070012	Hợp xướng 2	MUS2081	2	61												2019		
01	1070012	MUS2081-2021.01			1														2020
02	1070012	MUS2081-2021.02			30	Vũ Thị Thùy Linh						1-5, DNN						K12 CDLT SPAN	2020
03	1070012	MUS2081-2021.03			30	Phạm Hoàng Trung						7-11, DNN						K12 CDLT SPAN	2020
	1060056	In độc bản	FAE2017	2	120												1*FAE2017		
01	1060056	FAE2017-2021.01			15	Nguyễn Thị May						1-5, BC	1-5, BC	27/09/2021				K12 CDLT_SPMT trong trương	2020
02	1060056	FAE2017-2021.02			15	Hoàng Đức Dũng						1-5, BC	1-5, BC	27/09/2021				K12 CDLT_SPMT trong trương	2020
03	1060056	FAE2017-2021.03			15	Lê Thị Kim Liên						1-5, BC	1-5, BC	27/09/2021				K12 CDLT_SPMT trong trương	2020
04	1060056	FAE2017-2021.04			15	Nguyễn Quang Huy						1-5, BC	1-5, BC	27/09/2021				K12 CDLT_SPMT trong trương	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
05	1060056	FAE2017-2021.05			15	Nguyễn Thị May						1-5, BC	1-5, BC	27/09/2021		Ngoại truong		K12 CDLT_SPMT ngoại truong	2020
06	1060056	FAE2017-2021.06			15	Hoàng Đức Dũng						1-5, BC	1-5, BC	27/09/2021		Ngoại truong		K12 CDLT_SPMT ngoại truong	2020
07	1060056	FAE2017-2021.07			15	Lê Thị Kim Liên						1-5, BC	1-5, BC	27/09/2021		Ngoại truong		K12 CDLT_SPMT ngoại truong	2020
08	1060056	FAE2017-2021.08			15	Nguyễn Quang Huy						1-5, BC	1-5, BC	27/09/2021		Ngoại truong		K12 CDLT_SPMT ngoại truong	2020
	1070138	Keyboard/Guitar 1 A	MUS2085*	0	196														
01	1070138	MUS2085*-2021.01			0	Đào Văn Thực	9-10, C208							16/08/2021	21/11/2021	Lop học lại		K15C_SPAN	2020
02	1070138	MUS2085*-2021.02			0	Vũ Thanh Xuân					3-4, C310			16/08/2021	21/11/2021	Lop học lại		K15E_SPAN	2020
03	1070138	MUS2085*-2021.03			0	Dương Vũ Bình Minh						3-4, D102		16/08/2021	21/11/2021	Lop học lại		K13B SPAN	2020
04	1070138	MUS2085*-2021.04			1	Cù Minh Giang						3-4, D101		16/08/2021	21/11/2021	Lop học lại		K15D_SPAN	2020
05	1070138	MUS2085*-2021.05			5	Nguyễn Quang Tùng		3-4, C208						20/09/2021				K16A_SPAN	2021
06	1070138	MUS2085*-2021.06			5	Nguyễn Phương Ngọc		3-4, D103						20/09/2021				K16A_SPAN	2021
07	1070138	MUS2085*-2021.07			5	Lê Quốc Vương		3-4, D107						20/09/2021				K16A_SPAN	2021
08	1070138	MUS2085*-2021.08			5	Nguyễn Thị Thu Hương		9-10, C208						20/09/2021				K16A_SPAN	2021
09	1070138	MUS2085*-2021.09			5	Hà Tân Mùi		9-10, C210						20/09/2021				K16A_SPAN	2021
10	1070138	MUS2085*-2021.10			5	Phạm Huy Hùng		9-10, C310						20/09/2021				K16A_SPAN	2021
11	1070138	MUS2085*-2021.11			5	Ngô Thị Việt Anh		9-10, D101						20/09/2021				K16A_SPAN	2021
12	1070138	MUS2085*-2021.12			5	Nguyễn Phương Ngọc		9-10, D102						20/09/2021				K16A_SPAN	2021
13	1070138	MUS2085*-2021.13			5	Nguyễn Nguyệt Cẩm		9-10, D103						20/09/2021				K16B_SPAN	2021
14	1070138	MUS2085*-2021.14			5	Phùng Thị Lan Hương		9-10, D107						20/09/2021				K16A_SPAN	2021
15	1070138	MUS2085*-2021.15			5	Bá Sản		9-10, D108						20/09/2021				K16A_SPAN	2021
16	1070138	MUS2085*-2021.16			5	Đoàn Anh Vũ		9-10, C						20/09/2021				K16A_SPAN	2021
17	1070138	MUS2085*-2021.17			5	Đặng Thái Sơn		9-10, C						20/09/2021				K16B_SPAN	2021
18	1070138	MUS2085*-2021.18			5	Đào văn Kiên		9-10, TN						20/09/2021				K16B_SPAN	2021
19	1070138	MUS2085*-2021.19			5	Vũ Thanh Xuân		9-10, TN						20/09/2021				K16B_SPAN	2021
20	1070138	MUS2085*-2021.20			5	Bùi Duy Anh			3-4, C208					20/09/2021				K16B_SPAN	2021
21	1070138	MUS2085*-2021.21			5	Trần Hoài Sơn			9-10, D					20/09/2021				K16B_SPAN	2021
22	1070138	MUS2085*-2021.22			5	Phạm Huy Hùng			9-10, D					20/09/2021				K16B_SPAN	2021
23	1070138	MUS2085*-2021.23			5	Dương Vũ Bình Minh			9-10, D					20/09/2021				K16B_SPAN	2021
24	1070138	MUS2085*-2021.24			5	Trần Bích Thủy			9-10, D					20/09/2021				K16B_SPAN	2021
25	1070138	MUS2085*-2021.25			5	Nguyễn Thị Thu Hương			9-10, D					20/09/2021				K16B_SPAN	2021
26	1070138	MUS2085*-2021.26			5	Bùi Thị Diệu Minh			9-10, D					20/09/2021				K16C_SPAN	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
27	1070138	MUS2085*-2021.27			5	Nguyễn Quang Tùng				3-4, C208				20/09/2021				K16C_SPAN	2021
28	1070138	MUS2085*-2021.28			5	Bùi Duy Anh				3-4, C210				20/09/2021				K16C_SPAN	2021
29	1070138	MUS2085*-2021.29			5	Đào Văn Thực				3-4, C310				20/09/2021				K16C_SPAN	2021
30	1070138	MUS2085*-2021.30			5	Lê Quốc Vương				3-4, D102				20/09/2021				K16C_SPAN	2021
31	1070138	MUS2085*-2021.31			5	Lương Diệu Ánh				3-4, C				20/09/2021				K16C_SPAN	2021
32	1070138	MUS2085*-2021.32			5	Dương Vũ Bình Minh				3-4, C				20/09/2021				K16C_SPAN	2021
33	1070138	MUS2085*-2021.33			5	Cù Minh Giang					9-10, C208			20/09/2021				K16C_SPAN	2021
34	1070138	MUS2085*-2021.34			5	Vũ Ngọc Sơn					9-10, C210			20/09/2021				K16D_SPAN	2021
35	1070138	MUS2085*-2021.35			5	Trần Bích Thủy					9-10, D101			20/09/2021				K16D_SPAN	2021
36	1070138	MUS2085*-2021.36			5	Hà Tân Mùi					9-10, D102			20/09/2021				K16D_SPAN	2021
37	1070138	MUS2085*-2021.37			5	Phạm Hồng Phương					9-10, D103			20/09/2021				K16D_SPAN	2021
38	1070138	MUS2085*-2021.38			5	Hoàng Thị Trà Mi					9-10, D107			20/09/2021				K16D_SPAN	2021
39	1070138	MUS2085*-2021.39			5	Ngô Thị Việt Anh					9-10, D108			20/09/2021				K16D_SPAN	2021
40	1070138	MUS2085*-2021.40			5	Trần Hoàng Tiến						3-4, D103		20/09/2021				K16C_SPAN	2021
41	1070138	MUS2085*-2021.41			5	Trần Quốc Thùy						3-4, D107		20/09/2021				K16B_SPAN	2021
42	1070138	MUS2085*-2021.42			5	Lương Đức Giang						3-4, D108		20/09/2021				K16B_SPAN	2021
43	1070138	MUS2085*-2021.43			5	Trần Bích Thủy						3-4, C		20/09/2021				K16B_SPAN	2021
	1070140	Keyboard/Guitar 2 A	MUS2086*	0	252														
01	1070140	MUS2086*-2021.01			10	Nguyễn Thị Thu Hương	9-10, D102							16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
02	1070140	MUS2086*-2021.02			10	Vũ Thanh Xuân				9-10, D103				16/08/2021	14/11/2021			K15B_SPAN	2020
03	1070140	MUS2086*-2021.03			10	Lương Diệu Ánh	9-10, D108							16/08/2021	14/11/2021			K15B_SPAN	2020
04	1070140	MUS2086*-2021.04			10	Phùng Thị Lan Hương					3-4, D108			16/08/2021	14/11/2021			K15B_SPAN	2020
05	1070140	MUS2086*-2021.05			10	Trần Bích Thủy	9-10, C210							16/08/2021	14/11/2021	Học lại		K14A_SPAN	2020
06	1070140	MUS2086*-2021.06			10	Vũ Hồng Anh					3-4, D101			16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
07	1070140	MUS2086*-2021.07			10	Vũ Ngọc Sơn				9-10, D102				16/08/2021	14/11/2021			K15B_SPAN	2020
08	1070140	MUS2086*-2021.08			10	Lương Đức Giang			3-4, C310					16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
09	1070140	MUS2086*-2021.09			10	Trần Hoàng Tiến	9-10, C310							16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
10	1070140	MUS2086*-2021.10			10	Đặng Thái Sơn			3-4, D102					16/08/2021	14/11/2021			K15B_SPAN	2020
11	1070140	MUS2086*-2021.11			10	Cù Minh Giang					3-4, C208			16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
12	1070140	MUS2086*-2021.12			10	Cù Minh Giang			3-4, D101					16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
13	1070140	MUS2086*-2021.13			10	Trần Quốc Thùy				9-10, C210				16/08/2021	14/11/2021			K15B_SPAN	2020
14	1070140	MUS2086*-2021.14			10	Đào Văn Thực				9-10, D101				16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
15	1070140	MUS2086*-2021.15			10	Hà Tân Mùi					3-4, D102			16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
16	1070140	MUS2086*-2021.16			10	Ngô Thị Việt Anh			3-4, D108					16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
17	1070140	MUS2086*-2021.17			10	Bá Sắn	9-10, D101							16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
18	1070140	MUS2086*-2021.18			10	Bùi Thị Diệu Minh				9-10, D107				16/08/2021	14/11/2021			K15B_SPAN	2020
19	1070140	MUS2086*-2021.19			10	Đoàn Anh Vũ					3-4, D107			16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
20	1070140	MUS2086*-2021.20			10	Hoàng Thị Trà Mi				9-10, D108				16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
21	1070140	MUS2086*-2021.21			10	Dương Vũ Bình Minh					3-4, C210			16/08/2021	14/11/2021			K15C_SPAN	2020
22	1070140	MUS2086*-2021.22			10	Đào văn Kiên	9-10, D107							16/08/2021	14/11/2021			K15B_SPAN	2020
23	1070140	MUS2086*-2021.23			10	Hoàng Thị Trà Mi			3-4, D107					16/08/2021	14/11/2021			K15D_SPAN	2020
24	1070140	MUS2086*-2021.24			10	Mai Trần Hoàn				9-10, C				16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
25	1070140	MUS2086*-2021.25			10	Vũ Thanh Xuân			3-4, C210					16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
29	1070140	MUS2086*-2021.29			0	Nguyễn Nguyệt Cẩm			3-4, D103					16/08/2021	14/11/2021	Kong DK		K15A_SPAN	2020
30	1070140	MUS2086*-2021.30			0	Nguyễn Quang Tùng			9-10, C208					16/08/2021	14/11/2021	Kong DK		K15E_SPAN	2020
32	1070140	MUS2086*-2021.32			0	Bùi Thị Diệu Minh						3-4, D		16/08/2021	14/11/2021	Lop học lai		K13A SPAN	2020
33	1070140	MUS2086*-2021.33			1	Trần Hoàng Tiến	13-14, D							16/08/2021	14/11/2021			K15E_SPAN	2020
34	1070140	MUS2086*-2021.34			1	Vũ Thanh Xuân				13-14, D				16/08/2021	14/11/2021			K15D_SPAN	2020
	1070063	Keyboard/Guitar 3A	MUS2087*	0	62												2019		
01	1070063	MUS2087*-2021.01			0	Nguyễn Nguyệt Cẩm				3-4, D103				16/08/2021	14/11/2021			K14B SPAN	2019
02	1070063	MUS2087*-2021.02			0	Nguyễn Thị Thu Hương						3-4, C208		16/08/2021	14/11/2021			K14A SPAN	2019
03	1070063	MUS2087*-2021.03			0	Lương Diệu Ánh			9-10, D108					16/08/2021	14/11/2021			K14A SPAN	2019
04	1070063	MUS2087*-2021.04			0	Trần Bích Thủy	3-4, C210							16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2019
05	1070063	MUS2087*-2021.05			0	Vũ Ngọc Sơn			9-10, D103					16/08/2021	14/11/2021			K14A SPAN	2019
06	1070063	MUS2087*-2021.06			0	Lương Đức Giang	3-4, C310							16/08/2021	14/11/2021			K14A SPAN	2019
07	1070063	MUS2087*-2021.07			0	Đặng Thái Sơn	3-4, D102							16/08/2021	14/11/2021			K14A SPAN	2019
08	1070063	MUS2087*-2021.08			0	Cù Minh Giang			9-10, D101					16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2019
09	1070063	MUS2087*-2021.09			0	Bùi Thị Diệu Minh	3-4, E305							16/08/2021	14/11/2021			K13B SPAN	2019
10	1070063	MUS2087*-2021.10			0	Hà Tân Mùi		3-4, C210						16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2019
11	1070063	MUS2087*-2021.11			0	Bá Sắn		3-4, D108						16/08/2021	14/11/2021			K14A SPAN	2019
12	1070063	MUS2087*-2021.12			0	Đào Văn Thực			9-10, C210					16/08/2021	14/11/2021			K13C SPAN	2019
13	1070063	MUS2087*-2021.13			0	Đoàn Anh Vũ						3-4, D		16/08/2021	14/11/2021	Lop học lai		K12A_SPAN	2020
14	1070063	MUS2087*-2021.14			0	Đoàn Anh Vũ		3-4, D102						16/08/2021	14/11/2021			K13C SPAN	2019
15	1070063	MUS2087*-2021.15			0	Ngô Thị Việt Anh	3-4, D108							16/08/2021	14/11/2021			K14A SPAN	2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
16	1070063	MUS2087*-2021.16			10	Đào văn Kiên						1-2, D		20/09/2021				K13 SPAN CD	2021
17	1070063	MUS2087*-2021.17			10	Mai Trần Hoàn						1-2, D		20/09/2021				K13 SPAN CD	2021
18	1070063	MUS2087*-2021.18			10	Lương Diệu Ánh						7-8, D		20/09/2021				K13 SPAN CD	2021
19	1070063	MUS2087*-2021.19			10	Mai Trần Hoàn						7-8, D		20/09/2021				K13 SPAN CD	2021
20	1070063	MUS2087*-2021.20			10	Lương Đức Giang						7-8, D		20/09/2021				K13 SPAN CD	2021
21	1070063	MUS2087*-2021.21			12	Nguyễn Phương Ngọc						1-2, D		20/09/2021				K13 SPAN CD	2021
	1070144	Keyboard/Guitar 4	MUS2088	1															
01	1070144	MUS2088-2021.01			0	Mai Trần Hoàn							9-10, D107	16/08/2021	14/11/2021			K12 CDLT SPAN	2020
02	1070144	MUS2088-2021.02			0	Vũ Ngọc Sơn							9-10, D108	16/08/2021	14/11/2021			K12 CDLT SPAN	2020
03	1070144	MUS2088-2021.03			0	Trần Hoài Sơn							1-5, D202	16/08/2021	14/11/2021			K12 CDLT SPAN	2020
04	1070144	MUS2088-2021.04			0	Mai Trần Hoàn							1-5, D107	16/08/2021	14/11/2021			K12 CDLT SPAN	2020
05	1070144	MUS2088-2021.05			0	Vũ Ngọc Sơn							1-5, D108	16/08/2021	14/11/2021			K12 CDLT SPAN	2020
	1080098	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 3	CLM2064	3	32														
01	1080098	CLM2064-2021.01			16	Kiều Minh Hiếu				1-5, NA401				16/08/2021	24/10/2021			K6 DVK	2020
02	1080098	CLM2064-2021.02			16	Kiều Minh Hiếu				7-11, NA401				16/08/2021	24/10/2021			K5 DVK	2020
	1080100	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 5	CLM2066	3	25														
01	1080100	CLM2066-2021.01			25	Dương Anh Đức				1-5, NA501				16/08/2021	24/10/2021			K3 DVK	2019
	1080102	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 7	CLM2068	3	15														
01	1080102	CLM2068-2021.01			15	Đinh Xuân Tùng		1-5, E;7-11, E	1-5, E;7-11, E					27/12/2021		Học bu ko chuyen dc ky do sv da nop tien		K3 DVK	2018
	1080103	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 8	CLM2069	3	15														
01	1080103	CLM2069-2021.01			15	Đinh Xuân Tùng				1-5, E						Học bu ko chuyen dc ky do sv da nop tien		K2 LT DVKDA	2020
	1080120	Kỹ thuật điện ảnh	CLM2082	2	25														
01	1080120	CLM2082-2021.01			25	Nguyễn Tuấn Anh		7-11, E101						16/08/2021	10/10/2021			K4 DVK-DA	2019
	1200021	Kỹ thuật tạo chất liệu vải	DGI2021	2	20														
01	1200021	DGI2021-2021.01			20	Lê Nguyễn Kiều Trang			1-5, A					30/08/2021	07/11/2021			K3 CNM	2019
	1070007	Ký xướng âm 1	MUS2017	2	567												1* MUS2017		
01	1070007	MUS2017-2021.01			20	Nguyễn Đức Linh	1-5, D206							16/08/2021				K15B_SPAN	2020
02	1070007	MUS2017-2021.02			20	Nguyễn Thị Thu Trang (B)	1-5, D304							16/08/2021				K15D_SPAN	2020
03	1070007	MUS2017-2021.03			15	Nguyễn Thị Phương Mai	1-5, D406							16/08/2021				K12A_SPAN	2020
04	1070007	MUS2017-2021.04			16	Vũ Thị Kim Thu	1-5, E305							20/09/2021				K16C_SPAN	2021
05	1070007	MUS2017-2021.05			16	Phạm Thu Hường	7-11, D204							20/09/2021				K16A_SPAN	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
06	1070007	MUS2017-2021.06			16	Ng.Thị Thu Trang (A)	7-11, DNN							20/09/2021				K16A_SPAN	2021
07	1070007	MUS2017-2021.07			16	Nguyễn Thị Thu Trang (B)	7-11, D304							20/09/2021				K16C_SPAN	2021
08	1070007	MUS2017-2021.08			16	Nghiêm Hồng Hà		1-5, D3						20/09/2021				K16A_SPAN	2021
09	1070007	MUS2017-2021.09			16	Nguyễn Khải		1-5, D304						20/09/2021				K16A_SPAN	2021
10	1070007	MUS2017-2021.10			16	Đoàn Thị Thanh Vân		1-5, D306						20/09/2021				K16B_SPAN	2021
11	1070007	MUS2017-2021.11			16	Khuất Duy Nhã		7-11, D406						20/09/2021				K16A_SPAN	2021
12	1070007	MUS2017-2021.12			16	Đỗ Thị Thanh Nhân		7-11, E304						20/09/2021				K16B_SPAN	2021
13	1070007	MUS2017-2021.13			16	Đoàn Thị Thanh Vân		7-11, D204						20/09/2021				K16C_SPAN	2021
14	1070007	MUS2017-2021.14			16	Nguyễn Thị Thu Trang (B)			1-5, D404					20/09/2021				K16A_SPAN	2021
15	1070007	MUS2017-2021.15			16	Trần Thị Thanh Hương			1-5, E304					20/09/2021				K16B_SPAN	2021
16	1070007	MUS2017-2021.16			16	Trần Vương Thanh			1-5, E305					20/09/2021				K16E_SPAN	2021
17	1070007	MUS2017-2021.17			16	Vũ Thị Kim Thu			7-11, D204					20/09/2021				K16C_SPAN	2021
18	1070007	MUS2017-2021.18			16	Trần Thị Thanh Hương			7-11, E304					20/09/2021				K16D_SPAN	2021
19	1070007	MUS2017-2021.19			16	Khuất Duy Nhã			7-11, E305					20/09/2021				K16D_SPAN	2021
20	1070007	MUS2017-2021.20			16	Nguyễn Thị Thu Trang (B)				1-5, D404				20/09/2021				K16D_SPAN	2021
21	1070007	MUS2017-2021.21			16	Khuất Duy Nhã				1-5, D405				20/09/2021				K16D_SPAN	2021
22	1070007	MUS2017-2021.22			16	Đoàn Thị Thanh Vân				1-5, E305				20/09/2021				K16E_SPAN	2021
23	1070007	MUS2017-2021.23			16	Lại Hồng Phong				7-11, D405				20/09/2021				K16D_SPAN	2021
24	1070007	MUS2017-2021.24			16	Nguyễn Khải				7-11, D204				20/09/2021				K16E_SPAN	2021
25	1070007	MUS2017-2021.25			16	Ng.Thị Thu Trang (A)				7-11, D404				20/09/2021				K16G_SPAN	2021
26	1070007	MUS2017-2021.26			16	Nghiêm Hồng Hà					1-5, D404			20/09/2021				K16E_SPAN	2021
27	1070007	MUS2017-2021.27			16	Ng.Thị Thu Trang (A)					1-5, D405			20/09/2021				K16F_SPAN	2021
28	1070007	MUS2017-2021.28			16	Nguyễn Đức Linh					1-5, D204			20/09/2021				K16F_SPAN	2021
29	1070007	MUS2017-2021.29			16	Nguyễn Thị Lệ Huyền					1-5, E304			20/09/2021				K16H_SPAN	2021
30	1070007	MUS2017-2021.30			16	Vũ Thị Kim Thu				7-11, D404				20/09/2021				K16F_SPAN	2021
31	1070007	MUS2017-2021.31			16	Nghiêm Hồng Hà					7-11, D204			20/09/2021				K16G_SPAN	2021
32	1070007	MUS2017-2021.32			16	Nguyễn Thị Thu Trang (B)					7-11, D405			20/09/2021				K16G_SPAN	2021
33	1070007	MUS2017-2021.33			16	Khuất Duy Nhã						1-5, D304		20/09/2021				K16G_SPAN	2021
34	1070007	MUS2017-2021.34			16	Nguyễn Đức Linh						1-5, D204		20/09/2021				K7 Piano	2021
35	1070007	MUS2017-2021.35			16	Phạm Thu Hường						7-11, D405		20/09/2021				K16G_SPAN	2021
	1070015	Kỹ xướng âm 2	MUS2018	2	34												2* Dùng chung		
01	1070015	MUS2018-2021.01			17	Nguyễn Đức Linh	13-16, D204							16/08/2021	24/10/2021			K14A SPAN	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
02	1070015	MUS2018-2021.02			17	Nguyễn Hồng Trang						7-11, D206		16/08/2021	24/10/2021			K15G_SPAN	2020
	1070021	Kỹ xướng âm 3	MUS2019	2	357												3* MUS2019		
01	1070021	MUS2019-2021.01			17	Mai Linh Chi	7-11, D404							16/08/2021	14/11/2021	Mo 17		K13B SPAN	2020
02	1070021	MUS2019-2021.02			17	Mai Linh Chi					7-11, D304			16/08/2021	14/11/2021			K13C SPAN	2020
03	1070021	MUS2019-2021.03			17	Nguyễn Thị Phương Mai			7-11, D406					16/08/2021	14/11/2021			K13C SPAN	2020
04	1070021	MUS2019-2021.04			17	Ng.Thị Thu Trang (A)						1-5, D406		16/08/2021	14/11/2021			K14A_SPAN	2020
05	1070021	MUS2019-2021.05			17	Nguyễn Đức Linh		7-11, D404						16/08/2021	14/11/2021			K13D SPAN	2020
06	1070021	MUS2019-2021.06			17	Phạm Thu Hường		1-5, D406						16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
07	1070021	MUS2019-2021.07			17	Phạm Thu Hường				7-11, D304				16/08/2021	14/11/2021			K13B SPAN	2020
08	1070021	MUS2019-2021.08			17	Khuất Duy Nhã						7-11, D404		16/08/2021	14/11/2021			K14B SPAN	2020
09	1070021	MUS2019-2021.09			17	Vũ Thị Kim Thu			1-5, D304					16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2020
10	1070021	MUS2019-2021.10			17	Vũ Thị Kim Thu						7-11, D304		16/08/2021	14/11/2021			K12A_SPAN	2020
11	1070021	MUS2019-2021.11			17	Nguyễn Hồng Trang		1-5, D204						16/08/2021	14/11/2021			K15B_SPAN	2020
12	1070021	MUS2019-2021.12			17	Nguyễn Hồng Trang				1-5, D406				16/08/2021	14/11/2021			K14B SPAN	2020
13	1070021	MUS2019-2021.13			17	Trần Thị Thanh Hương				1-5, D304				16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
14	1070021	MUS2019-2021.14			17	Nguyễn Thành Vinh	1-5, D204							16/08/2021	14/11/2021			K14D SPAN	2020
15	1070021	MUS2019-2021.15			17	Nguyễn Thành Vinh				7-11, D406				16/08/2021	14/11/2021			K12C_SPAN	2020
16	1070021	MUS2019-2021.16			17	Nguyễn Thị Lệ Huyền	1-5, D405							16/08/2021	14/11/2021			K14C SPAN	2020
17	1070021	MUS2019-2021.17			17	Nguyễn Thị Lệ Huyền	7-11, D405							16/08/2021	14/11/2021			K12D_SPAN	2020
18	1070021	MUS2019-2021.18			17	Nguyễn Khải					1-5, D406			16/08/2021	14/11/2021			K14A SPAN	2020
19	1070021	MUS2019-2021.19			17	Nghiêm Hồng Hà			7-11, D405					16/08/2021	14/11/2021			K15B_SPAN	2020
20	1070021	MUS2019-2021.20			17	Nghiêm Hồng Hà				1-5, D406				16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
21	1070021	MUS2019-2021.21			17	Khuất Duy Nhã						1-5, D304 BS		16/08/2021	14/11/2021	Lop BS			2020
	1070026	Kỹ xướng âm 4	MUS2020	2	20												4* MUS2020		
01	1070026	MUS2020-2021.01			17	Nguyễn Đức Linh							7-11, D	16/08/2021		Lop BS		K12 CDLT SPAN	2019
02	1070026	MUS2020-2021.02			1	Nguyễn Thị Phương Mai							1-5, D	16/08/2021				K12 CDLT SPAN	2020
03	1070026	MUS2020-2021.03			1	Nguyễn Thành Vinh							7-11, D	16/08/2021				K12 CDLT SPAN	2020
04	1070026	MUS2020-2021.04			1									16/08/2021					2020
	1070037	Kỹ xướng âm 5	MUS2021	2	136												5* MUS2021		
01	1070037	MUS2021-2021.01			17	Nguyễn Đức Linh		1-5, E307						16/08/2021	14/11/2021	Mo 17		K12A_SPAN	2019
02	1070037	MUS2021-2021.02			17	Mai Linh Chi	1-5, E307							16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2019
03	1070037	MUS2021-2021.03			17														2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
04	1070037	MUS2021-2021.04			17	Nguyễn Khải			1-5, E307					16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2019
06	1070037	MUS2021-2021.06			17	Nguyễn Thành Vinh			7-11, E307					16/08/2021	14/11/2021			K14A SPAN	2019
07	1070037	MUS2021-2021.07			17	Nguyễn Hồng Trang				1-5, D204				16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2019
08	1070037	MUS2021-2021.08			17	Nguyễn Hồng Trang					7-11, D204			16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2019
09	1070037	MUS2021-2021.09			17	Vũ Thị Kim Thu		7-11, D304						16/08/2021	14/11/2021			K14A SPAN	2019
	1080199	Lễ hội Việt Nam	CLM2123	2	50												DL		
01	1080199	CLM2123-2021.01			50	Nguyễn Thị Thanh Loan			7-11, E501					16/08/2021	14/11/2021			K1 Du lịch	2020
	1070020	Lịch sử âm nhạc thế giới 1	MUS2004	2	1												1*MUS2004		
01	1070020	MUS2004-2021.01			1	Nghiêm Hồng Hà	13-17, DNN ghép							16/08/2021				K4 AN MN	2020
	1070112	Lịch sử âm nhạc thế giới 1	MUS2060	2	320												2018		
01	1070112	MUS2060-2021.01			40	Vũ Thị Kim Thu					1-5, DNN			16/08/2021	24/10/2021	Mo 40		K13D SPAN	2020
02	1070112	MUS2060-2021.02			40	Vũ Thị Kim Thu						1-5, D305		16/08/2021	24/10/2021			K14A SPAN	2020
03	1070112	MUS2060-2021.03			40	Đoàn Thị Thu Hà	1-5, D1							16/08/2021	24/10/2021			K13B SPAN	2020
04	1070112	MUS2060-2021.04			40	Đoàn Thị Thu Hà		1-5, D1						16/08/2021	24/10/2021			K13A SPAN	2020
05	1070112	MUS2060-2021.05			40	Nghiêm Hồng Hà	13-17, DNN							16/08/2021	24/10/2021			K14B SPAN	2020
06	1070112	MUS2060-2021.06			40	Nghiêm Hồng Hà			1-5, DNN					16/08/2021	24/10/2021			K15A_SPAN	2020
07	1070112	MUS2060-2021.07			40	Nguyễn Thị Tố Mai				7-11, E306				16/08/2021	24/10/2021			K13B SPAN	2020
08	1070112	MUS2060-2021.08			40	Trần Thị Thanh Hương						7-11, DNN		16/08/2021	24/10/2021			K13D SPAN	2020
	1070104	Lịch sử âm nhạc thế giới 2	MUS2061	2	41												2018		
01	1070104	MUS2061-2021.01			40	Đoàn Thị Thu Hà	13-17, D1							16/08/2021	24/10/2021	Lop BS		K12B_SPAN	2019
02	1070104	MUS2061-2021.02			1	Đoàn Thị Thu Hà							13-15, D	16/08/2021	24/10/2021	Lien thong		K12 CDLT SPAN	2020
	1070118	Lịch sử âm nhạc thế giới 3	MUS2006	2	1												3*MUS2006_2014		
01	1070118	MUS2006-2021.01			1	Đoàn Thị Thu Hà	13-17, D1 ghép							16/08/2021	24/10/2021	Lop ghép		K5B_TN	2018
	1140041	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POL2013	2	420												5 2019		
01	1140041	POL2013-2021.01			60	Mai Thanh Hồng		1-5, E301						16/08/2021	10/10/2021			K13 TKTT	2019
02	1140041	POL2013-2021.02			60	Mai Thanh Hồng				1-5, E403				16/08/2021	10/10/2021			K13 TKTT	2019
03	1140041	POL2013-2021.03			60	Mai Thanh Hồng						1-5, E101		16/08/2021	10/10/2021			K13 TKTT	2019
04	1140041	POL2013-2021.04			60	Mai Thanh Hồng						7-11, E507		16/08/2021	10/10/2021			K14A SPAN	2019
05	1140041	POL2013-2021.05			60	Phạm Ngọc Anh	1-5, E301							16/08/2021	10/10/2021			K13 TKTT	2019
06	1140041	POL2013-2021.06			60	Phạm Ngọc Anh						1-5, E507		16/08/2021	10/10/2021			K14 SPMT	2019
07	1140041	POL2013-2021.07			60	Phạm Ngọc Anh						7-11, E101		16/08/2021	10/10/2021			K13 TKTT	2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1080089	Lịch sử Điện ảnh Thế giới và Việt Nam	CLM2058	3	90												DVK		
01	1080089	CLM2058-2021.01			25	Hà Thị Thu Hà				7-11, E501				16/08/2021	24/10/2021			K1 LT TC DVKDA	2019
02	1080089	CLM2058-2021.02			65	Hà Thị Thu Hà			1-5, E505					20/09/2021				K3 LT CD DVK	2021
	1060105	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới và Việt nam	FAE2093	3	40												2019		
01	1060105	FAE2093-2021.01			40	Nguyễn Minh Tân						1-5, C21		16/08/2021	24/10/2021			K14 SPMT	2019
	1080084	Lịch sử sân khấu Thế giới và Việt Nam	CLM2057	3	65														
01	1080084	CLM2057-2021.01			65	Hà Thị Hoa	7-11, E502							20/09/2021				K3 LT CD DVK	2021
	1130006	Lịch sử triết học 2	POL2006	2	20												6* 7_TKDH_TC		
01	1130006	POL2006-2021.01			20	Đình Văn Hoàng	7-11, E301							11/10/2021	21/11/2021	Xếp gọi sau CN		K6 HH	2019
	1080004	Lịch sử văn học Việt Nam và Thế giới	CLM2089	2	25												DVK 2019		
01	1080004	CLM2089-2021.01			25	Hà Thị Thu Hà				7-11, E505				16/08/2021	24/10/2021			K3 LT CD DVK	2019
	1070005	Lý thuyết Âm nhạc 1	MUS2008	3	98												1*MUS2008		
01	1070005	MUS2008-2021.01			1	Ng.Thị Thu Trang (A)	1-5, E305 A							20/09/2021				K16A_SPAN	2021
02	1070005	MUS2008-2021.02			1	Nguyễn Thị Phương Mai	7-11, D305 B							20/09/2021				K16B_SPAN	2021
03	1070005	MUS2008-2021.03			1	Đỗ Thị Thanh Nhàn		1-5, E305 C						20/09/2021				K16C_SPAN	2021
04	1070005	MUS2008-2021.04			30	Nguyễn Thị Thu Trang (B)		7-11, D1						20/09/2021		TN P		K7 Piano	2021
05	1070005	MUS2008-2021.05			1	Mai Linh Chi			1-5, D305 D					20/09/2021				K16D_SPAN	2021
06	1070005	MUS2008-2021.06			1	Mai Linh Chi			7-11, D305 E					20/09/2021				K16E_SPAN	2021
07	1070005	MUS2008-2021.07			30	Trần Vương Thanh				1-5, E305				20/09/2021		TN P		K7 Piano	2021
08	1070005	MUS2008-2021.08			1	Đoàn Thị Thanh Vân				7-11, E305 F				20/09/2021				K16F_SPAN	2021
09	1070005	MUS2008-2021.09			1	Nguyễn Thị Thu Trang (B)					1-5, D1 G			20/09/2021				K16G_SPAN	2021
10	1070005	MUS2008-2021.10			30	Ng.Thị Thu Trang (A)				7-11, DNN				20/09/2021		TN P		K7 Piano	2021
11	1070005	MUS2008-2021.11			1	Trần Vương Thanh						1-5, DNN H		20/09/2021				K16H_SPAN	2021
	1070013	Lý thuyết Âm nhạc 2	MUS2009	2	40												2*MUS2009		
01	1070013	MUS2009-2021.01			40	Lại Hồng Phong			13-16, DNN					16/08/2021	14/11/2021			K13C SPAN	2020
	1080034	Marketing văn hóa nghệ thuật	CLM2035	2	50												7_QLVH_M4		
01	1080034	CLM2035-2021.01			50	Tráng Thị Thuý		7-11, C21						16/08/2021	24/10/2021			K11 QLVH	2018
	1070006	Múa A	MUS2011*	0	387												1*MUS2011		
01	1070006	MUS2011*-2021.01			0	Phạm Ngọc Thùy					1-5, E607			16/08/2021	14/11/2021			K12A_SPAN	2020
02	1070006	MUS2011*-2021.02			21	Ng.Th.Quỳnh Phương	1-5, E607							20/09/2021				K16B_SPAN	2021
03	1070006	MUS2011*-2021.03			21	Ng.Th.Quỳnh Phương	1-5, E607							20/09/2021				K16B_SPAN	2021
04	1070006	MUS2011*-2021.04			21	Ng.Th.Quỳnh Phương	7-11, E607							20/09/2021				K16A_SPAN	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
05	1070006	MUS2011*-2021.05			21	Ng.Th.Quỳnh Phương	7-11, E607							20/09/2021				K16A_SPAN	2021
06	1070006	MUS2011*-2021.06			21	Nông Thu Giang		1-5, E607						20/09/2021				K16A_SPAN	2021
07	1070006	MUS2011*-2021.07			21	Nông Thu Giang		1-5, E607						20/09/2021				K16A_SPAN	2021
08	1070006	MUS2011*-2021.08			21	Nông Thu Giang		7-11, E607						20/09/2021				K16B_SPAN	2021
09	1070006	MUS2011*-2021.09			20	Nông Thu Giang		7-11, E607						20/09/2021				K16C_SPAN	2021
10	1070006	MUS2011*-2021.10			20	Ng.Th.Quỳnh Phương			1-5, E607					20/09/2021				K16A_SPAN	2021
11	1070006	MUS2011*-2021.11			20	Ng.Th.Quỳnh Phương			1-5, E607					20/09/2021				K16C_SPAN	2021
12	1070006	MUS2011*-2021.12			20	Phạm Ngọc Thùy			7-11, E607					20/09/2021				K16A_SPAN	2021
13	1070006	MUS2011*-2021.13			20	Phạm Ngọc Thùy			7-11, E607					20/09/2021				K16F_SPAN	2021
14	1070006	MUS2011*-2021.14			20	Ng.Th.Quỳnh Phương				1-5, E607				20/09/2021				K16D_SPAN	2021
15	1070006	MUS2011*-2021.15			20	Ng.Th.Quỳnh Phương				1-5, E607				20/09/2021				K16D_SPAN	2021
16	1070006	MUS2011*-2021.16			20	Ng.Th.Quỳnh Phương				7-11, E607				20/09/2021				K16E_SPAN	2021
17	1070006	MUS2011*-2021.17			20	Ng.Th.Quỳnh Phương				7-11, E607				20/09/2021				K16E_SPAN	2021
18	1070006	MUS2011*-2021.18			20	Phạm Ngọc Thùy					1-5, E607			20/09/2021				K16E_SPAN	2021
19	1070006	MUS2011*-2021.19			20	Phạm Ngọc Thùy					7-11, E607			20/09/2021				K16E_SPAN	2021
20	1070006	MUS2011*-2021.20			20	Phạm Ngọc Thùy					7-11, E607			20/09/2021				K16G_SPAN	2021
	1080051	Mỹ học	CLM2006	2	65												1_QLVH_M1		
01	1080051	CLM2006-2021.01			65									20/09/2021					2021
	1060098	Mỹ học	FAE2072	2	210												2*		
01	1060098	FAE2072-2021.01			42	Nguyễn Minh Tân	7-11, C21							16/08/2021	10/10/2021	K12 TKDH SPMT		K12 TKTT	2020
02	1060098	FAE2072-2021.02			42	Nguyễn Minh Tân		1-5, C21						16/08/2021	10/10/2021	K12 TKDH SPMT		K12 TKTT	2020
03	1060098	FAE2072-2021.03			42	Nguyễn Minh Tân			1-5, C21					16/08/2021	10/10/2021	K12 TKDH SPMT		K14_TKTT	2020
04	1060098	FAE2072-2021.04			42	Nguyễn Minh Tân				1-5, C21				16/08/2021	10/10/2021	K12 TKDH SPMT		K12 TKTT	2020
05	1060098	FAE2072-2021.05			42	Nguyễn Minh Tân					1-5, C21			16/08/2021	10/10/2021	K12 TKDH SPMT		K11B_TKTT	2020
	1070046	Mỹ học (AN)	MUS2002	2	169												MUS2002		
01	1070046	MUS2002-2021.01			43	Nguyễn Đăng Nghị		1-5, E305						16/08/2021	10/10/2021	Mo 40		K13A SPAN	2018
02	1070046	MUS2002-2021.02			42	Trần Vĩnh Khương	1-5, E502							16/08/2021	10/10/2021			K13A SPAN	2018
03	1070046	MUS2002-2021.03			42	Trần Vĩnh Khương			1-5, E306					16/08/2021	10/10/2021			K13A SPAN	2018
04	1070046	MUS2002-2021.04			42	Trần Vĩnh Khương				1-5, E502				16/08/2021	10/10/2021			K12A_SPAN	2018
	1060100	Mỹ thuật Sân khấu biểu diễn	FAE2090	2	100												2019		
01	1060100	FAE2090-2021.01			15	Chu Hoàng Trung						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B			LT K13		K13_CDLT_SPMT	2021
02	1060100	FAE2090-2021.02			15	Nguyễn Tuấn Cường						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B			LT K13		K13_CDLT_SPMT	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1060100	FAE2090-2021.03			15	Nguyễn Quang Huy						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B			LT K13		K13_CDLT_SPMT	2021
04	1060100	FAE2090-2021.04			15	Lưu Thị Hồng Diễm						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B			LT K13		K13_CDLT_SPMT	2021
11	1060100	FAE2090-2021.11			0	Vũ Thị Kim Vân						1-5, B	1-5, B:7-11, B					K13_CDLT_SPMT	2021
12	1060100	FAE2090-2021.12			0	Nguyễn Thị Trang Ngà						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B					K13_CDLT_SPMT	2021
13	1060100	FAE2090-2021.13			0	Nguyễn Thị Hà Hoa						1-5, B	1-5, B:7-11, B					K13_CDLT_SPMT	2021
14	1060100	FAE2090-2021.14			0	Nguyễn Thị Huyền						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B					K13_CDLT_SPMT	2021
15	1060100	FAE2090-2021.15			0	Chu Thị Hương Thu						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B					K13_CDLT_SPMT	2021
17	1060100	FAE2090-2021.17			40	Chu Thị Hương Thu						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B					K13_CDLT_SPMT	2021
	1070052	Nghệ thuật học đại cương	MUS2003	2	160												1*MUS2003		
01	1070052	MUS2003-2021.01			40	Trần Vĩnh Khương				7-11, E307				16/08/2021	24/10/2021	Mo 40		K13A_SPAN	2018
02	1070052	MUS2003-2021.02			40	Trần Vĩnh Khương	7-11, C301							16/08/2021	24/10/2021			K12A_SPAN	2018
03	1070052	MUS2003-2021.03			40											Huy			2018
04	1070052	MUS2003-2021.04			40	Nguyễn Đăng Nghị		7-11, E305						16/08/2021	24/10/2021			K13A_SPAN	2018
	1080027	Nghệ thuật thực hành	CLM2024	4	75												chọn 1/5		
01	1080027	CLM2024-2021.01			25	Nguyễn Đức Hoàng		1-5, C206 Đàn		1-5, C206 Đàn				16/08/2021	28/11/2021			K13_QLVH	2019
02	1080027	CLM2024-2021.02			25	Phạm Ngọc Thùy		7-11, NA501 Múa		7-11, NA501 Múa				16/08/2021	28/11/2021			K13_QLVH	2019
03	1080027	CLM2024-2021.03			25	Trần Thị Thảo			7-11, D307 Hat			1-5, D307 Hat		16/08/2021	28/11/2021			K13_QLVH	2019
	1060096	Nghiên cứu tác phẩm của các danh họa	FAE2046	2	10														
01	1060096	FAE2046-2021.01			10	Nguyễn Quang Minh				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		16/08/2021	10/10/2021	K5 HH			2018
	1170060	Nguyên lý thị giác	GRD2054	3	142														
01	1170060	GRD2054-2021.01			37	Nguyễn Thành Sơn	1-5, E603							16/08/2021	17/10/2021	Mo 45		K11 C TKDH	2019
02	1170060	GRD2054-2021.02			38	Nguyễn Thành Sơn		1-5, E603						16/08/2021	17/10/2021			K11 A TKDH	2019
03	1170060	GRD2054-2021.03			37	Nguyễn Thành Sơn			1-5, E603					16/08/2021	17/10/2021			K11 A TKDH	2019
04	1170060	GRD2054-2021.04			30	Nguyễn Thành Sơn						7-11, E603		16/08/2021	17/10/2021			K11 A TKDH	2019
	1170011	Nguyên lý thị giác	GRD2006	4	15												5_TKDH_M3		
01	1170011	GRD2006-2021.01			5	Nguyễn Thành Sơn	1-5, E603 ghép							16/08/2021	17/10/2021			K9C_TKDH	2018
02	1170011	GRD2006-2021.02			5	Nguyễn Thành Sơn		1-5, E603 ghép						16/08/2021	17/10/2021			K9B_TKDH	2018
03	1170011	GRD2006-2021.03			5	Nguyễn Thành Sơn			1-5, E603 ghép					16/08/2021	17/10/2021			K9B_TKDH	2018
	1100076	Nhạc cụ 3	*VMI2013	1	1												7_SPAN		
01	1100076	*VMI2013-2021.01			1	Đào văn Kiên							1-5, LR					K12A_SPAN	2017
	1100012	Nhạc cụ 4	VMI2014	1	10												SPAN		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
01	1100012	VMI2014-2021.01			0	Đào văn Kiên			13-17, D					16/08/2021	14/11/2021			K11C_SPAN	2018
02	1100012	VMI2014-2021.02			0	Đoàn Anh Vũ	3-4, C208							16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2018
03	1100012	VMI2014-2021.03			0	Bá Sấn	3-4, D101							16/08/2021	14/11/2021			K12A_SPAN	2018
04	1100012	VMI2014-2021.04			0									16/08/2021	14/11/2021				2018
05	1100012	VMI2014-2021.05			0									16/08/2021	14/11/2021				2018
06	1100012	VMI2014-2021.06			0	Phạm Hồng Phương	3-4, D103							16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2018
07	1100012	VMI2014-2021.07			0	Đào văn Kiên			9-10, D107					16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2018
08	1100012	VMI2014-2021.08			0	Nguyễn Nguyệt Cẩm				3-4, D103				16/08/2021	14/11/2021			K12B_SPAN	2018
09	1100012	VMI2014-2021.09			0	Nguyễn Quang Tùng			9-10, C208					16/08/2021	14/11/2021			K13C SPAN	2018
10	1100012	VMI2014-2021.10			0	Lương Đức Giang			9-10, C310					16/08/2021	14/11/2021			K12C_SPAN	2018
11	1100012	VMI2014-2021.11			0	Đoàn Anh Vũ				3-4, D108				16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2018
12	1100012	VMI2014-2021.12			0	Hà Tân Mùi				3-4, D101				16/08/2021	14/11/2021			K4 AN MN	2018
13	1100012	VMI2014-2021.13			0	Nguyễn Thị Thu Hương				3-4, D107				16/08/2021	14/11/2021			K12A_SPAN	2018
14	1100012	VMI2014-2021.14			0	Vũ Ngọc Sơn	3-4, D107							16/08/2021	14/11/2021			K12C_SPAN	2018
15	1100012	VMI2014-2021.15			0	Đặng Thái Sơn			9-10, D102					16/08/2021	14/11/2021			K13B SPAN	2018
16	1100012	VMI2014-2021.16			10	Đào văn Kiên			11-12, D							Học lại		K12A_SPAN	2017
	1070145	Nhạc cụ tự chọn A (ITC)	MUS2082*	0	251												2019		
01	1070145	MUS2082*-2021.01			10	Nguyễn Thành Vinh	11-12, D							16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
02	1070145	MUS2082*-2021.02			10	Nguyễn Thành Vinh	11-12, D							16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
03	1070145	MUS2082*-2021.03			10	Phạm Hồng Phương	11-12, D							16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
04	1070145	MUS2082*-2021.04			10	Phạm Hồng Phương	11-12, D							16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
05	1070145	MUS2082*-2021.05			10	Nguyễn Nguyệt Cẩm		5-6, D						16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
06	1070145	MUS2082*-2021.06			10	Nguyễn Nguyệt Cẩm		5-6, D						16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
07	1070145	MUS2082*-2021.07			10	Nguyễn Thị Thu Hương		5-6, D						16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
09	1070145	MUS2082*-2021.09			10	Nguyễn Quang Tùng			5-6, D					16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
10	1070145	MUS2082*-2021.10			10	Nguyễn Quang Tùng			5-6, D					16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
11	1070145	MUS2082*-2021.11			10	Phạm Hồng Phương			11-12, D					16/08/2021	14/11/2021			K15B_SPAN	2020
12	1070145	MUS2082*-2021.12			10	Phạm Hồng Phương			11-12, D					16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
13	1070145	MUS2082*-2021.13			10	Bùi Thị Diệu Minh				5-6, D				16/08/2021	14/11/2021			K15B_SPAN	2020
14	1070145	MUS2082*-2021.14			10	Nguyễn Quang Tùng			13-13, D QT					16/08/2021	14/11/2021	Huy		K14A SPAN	2020
15	1070145	MUS2082*-2021.15			10	Nguyễn Thành Vinh					5-6, D			16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
16	1070145	MUS2082*-2021.16			10	Bùi Thị Diệu Minh					13-13, D DM			16/08/2021	14/11/2021	Huy		K15C_SPAN	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
17	1070145	MUS2082*-2021.17			10	Nguyễn Quang Tùng				11-12, D				16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
18	1070145	MUS2082*-2021.18			10	Nguyễn Quang Tùng				11-12, D				16/08/2021	14/11/2021			K15B_SPAN	2020
19	1070145	MUS2082*-2021.19			10	Nguyễn Nguyệt Cẩm					5-6, D			16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
20	1070145	MUS2082*-2021.20			10	Nguyễn Nguyệt Cẩm					5-6, D			16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
21	1070145	MUS2082*-2021.21			10	Khuất Duy Nhã					5-6, D			16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
22	1070145	MUS2082*-2021.22			10	Khuất Duy Nhã					5-6, D			16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
23	1070145	MUS2082*-2021.23			10	Nguyễn Quang Tùng					11-12, D			16/08/2021	14/11/2021			K15B_SPAN	2020
24	1070145	MUS2082*-2021.24			10	Nguyễn Quang Tùng					11-12, D			16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
25	1070145	MUS2082*-2021.25			10	Khuất Duy Nhã					11-12, D			16/08/2021	14/11/2021			K15B_SPAN	2020
26	1070145	MUS2082*-2021.26			10	Khuất Duy Nhã					11-12, D			16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
27	1070145	MUS2082*-2021.27			1	Đào Văn Thực			13-14, D					16/08/2021	14/11/2021			K15E_SPAN	2020
	1070103	Nhạc cụ tự chọn A (2TC)	MUS2064*	0	69												2018		
01	1070103	MUS2064*-2021.01			1	Nguyễn Thị Thu Hương	13-14, D							16/08/2021	14/11/2021			K13B_SPAN	2020
02	1070103	MUS2064*-2021.02			14	Nguyễn Thị Thu Hương						7-11, D		20/09/2021				K13_SPAN_CD	2021
03	1070103	MUS2064*-2021.03			14	Nguyễn Thị Thu Hương						7-11, D		20/09/2021				K13_SPAN_CD	2021
04	1070103	MUS2064*-2021.04			14	Phạm Huy Hùng						1-5, D		20/09/2021				K13_SPAN_CD	2021
05	1070103	MUS2064*-2021.05			14	Phạm Huy Hùng						1-5, D		20/09/2021				K13_SPAN_CD	2021
06	1070103	MUS2064*-2021.06			12							7-11, D		20/09/2021					2021
	1080006	Nhân học văn hóa	CLM2002	2	70												5_QLVH_M2		
01	1080006	CLM2002-2021.01			70	Nguyễn Hữu Thức	1-5, E501							16/08/2021	24/10/2021			K11_QLVH	2019
	1020021	Nhân trắc học may mặc	FAD2004	2	50														
01	1020021	FAD2004-2021.01			50	Trần Việt Hùng	1-5, XM							30/09/2021	10/11/2021			K12_TKTT	2020
	1080179	Nhập môn du lịch	CLM2103	3	30												DL		
01	1080179	CLM2103-2021.01			30	Đỗ Trần Phương		1-5, E502						13/09/2021	19/12/2021			K1_Du_lich	2021
	1080232	Nhập môn công tác xã hội	CLM2211	3	20												CTXH		
01	1080232	CLM2211-2021.01			20	Phạm Thanh Bình				7-11, E501				13/09/2021	19/12/2021			K2_CTXH	2021
	1200003	Nhập môn design	DGI2003	2	20														
01	1200003	DGI2003-2021.01			20	Nguyễn Hải Hà				7-11, A				30/08/2021	24/10/2021			K3_CNM	2019
	1070042	Nhập môn phức điệu	MUS2015	2	30												MUS2015		
01	1070042	MUS2015-2021.01			30	Mai Linh Chi						7-11, D1		16/08/2021	10/10/2021			K12B_SPAN	2019
	1170032	Phần mềm Inlustrator	GRD2029	2	135														
01	1170032	GRD2029-2021.01			15	Nguyễn Duy Hùng		1-4, E406						16/08/2021	24/10/2021			K8A_TKĐH	2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
02	1170032	GRD2029-2021.02			15	Tổng Việt Anh		1-4, E406						16/08/2021	24/10/2021				2018
03	1170032	GRD2029-2021.03			15	Nguyễn Thanh Huyền		1-4, E406						16/08/2021	24/10/2021			K8B_TKĐH	2018
04	1170032	GRD2029-2021.04			15	Lê Huy Thục		7-10, E406						16/08/2021	24/10/2021			K10A TKĐH	2018
05	1170032	GRD2029-2021.05			15	Nguyễn Xuân Giáp		7-10, E406						16/08/2021	24/10/2021			K10A TKĐH	2018
06	1170032	GRD2029-2021.06			15	Tổng Việt Anh		7-10, E406						16/08/2021	24/10/2021			K9C_TKĐH	2018
07	1170032	GRD2029-2021.07			15	Nguyễn Duy Hùng					1-4, E406			16/08/2021	24/10/2021			K10A TKĐH	2018
08	1170032	GRD2029-2021.08			15	Lê Huy Thục					1-4, E406			16/08/2021	24/10/2021			K10A TKĐH	2018
09	1170032	GRD2029-2021.09			15	Tổng Việt Anh					1-4, E406			16/08/2021	24/10/2021			K10A TKĐH	2018
	1170033	Phần mềm Macromedia Flash	GRD2030	2	1												6_TKDH_M4_TC		
01	1170033	GRD2030-2021.01			1	Nguyễn Duy Hùng							1-5, LR					K8C_TKĐH	2017
	1070027	Phân tích tác phẩm 1	MUS2024	2	40												4*MUS2024		
01	1070027	MUS2024-2021.01			40	Nguyễn Thành Vinh			13-17, D2					16/08/2021		Lop BS		K12A_SPAN	2019
	1070009	Phân tích tác phẩm 2	MUS2079	3	161												2019		
01	1070009	MUS2079-2021.01			40	Phạm Thu Hường				1-5, D405				16/08/2021	14/11/2021	Mo 40 - K14A		K14A SPAN	2019
03	1070009	MUS2079-2021.03			40	Trần Thị Thanh Hương		7-11, DNN						16/08/2021	14/11/2021	K14 D		K14C SPAN	2019
04	1070009	MUS2079-2021.04			40	Nguyễn Thành Vinh		13-17, D405						16/08/2021	14/11/2021	K14 C chuyen muoi		K14C SPAN	2019
05	1070009	MUS2079-2021.05			40	Nguyễn Khải	7-11, D3							16/08/2021	14/11/2021	K14 B		K14B SPAN	2019
06	1070009	MUS2079-2021.06			1	Lương Minh Tân						13-15, D						K12 CDLT SPAN	2020
	1070036	Phân tích tác phẩm 2	MUS2025	2	70												5*MUS2025		
01	1070036	MUS2025-2021.01			30	Nguyễn Thị Thu Trang (B)				7-11, D				16/08/2021	14/11/2021	K5 Piano		K5 Piano	2019
02	1070036	MUS2025-2021.02			40	Nguyễn Thành Vinh				13-18, D				16/08/2021	14/11/2021	Hoc lai		K6B TN	2018
	1070043	Phân tích tác phẩm 3	MUS2026	2	2												6*MUS2026		
01	1070043	MUS2026-2021.01			1	Nguyễn Thành Vinh		13-17, D405 ghep						16/08/2021	14/11/2021	Lop ghep		K13C SPAN	2018
02	1070043	MUS2026-2021.02			1														2018
	1080129	Phân tích tác phẩm sân khấu – điện ảnh	CLM2086	3	15														
01	1080129	CLM2086-2021.01			15	Bùi Thị Phương Thảo					1-5, E502			16/08/2021	24/10/2021			K4 DVK-DA	2018
	1130007	Pháp luật đại cương	POL2007	2	300												1* Chung DH&CD		
02	1130007	POL2007-2021.02			50	Nguyễn Thị Thanh Thủy			1-5, E506					16/08/2021	10/10/2021			K12 TKTT	2020
03	1130007	POL2007-2021.03			50	Nguyễn Thị Thanh Thủy				1-5, E505				16/08/2021	10/10/2021			K13 TKTT	2020
04	1130007	POL2007-2021.04			50	Nguyễn Thị Thanh Thủy					1-5, E505			16/08/2021	10/10/2021			K13 TKTT	2020
05	1130007	POL2007-2021.05			50	Nguyễn Thị Thanh Thủy	7-11, E507							16/08/2021	10/10/2021			K12 TKTT	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
06	1130007	POL2007-2021.06			50	Nguyễn Thị Thanh Thủy		7-11, E507						16/08/2021	10/10/2021			K13 TKTT	2020
07	1130007	POL2007-2021.07			50	Nguyễn Thị Thanh Thủy			7-11, E507					16/08/2021	10/10/2021			K14_TKTT	2020
	1080028	Phương pháp dân dựng chương trình nghệ thuật	CLM2029	4	50												5_QLVH_M4		
01	1080028	CLM2029-2021.01			25	Ng. Thị Thanh Mai					7-11, NA501			16/08/2021	21/11/2021			K12 QLVH	2018
02	1080028	CLM2029-2021.02			25	Phạm Ngọc Thùy	7-11, NA50							16/08/2021	21/11/2021			K12 QLVH	2018
	1080260	Phương pháp dân dựng chương trình nghệ thuật trong hoạt động công tác xã hội	CLM2239	2	15												CTXH		
01	1080260	CLM2239-2021.01			15	Trần Vĩnh Khương					1-5, NA401			16/08/2021	14/11/2021			K1 CTXH	2020
	1070032	Phương pháp dạy học âm nhạc 1	MUS2031	2	280												4*MUS2031		
01	1070032	MUS2031-2021.01			40	Nguyễn Thị Tố Mai		7-11, E306						16/08/2021	07/11/2021	Mo 40		K13A SPAN	2020
02	1070032	MUS2031-2021.02			40	Mai Linh Chi		1-5, D305						16/08/2021	07/11/2021			K13B SPAN	2020
03	1070032	MUS2031-2021.03			40	Nguyễn Thị Phương Mai			1-5, D3					16/08/2021	07/11/2021			K13C SPAN	2020
04	1070032	MUS2031-2021.04			40	Đoàn Thị Thu Hà					1-5, D304			16/08/2021	07/11/2021			K13D SPAN	2020
05	1070032	MUS2031-2021.05			40	Đoàn Thị Thu Hà				1-5, D305				16/08/2021	07/11/2021			K13A SPAN	2020
06	1070032	MUS2031-2021.06			40	Nguyễn Thị Lệ Huyền				7-11, D305				16/08/2021	07/11/2021			K13C SPAN	2020
07	1070032	MUS2031-2021.07			40	Đoàn Thị Thu Hà						1-5, D1		16/08/2021	07/11/2021			K14C SPAN	2020
	1070073	Phương pháp dạy học âm nhạc 2	MUS2065	3	2												2018		
01	1070073	MUS2065-2021.01			1	Trần Vĩnh Khương							1-5, D					K12 CDLT SPAN	2020
02	1070073	MUS2065-2021.02			1	Đoàn Thị Thu Hà							1-5, D					K12 CDLT SPAN	2020
	1060107	Phương pháp dạy học Mỹ thuật 1	FAE2094	3	45												2019		
01	1060107	FAE2094-2021.01			45	Trần Thị Vân		7-11, E506						16/08/2021	28/11/2021			K14 SPMT	2020
	1140019	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	PPE2008	2	400												1* Dang dung		
01	1140019	PPE2008-2021.01			50	Nguyễn Mai Hương		7-11, E505						16/08/2021	17/10/2021			K12 TKTT	2020
02	1140019	PPE2008-2021.02			50	Nguyễn Mai Hương				1-5, E405				16/08/2021	17/10/2021			K12 TKTT	2020
03	1140019	PPE2008-2021.03			50	Nguyễn Mai Hương					1-5, E305			16/08/2021	17/10/2021			K13 TKTT	2020
04	1140019	PPE2008-2021.04			50	Nguyễn Mai Hương			7-11, E301					16/08/2021	17/10/2021			K12 TKTT	2020
05	1140019	PPE2008-2021.05			50	Đỗ Ánh Tuyết	7-11, E101							16/08/2021	17/10/2021			K14 SPMT	2020
06	1140019	PPE2008-2021.06			50	Đỗ Ánh Tuyết		7-11, EC21						16/08/2021	17/10/2021			K12 TKTT	2020
07	1140019	PPE2008-2021.07			50	Đỗ Ánh Tuyết				7-11, E301				16/08/2021	17/10/2021			K13 SPMT	2020
08	1140019	PPE2008-2021.08			50	Đỗ Ánh Tuyết					7-11, E301			16/08/2021	17/10/2021			K14A SPAN	2020
	1080083	Phương pháp sân khấu truyền thống	CLM2056	2	35												DVK		
01	1080083	CLM2056-2021.01			35	Ng.Thuý Hường	1-5, NA501							16/08/2021	10/10/2021			K1 LT TC DVKDA	2020
	1060013	Phương pháp tổ chức tạo hình cho trẻ em	FAE2062	2	10												3_SPMT_M2		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
01	1060013	FAE2062-2021.01			10	Nguyễn Thị Giang				7-11, C21				16/08/2021	10/10/2021			K4 AN MN	2018
	1100064	Piano 1.1	PIA2023	1	108												Dang dung		
01	1100064	PIA2023-2021.01			1	Dương Vũ Bình Minh	3-4, D							16/08/2021	14/11/2021			K7A TN	2018
02	1100064	PIA2023-2021.02			1	Hoàng Thị Trà Mi				3-4, D				16/08/2021	14/11/2021			K7B TN	2018
03	1100064	PIA2023-2021.03			1	Vũ Thùy Linh (xoa)	7-8, D							16/08/2021	14/11/2021			K6A TN	2018
04	1100064	PIA2023-2021.04			5	Trần Vương Thanh		3-4, D						15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
05	1100064	PIA2023-2021.05			5	Vũ Thanh Xuân			9-10, D					15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
06	1100064	PIA2023-2021.06			5	Ngô Thị Việt Anh				3-4, D				15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
07	1100064	PIA2023-2021.07			5	Trần Hoài Sơn		9-10, D						15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
08	1100064	PIA2023-2021.08			5	Dương Vũ Bình Minh			3-4, D					15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
09	1100064	PIA2023-2021.09			5	Hoàng Thị Trà Mi			9-10, D					15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
10	1100064	PIA2023-2021.10			5	Vũ Thùy Linh (xoa)		3-4, D						15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
11	1100064	PIA2023-2021.11			5	Lương Diệu Ánh				9-10, D				15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
12	1100064	PIA2023-2021.12			5	Mai Linh Chi				3-4, D				15/09/2021	12/12/2021				2021
13	1100064	PIA2023-2021.13			5	Trần Hoài Sơn	3-4, D							15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
14	1100064	PIA2023-2021.14			5	Vũ Thanh Xuân			9-10, D					15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
15	1100064	PIA2023-2021.15			5	Dương Vũ Bình Minh	3-4, D							15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
16	1100064	PIA2023-2021.16			5	Trần Vương Thanh		3-4, D						15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
17	1100064	PIA2023-2021.17			5	Dương Vũ Bình Minh	3-4, D							15/09/2021	12/12/2021				2021
18	1100064	PIA2023-2021.18			5	Mai Linh Chi				3-4, D				15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
19	1100064	PIA2023-2021.19			5	Trần Hoài Sơn		9-10, D						15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
20	1100064	PIA2023-2021.20			5	Hoàng Thị Trà Mi		9-10, D						15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
21	1100064	PIA2023-2021.21			5	Hoàng Thị Trà Mi			9-10, D					15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
22	1100064	PIA2023-2021.22			5	Lương Đức Giang				3-4, D				15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
23	1100064	PIA2023-2021.23			5	Lương Diệu Ánh				9-10, D				15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
24	1100064	PIA2023-2021.24			5	Hoàng Thị Trà Mi		9-10, D						15/09/2021	12/12/2021				2021
	1100065	Piano 1.2	PIA2023	1	3												Dang dung		
01	1100065	PIA2023-2021.01			1	Hoàng Thị Trà Mi				3-4, D				16/08/2021	14/11/2021			K7B TN	2018
02	1100065	PIA2023-2021.02			2	Trần Hoài Sơn			3-4, D					16/08/2021	14/11/2021			K7A TN	2018
	1100085	Piano 2.1	PIA2024	1	4												Dang dung		
01	1100085	PIA2024-2021.01			0	Ngô Thị Việt Anh	9-10, D							16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
02	1100085	PIA2024-2021.02			0	Ngô Thị Việt Anh			9-10, D					16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
03	1100085	PIA2024-2021.03			0	Lương Diệu Ánh	3-4, D							16/08/2021	14/11/2021			K7B TN	2020
04	1100085	PIA2024-2021.04			0	Lương Diệu Ánh					9-10, D			16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
06	1100085	PIA2024-2021.06			0	Trần Hoài Sơn			3-4, D					16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
07	1100085	PIA2024-2021.07			0	Trần Hoài Sơn					3-4, D			16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
08	1100085	PIA2024-2021.08			0	Vũ Thanh Xuân			3-4, D					16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
09	1100085	PIA2024-2021.09			0	Hoàng Thị Trà Mi					3-4, D			16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
10	1100085	PIA2024-2021.10			0	Hoàng Thị Trà Mi			3-4, D					16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
11	1100085	PIA2024-2021.11			0	Dương Vũ Bình Minh	9-10, D							16/08/2021	14/11/2021			K6B TN	2020
12	1100085	PIA2024-2021.12			0	Đoàn Anh Vũ			3-4, D					16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
13	1100085	PIA2024-2021.13			0	Vũ Thùy Linh (xoa)	9-10, D							16/08/2021	14/11/2021			K4B_TN	2020
14	1100085	PIA2024-2021.14			2	Đoàn Anh Vũ			7-8, D					16/08/2021	14/11/2021			K6B TN	2018
15	1100085	PIA2024-2021.15			2	Vũ Thùy Linh (xoa)					7-8, D			16/08/2021	14/11/2021			K6A TN	2018
	1190001	Piano CN 1.1	PIA2003	2	37														
01	1190001	PIA2003-2021.01			1	Đinh Thu Hương			5-6, D			5-6, D		16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2018
02	1190001	PIA2003-2021.02			3	Đinh Công Hải	1-2, D		1-2, D					15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
03	1190001	PIA2003-2021.03			3	Hà Cẩm Vân		1-2, D			7-8, D			15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
04	1190001	PIA2003-2021.04			3	Lê Nam					1-2, D		1-2, D	15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
05	1190001	PIA2003-2021.05			3	Lại Thị Phương Thảo	7-8, D			7-8, D				15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
06	1190001	PIA2003-2021.06			3	Nghiêm Thị Hà Ngân		7-8, D			7-8, D			15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
07	1190001	PIA2003-2021.07			3	Lê Hải Thuận		7-8, D		7-8, D				15/09/2021	12/12/2021				2021
08	1190001	PIA2003-2021.08			3	Phạm Hoàng Lê			1-2, D		1-2, D			15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
09	1190001	PIA2003-2021.09			3	Đoàn Lê Phan Anh					1-2, D		1-2, D	15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
10	1190001	PIA2003-2021.10			3	Nguyễn Thị Hiền Anh	1-2, D		1-2, D					15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
11	1190001	PIA2003-2021.11			3	Trần Hà Mi	7-8, D				7-8, D			15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
12	1190001	PIA2003-2021.12			3	Đinh Thu Hương	1-2, D		1-2, D					15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
13	1190001	PIA2003-2021.13			3	Nguyễn Kiều Anh		7-8, D			7-8, D			15/09/2021	12/12/2021			K7 Piano	2021
14	1190001	PIA2003-2021.14			0									15/09/2021	12/12/2021				2021
15	1190001	PIA2003-2021.15			0									15/09/2021	12/12/2021				2021
	1190002	Piano CN 1.2	PIA2003	2	4														
01	1190002	PIA2003-2021.01			2	Trần Hà Mi					9-10, D		9-10, D	16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2018
02	1190002	PIA2003-2021.02			2	Đinh Công Hải	5-6, D		5-6, D					16/08/2021	14/11/2021				2018
	1190003	Piano CN 2.1	PIA2004	2															

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1190003	PIA2004-2021.01			0	Đinh Công Hải	7-8, D		1-2, D					16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
02	1190003	PIA2004-2021.02			0	Hà Cẩm Vân		1-2, D			1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
03	1190003	PIA2004-2021.03			0	Lê Nam		7-8, D			7-8, D			16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
04	1190003	PIA2004-2021.04			0	Lại Thị Phương Thảo	1-2, D			1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
05	1190003	PIA2004-2021.05			0	Phạm Hoàng Lê		1-2, D		1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
06	1190003	PIA2004-2021.06			0	Đoàn Lê Phan Anh		1-2, D		1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
07	1190003	PIA2004-2021.07			0	Nguyễn Thị Hiền Anh			1-2, D		1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
08	1190003	PIA2004-2021.08			0	Nghiêm Thị Hà Ngân				7-8, D			7-8, D	16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
09	1190003	PIA2004-2021.09			0	Trần Hà Mi		1-2, D			1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
11	1190003	PIA2004-2021.11			0	Bùi Đăng Khánh	7-8, D			7-8, D				16/08/2021	14/11/2021			K6 Piano	2020
12	1190003	PIA2004-2021.12			0	Đinh Công Hải	7-8, D		7-8, D					16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2020
	1190004	Piano CN 2.2	PIA2004	2	36														
01	1190004	PIA2004-2021.01			6	Lê Nam		9-10, D			9-10, D			16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2018
02	1190004	PIA2004-2021.02			6	Nghiêm Thị Hà Ngân		9-10, D			5-6, D			16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2018
03	1190004	PIA2004-2021.03			6	Phạm Hoàng Lê		5-6, D		5-6, D				16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2018
04	1190004	PIA2004-2021.04			6	Nguyễn Thị Hiền Anh	5-6, D		5-6, D					16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2018
05	1190004	PIA2004-2021.05			6	Nghiêm Thị Hà Ngân	9-10, D					9-10, D		16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2018
06	1190004	PIA2004-2021.06			6									16/08/2021	14/11/2021				2018
	1190005	Piano CN 3.1	PIA2005	2															
01	1190005	PIA2005-2021.01			0	Phạm Hoàng Lê		1-2, D		1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2019
02	1190005	PIA2005-2021.02			0	Hà Cẩm Vân					1-2, D		1-2, D	16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2019
03	1190005	PIA2005-2021.03			0									16/08/2021	14/11/2021				2019
04	1190005	PIA2005-2021.04			0	Nghiêm Thị Hà Ngân		7-9, D			7-9, D			16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2019
05	1190005	PIA2005-2021.05			0	Bùi Đăng Khánh	7-9, D		7-9, D					16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2019
06	1190005	PIA2005-2021.06			0	Đoàn Lê Phan Anh		1-2, D		1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2019
07	1190005	PIA2005-2021.07			0									16/08/2021	14/11/2021				2019
08	1190005	PIA2005-2021.08			0	Nguyễn Thị Hiền Anh			1-2, D		1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K3 Piano	2019
09	1190005	PIA2005-2021.09			0	Lại Thị Phương Thảo	1-2, D			1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K5 Piano	2019
	1190006	Piano CN 3.2	PIA2005	2	16														
01	1190006	PIA2005-2021.01			4	Trần Hà Mi		5-6, D			5-6, D			16/08/2021	14/11/2021			K2 _Piano	2018
02	1190006	PIA2005-2021.02			4	Lại Thị Phương Thảo				9-10, D		9-10, D		16/08/2021	14/11/2021			K3 Piano	2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1190006	PIA2005-2021.03			4	Lê Nam		9-10, D			9-10, D			16/08/2021	14/11/2021			K4 Piano	2018
04	1190006	PIA2005-2021.04			4	Nguyễn Thị Hiền Anh			5-6, D		5-6, D			16/08/2021	14/11/2021			K4 Piano	2018
	1190007	Piano CN 4.1	PIA2006	2															
01	1190007	PIA2006-2021.01			0	Đinh Công Hải	1-2, D		7-8, D					16/08/2021	14/11/2021			K4 Piano	2018
02	1190007	PIA2006-2021.02			0	Lê Nam		7-8, D				7-8, D		16/08/2021	14/11/2021			K4 Piano	2018
03	1190007	PIA2006-2021.03			0									16/08/2021	14/11/2021				2018
04	1190007	PIA2006-2021.04			0	Hà Cẩm Vân		7-8, D			7-8, D			16/08/2021	14/11/2021			K4 Piano	2018
05	1190007	PIA2006-2021.05			0	Đinh Thu Hương	1-2, D		7-8, D					16/08/2021	14/11/2021			K4 Piano	2018
06	1190007	PIA2006-2021.06			0	Bùi Đăng Khánh	7-8, D		7-8, D					16/08/2021	14/11/2021			K4 Piano	2018
07	1190007	PIA2006-2021.07			0	Lại Thị Phương Thảo	1-2, D			1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K3 Piano	2018
08	1190007	PIA2006-2021.08			0	Trần Hà Mi		1-2, D			1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K1_Piano	2018
09	1190007	PIA2006-2021.09			0									16/08/2021	14/11/2021				2018
10	1190007	PIA2006-2021.10			0									16/08/2021	14/11/2021				2018
	1080023	Quản lý di sản văn hóa	CLM2020	4	70												6_QLVH_M4		
01	1080023	CLM2020-2021.01			70	Vũ Thị Thái Hoa	7-11, E501							16/08/2021	21/11/2021			K11 QLVH	2019
	1080037	Quản lý dự án văn hóa	CLM2038	2	50												7_QLVH_M4		
01	1080037	CLM2038-2021.01			50	Nguyễn Thị Phương Thanh				7-11, E502				16/08/2021	07/11/2021			K11 QLVH	2018
	1140021	Quản lý HCNN & Quản lý ngành GD&ĐT	PPE2003	2	135														
01	1140021	PPE2003-2021.01			45	Nguyễn Thị Thanh Thủy		1-5, E506						16/08/2021	10/10/2021			K13B SPAN	2019
02	1140021	PPE2003-2021.02			45	Nguyễn Thị Thanh Thủy				7-11, E505				16/08/2021	10/10/2021			K12A_SPAN	2019
03	1140021	PPE2003-2021.03			45	Nguyễn Thị Thanh Thủy					7-11, E507			16/08/2021	10/10/2021			K13A SPAN	2019
	1080026	Quản lý hoạt động biểu diễn	CLM2023	2	70												4_QLVH_M4		
01	1080026	CLM2023-2021.01			70	Nông Thị Thanh Thuý					1-5, E503			16/08/2021	24/10/2021			K12 QLVH	2019
	1080020	Quản lý thiết chế và các hoạt động VHNT 1	CLM2017	3	75												3_QLVH_M4		
01	1080020	CLM2017-2021.01			75	Nông Thị Thanh Thuý					7-11, E502			16/08/2021	21/11/2021			K11 QLVH	2020
	1080024	Quản lý văn hóa du lịch	CLM2021	2	70												6_QLVH_M4		
01	1080024	CLM2021-2021.01			70	Nguyễn Thị Thanh Loan			1-5, E501					16/08/2021	24/10/2021			K11 QLVH	2019
	1140016	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	PPE2028	3	385												3* RL 2018		
01	1140016	PPE2028-2021.01			35	Nguyễn Thị Tuyết Nhung			1-5, E101					16/08/2021	07/11/2021			K14A SPAN	2020
02	1140016	PPE2028-2021.02			35	Nguyễn Thị Tuyết Nhung				1-5, E101				16/08/2021	07/11/2021			K15_SPMT	2020
03	1140016	PPE2028-2021.03			35	Nguyễn Thị Tuyết Nhung					1-5, E506			16/08/2021	07/11/2021			K14 SPMT	2020
04	1140016	PPE2028-2021.04			35	Nguyễn Thị Duyên			1-5, C21					16/08/2021	07/11/2021			K14D SPAN	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
05	1140016	PPE2028-2021.05			35	Nguyễn Thị Duyên				1-5, E301				16/08/2021	07/11/2021			K15_SPMT	2020
06	1140016	PPE2028-2021.06			35	Nguyễn Thị Duyên					1-5, E301			16/08/2021	07/11/2021			K15_SPMT	2020
07	1140016	PPE2028-2021.07			35	Lương Thị Thanh Hải			1-5, E507					16/08/2021	07/11/2021			K15A_SPAN	2020
08	1140016	PPE2028-2021.08			35	Lương Thị Thanh Hải				1-5, E507				16/08/2021	07/11/2021			K15_SPMT	2020
09	1140016	PPE2028-2021.09			35	Lương Thị Thanh Hải					1-5, E507			16/08/2021	07/11/2021			K15_SPMT	2020
10	1140016	PPE2028-2021.10			35	Nguyễn Mai Hương		1-5, E101						16/08/2021	07/11/2021			K1 LT TC-DH SPMT	2020
11	1140016	PPE2028-2021.11			35	Nguyễn Mai Hương						1-5, E501		16/08/2021	07/11/2021	Bo sung		K15A_SPAN	2020
	1070047	Sáng tác	MUS2012	2	142												MUS2012		
01	1070047	MUS2012-2021.01			35	Phạm Xuân Danh	7-11, E305							16/08/2021	24/10/2021	Mo 40		K12C_SPAN	2018
02	1070047	MUS2012-2021.02			1	Nguyễn Đăng Nghị						1-5, D						K12 CDLT SPAN	2020
03	1070047	MUS2012-2021.03			36	Lại Hồng Phong		7-11, E307						16/08/2021	24/10/2021			K12A_SPAN	2018
04	1070047	MUS2012-2021.04			35											Huy			2018
05	1070047	MUS2012-2021.05			35	Nguyễn Đăng Nghị				7-11, E305				16/08/2021	24/10/2021			K12D_SPAN	2018
	1020013	Sáng tác mẫu vải	FAD2019	2	65														
01	1020013	FAD2019-2021.01			13	Bùi Thị Nam			1-5, A					30/08/2021	07/11/2021			K12 TKTT	2018
02	1020013	FAD2019-2021.02			13	Nguyễn Hải Hà			1-5, A					30/08/2021	07/11/2021			K12 TKTT	2018
03	1020013	FAD2019-2021.03			13	Bùi Thị Nam				1-5, A				30/08/2021	07/11/2021			K12 TKTT	2018
04	1020013	FAD2019-2021.04			13	Nguyễn Hải Hà				1-5, A				30/08/2021	07/11/2021			K11B_ TKTT	2018
05	1020013	FAD2019-2021.05			13	Ngô Thị Thu Hà				1-5, A				30/08/2021	07/11/2021			K12 TKTT	2018
	1170004	Sáng tác thiết kế 1	GRD2023	3	195												1_TKDH_M4		
01	1170004	GRD2023-2021.01			15	Nguyễn Quang Huy	7-11, A		7-11, A					13/09/2021				K13B_TKDH	2021
02	1170004	GRD2023-2021.02			15	Phạm Minh Phong	7-11, A		7-11, A					13/09/2021				K13B_TKDH	2021
03	1170004	GRD2023-2021.03			15	Nông Thị Thu Trang	7-11, A		7-11, A					13/09/2021				K13C_TKDH	2021
04	1170004	GRD2023-2021.04			15	Nguyễn Mai Thơ	7-11, A		7-11, A					13/09/2021				K13C_TKDH	2021
05	1170004	GRD2023-2021.05			15	Ng.Hoài Phương Anh				7-11, A		7-11, A		13/09/2021				K13C_TKDH	2021
07	1170004	GRD2023-2021.07			15	Quách Thị Ngọc An				7-11, A		7-11, A		13/09/2021				K13C_TKDH	2021
08	1170004	GRD2023-2021.08			15	Phạm Minh Phong				7-11, A		7-11, A		13/09/2021				K13D_TKDH	2021
09	1170004	GRD2023-2021.09			15	Nguyễn Quang Huy	7-11, A		7-11, A					20/09/2021				K13A_TKDH	2021
11	1170004	GRD2023-2021.11			15	Nông Thị Thu Trang	7-11, A		7-11, A					20/09/2021				K13A_TKDH	2021
12	1170004	GRD2023-2021.12			15	Nguyễn Mai Thơ	7-11, A		7-11, A					20/09/2021				K13A_TKDH	2021
13	1170004	GRD2023-2021.13			15	Trần Thanh Nga				7-11, A		7-11, A		20/09/2021				K13A_TKDH	2021
14	1170004	GRD2023-2021.14			15	Quách Thị Ngọc An				7-11, A		7-11, A		20/09/2021				K13B_TKDH	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
16	1170004	GRD2023-2021.16			15	Ng.Hoài Phương Anh				7-11, A		7-11, A		20/09/2021				K13B_TKDH	2021
	1170028	Sáng tác thiết kế 3	GRD2025	3	195												3_TKDH_TH		
01	1170028	GRD2025-2021.01			15	Nguyễn Đức Lân	1-2, E601		1-2, E601					16/08/2021	14/11/2021			K12_A_TKDH	2020
02	1170028	GRD2025-2021.02			15	Nông Thị Thu Trang	1-2, E601		1-2, E601					16/08/2021	14/11/2021			K11 A TKDH	2020
03	1170028	GRD2025-2021.03			15	Nguyễn Mai Thơ	1-2, E601		1-2, E601					16/08/2021	14/11/2021			K12_A_TKDH	2020
04	1170028	GRD2025-2021.04			15	Nguyễn Đức Lân				1-2, E601		1-2, E601		16/08/2021	14/11/2021			K12_A_TKDH	2020
05	1170028	GRD2025-2021.05			15	Phạm Minh Phong				1-2, E601		1-2, E601		16/08/2021	14/11/2021			K10A TKĐH	2020
06	1170028	GRD2025-2021.06			15	Nông Thị Thu Trang				1-2, E601		1-2, E601		16/08/2021	14/11/2021			K10B TKĐH	2020
07	1170028	GRD2025-2021.07			15	Nguyễn Đức Lân	3-4, E601		3-4, E601					23/08/2021	14/11/2021			K11 A TKDH	2020
08	1170028	GRD2025-2021.08			15	Nguyễn Mai Thơ	3-4, E601		3-4, E601					23/08/2021	14/11/2021			K11 A TKDH	2020
09	1170028	GRD2025-2021.09			15	Lê Huy Thục	3-4, E601		3-4, E601					23/08/2021	14/11/2021				2020
10	1170028	GRD2025-2021.10			15	Nông Thị Thu Trang	3-4, E601		3-4, E601					23/08/2021	14/11/2021			K12_A_TKDH	2020
11	1170028	GRD2025-2021.11			15	Nông Thị Thu Trang				3-4, E601		3-4, E601		23/08/2021	14/11/2021			K11 B TKDH	2020
12	1170028	GRD2025-2021.12			15	Nguyễn Đức Lân				3-4, E601		3-4, E601		23/08/2021	14/11/2021			K10B TKĐH	2020
13	1170028	GRD2025-2021.13			15	Phạm Minh Phong				3-4, E601		3-4, E601		23/08/2021	14/11/2021			K10A TKĐH	2020
	1170050	Sáng tác thiết kế 5	GRD2045	3	151														
01	1170050	GRD2045-2021.01			16	Phạm Phương Linh	1-4, E602		1-4, E602					16/08/2021	21/11/2021			K10B TKĐH	2019
02	1170050	GRD2045-2021.02			15	Nguyễn Thị Hải Yến	1-4, E602		1-4, E602					16/08/2021	21/11/2021			K9B_TKĐH	2019
03	1170050	GRD2045-2021.03			15	Vũ Minh Hoàng	1-4, E602		1-4, E602					16/08/2021	21/11/2021				2019
04	1170050	GRD2045-2021.04			15	Nguyễn Quang Huy	1-4, E602		1-4, E602					16/08/2021	21/11/2021			K9A_TKĐH	2019
05	1170050	GRD2045-2021.05			15	Vũ Minh Hoàng	1-4, E602		1-4, E602					23/08/2021	21/11/2021			K11 A TKDH	2019
06	1170050	GRD2045-2021.06			15	Nguyễn Văn Hiến	1-4, E602		1-4, E602					23/08/2021	21/11/2021			K11 B TKDH	2019
07	1170050	GRD2045-2021.07			15	Ng.Hoài Phương Anh	1-4, E602		1-4, E602					23/08/2021	21/11/2021			K9A_TKĐH	2019
08	1170050	GRD2045-2021.08			15	Phạm Phương Linh				1-4, E602		1-4, E602		23/08/2021	21/11/2021			K11 A TKDH	2019
09	1170050	GRD2045-2021.09			15	Nguyễn Thanh Huyền				1-4, E602		1-4, E602		23/08/2021	21/11/2021			K11 A TKDH	2019
10	1170050	GRD2045-2021.10			15	Nguyễn Thị Hải Yến				1-4, E602		1-4, E602		23/08/2021	21/11/2021			K9B_TKĐH	2019
	1170030	Sáng tác thiết kế 5	GRD2027	4	1												7_TKĐH_TH		
01	1170030	GRD2027-2021.01			1	Phạm Phương Linh				1-4, E602		1-4, E602		23/08/2021				K8B_TKĐH	2017
	1140001	Tâm lý học	PPE2001	3	539												1*		
01	1140001	PPE2001-2021.01			49	Lương Thị Thanh Hải		1-5, E507						20/09/2021				K16A_SPMT	2021
02	1140001	PPE2001-2021.02			49	Lương Thị Thanh Hải					7-11, E507			20/09/2021				K16A_SPMT	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1140001	PPE2001-2021.03			49	Nguyễn Mai Hương			1-5, E506					20/09/2021				K16A_SPAN	2021
04	1140001	PPE2001-2021.04			49	Nguyễn Quỳnh Trang	1-5, E301							20/09/2021				K16B_SPMT	2021
05	1140001	PPE2001-2021.05			49	Nguyễn Quỳnh Trang		7-11, E507						20/09/2021				K16A_SPMT	2021
06	1140001	PPE2001-2021.06			49	Nguyễn Quỳnh Trang			1-5, E405					20/09/2021				K16C_SPMT	2021
07	1140001	PPE2001-2021.07			49	Nguyễn Quỳnh Trang				7-11, E505				20/09/2021				K16A_SPMT	2021
08	1140001	PPE2001-2021.08			49	Đỗ Ánh Tuyết			7-11, E505					20/09/2021				K16B_SPMT	2021
09	1140001	PPE2001-2021.09			49	Nguyễn Hương Giang		7-11, E505						20/09/2021				K16C_SPMT	2021
10	1140001	PPE2001-2021.10			49	Nguyễn Hương Giang				7-11, E507				20/09/2021				K16B_SPMT	2021
11	1140001	PPE2001-2021.11			49	Nguyễn Thị Duyên						1-5, E507		20/09/2021				K16A_SPMT	2021
	1140009	Tâm lý học đại cương	PPE2007	2	110												1* 3_TAMLY_TKTT		
01	1140009	PPE2007-2021.01			45	Nguyễn Quỳnh Trang					7-11, E101			16/08/2021	10/10/2021			K12 TKTT	2020
02	1140009	PPE2007-2021.02			45	Nguyễn Quỳnh Trang	7-11, E505							16/08/2021	10/10/2021			K11B_TKTT	2020
03	1140009	PPE2007-2021.03			20	Nguyễn Hương Giang						1-5, E507		15/09/2021				K2 CTXH	2021
	1080186	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch	CLM2110	3	50												DL		
01	1080186	CLM2110-2021.01			50	Nguyễn Thị Thùy Linh					7-11, E501			16/08/2021	14/11/2021			K1 Du lịch	2020
	1200015	Tạo khối trang phục	DGI2015	2	10														
01	1200015	DGI2015-2021.01			10	Nguyễn Hải Hà			7-11, A					23/08/2021	31/10/2021			K3 CNM	2020
	1020029	Tạo mẫu trang phục 2	FAD2025	3	52														
01	1020029	FAD2025-2021.01			13	Lê Phương Anh					1-5, E			30/08/2021	05/12/2021			K12 TKTT	2020
02	1020029	FAD2025-2021.02			13	Trần Việt Hùng					1-5, E			30/08/2021	05/12/2021			K12 TKTT	2020
03	1020029	FAD2025-2021.03			13	Đỗ Thu Huyền		7-11, E						30/08/2021	05/12/2021			K14_TKTT	2020
04	1020029	FAD2025-2021.04			13	Nguyễn Huyền Trang		7-11, E						30/08/2021	05/12/2021			K14_TKTT	2020
	1020006	Tạo mẫu trang phục 4	FAD2027	3	46														
01	1020006	FAD2027-2021.01			15	Hoàng Thị Oanh				7-11, B				30/08/2021	05/12/2021			K13 TKTT	2019
02	1020006	FAD2027-2021.02			15	Ng. Thị Bích Liên				7-11, B				30/08/2021	05/12/2021			K12 TKTT	2019
03	1020006	FAD2027-2021.03			16	Lê Nguyễn Kiều Trang				7-11, B				30/08/2021	05/12/2021			K13 TKTT	2019
	1020014	Tạo mẫu trang phục 5	FAD2028	3	70														
01	1020014	FAD2028-2021.01			14	Hoàng Thị Oanh		7-11, E						30/08/2021	05/12/2021			K12 TKTT	2018
02	1020014	FAD2028-2021.02			14	Ng. Thị Bích Liên		7-11, E						30/08/2021	05/12/2021			K12 TKTT	2018
03	1020014	FAD2028-2021.03			14	Lê Nguyễn Kiều Trang						1-5, E		30/08/2021	05/12/2021			K12 TKTT	2018
04	1020014	FAD2028-2021.04			14	Lê Phương Anh				7-11, E				30/08/2021	05/12/2021			K12 TKTT	2018
05	1020014	FAD2028-2021.05			14	Lưu Ngọc Lan				7-11, E				30/08/2021	05/12/2021			K12 TKTT	2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1170015	Thẩm mỹ công nghiệp	GRD2010	2	111												_TKDH_M3_TC		
01	1170015	GRD2010-2021.01			37	Quách Thị Ngọc An		7-11, E603						16/08/2021	19/09/2021	Mo len 40		K9A_TKĐH	2018
02	1170015	GRD2010-2021.02			37	Quách Thị Ngọc An					1-5, E603			16/08/2021	19/09/2021			K9A_TKĐH	2018
03	1170015	GRD2010-2021.03			37	Quách Thị Ngọc An					7-11, E603			16/08/2021	19/09/2021			K10A TKĐH	2018
	1100094	Thanh nhạc 1.1	VMU2004	1	101												2017		
01	1100094	VMU2004-2021.01			5	Đỗ Hương Giang		1-2, D			1-2, D			15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
02	1100094	VMU2004-2021.02			5	Đặng Thị Loan			7-8, D		1-2, D			15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
03	1100094	VMU2004-2021.03			5	Viên Thị Hường			1-2, D		1-2, D			15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
04	1100094	VMU2004-2021.04			5	Giáp Văn Thịnh		7-8, D				7-8, D		15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
05	1100094	VMU2004-2021.05			5	Chu Thị Hoài Phương			1-2, D			7-8, D		15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
06	1100094	VMU2004-2021.06			5	Lê Thị Tinh	1-2, D			7-8, D				15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
07	1100094	VMU2004-2021.07			5	Lê Thị Út		1-2, D			7-8, D			15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
08	1100094	VMU2004-2021.08			5	Nguyễn Mai Hương	1-2, D				7-8, D			15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
09	1100094	VMU2004-2021.09			5	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1-2, D				7-8, D			15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
11	1100094	VMU2004-2021.11			5	Trần Thị Thanh Quý			7-8, D		7-8, D			15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
12	1100094	VMU2004-2021.12			5	Đoàn Thúy Trang	1-2, D				7-8, D			15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
13	1100094	VMU2004-2021.13			5	Đàm Minh Hưng		1-2, D			1-2, D			15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
14	1100094	VMU2004-2021.14			5	Hoàng Quốc Tuấn	1-2, D			1-2, D				15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
15	1100094	VMU2004-2021.15			5	Đào Tiến Lợi	1-2, D				1-2, D			15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
16	1100094	VMU2004-2021.16			5	Bùi Thanh Tuyền		7-8, D		1-2, D				15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
17	1100094	VMU2004-2021.17			5	Ngô Quốc Khánh		7-8, D			7-8, D			15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
18	1100094	VMU2004-2021.18			5	Vũ Thanh Thủy			7-8, D		1-2, D			15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
19	1100094	VMU2004-2021.19			5	Trần Tân Phương				1-2, D		1-2, D		15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
20	1100094	VMU2004-2021.20			5	Trần Mai Tuyết	7-8, D				7-8, D			15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
21	1100094	VMU2004-2021.21			5	Nguyễn Thị Huyền		7-8, D			1-2, D			15/09/2021	12/12/2021				2021
22	1100094	VMU2004-2021.22			1	Trịnh Thị Oanh	1-2, D		1-2, D					15/09/2021	12/12/2021			K9 TN	2021
	1100063	Thanh nhạc 1.2	VMU2004	1	3												2_ Thanh nhạc		
01	1100063	VMU2004-2021.01			1	Đoàn Thúy Trang	9-10, D				3-4, D			16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
02	1100063	VMU2004-2021.02			1	Đỗ Hương Giang			9-10, D		3-4, D			16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
03	1100063	VMU2004-2021.03			1	Lê Minh Tuyền	9-10, D		9-10, D					16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
	1100044	Thanh nhạc 1A	VMU2002*	0	340												1_SPAN		
01	1100044	VMU2002*-2021.01			0	Ngô Quốc Khánh		1-2, D Kcopy						15/09/2021	12/12/2021			K16A_SPAN	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
02	1100044	VMU2002*-2021.02			10	Nguyễn Thị Huyền		1-2, D						15/09/2021	12/12/2021			K16A_SPAN	2021
03	1100044	VMU2002*-2021.03			0	Trần Thị Thảo		7-8, D Kcopy						15/09/2021	12/12/2021			K16B_SPAN	2021
04	1100044	VMU2002*-2021.04			10	Đào Thị Khánh Chi		7-8, D						15/09/2021	12/12/2021			K16A_SPAN	2021
05	1100044	VMU2002*-2021.05			10	Ngân Thị Thương		7-8, D						15/09/2021	12/12/2021			K16A_SPAN	2021
06	1100044	VMU2002*-2021.06			10	Nguyễn Chí Công		7-8, D						15/09/2021	12/12/2021			K16A_SPAN	2021
07	1100044	VMU2002*-2021.07			10	Đàm Minh Hưng		7-8, D						15/09/2021	12/12/2021			K16A_SPAN	2021
08	1100044	VMU2002*-2021.08			10	Đào Tiến Lợi		7-8, D						15/09/2021	12/12/2021			K16A_SPAN	2021
09	1100044	VMU2002*-2021.09			10	Hoàng Quốc Tuấn		7-8, D						15/09/2021	12/12/2021			K16A_SPAN	2021
10	1100044	VMU2002*-2021.10			10	Trần Tân Phương		7-8, D						15/09/2021	12/12/2021			K16A_SPAN	2021
11	1100044	VMU2002*-2021.11			10	Nguyễn Thúy Hà		7-8, D						15/09/2021	12/12/2021			K16A_SPAN	2021
12	1100044	VMU2002*-2021.12			10	Phạm Thị Thu Trang		7-8, D						15/09/2021	12/12/2021			K16B_SPAN	2021
13	1100044	VMU2002*-2021.13			10	Nguyễn Thanh Duyên		7-8, D						15/09/2021	12/12/2021			K16B_SPAN	2021
14	1100044	VMU2002*-2021.14			10	Bùi Thanh Tuyền		7-8, D						15/09/2021	12/12/2021			K16B_SPAN	2021
15	1100044	VMU2002*-2021.15			10	Nguyễn Thu Hằng			1-2, D					15/09/2021	12/12/2021			K16B_SPAN	2021
16	1100044	VMU2002*-2021.16			10	Hoàng Quốc Tuấn			7-8, D					15/09/2021	12/12/2021			K16A_SPAN	2021
17	1100044	VMU2002*-2021.17			10	Hà Thị Lý			7-8, D					15/09/2021	12/12/2021			K16B_SPAN	2021
18	1100044	VMU2002*-2021.18			10	Phạm Bích Ngọc			7-8, D					15/09/2021	12/12/2021			K16B_SPAN	2021
19	1100044	VMU2002*-2021.19			10	Phạm Thị Thu Trang			7-8, D					15/09/2021	12/12/2021			K16B_SPAN	2021
20	1100044	VMU2002*-2021.20			10	Vũ Thị Tươi			7-8, D					15/09/2021	12/12/2021			K16B_SPAN	2021
21	1100044	VMU2002*-2021.21			10	Nguyễn Thu Hằng			7-8, D					15/09/2021	12/12/2021			K16C_SPAN	2021
22	1100044	VMU2002*-2021.22			0	Vũ Thị Tươi				1-2, D Kcopy				15/09/2021	12/12/2021			K16C_SPAN	2021
23	1100044	VMU2002*-2021.23			10	Nguyễn Thanh Duyên				1-2, D				15/09/2021	12/12/2021			K16C_SPAN	2021
24	1100044	VMU2002*-2021.24			10	Nguyễn Thúy Hà				1-2, D				15/09/2021	12/12/2021			K16C_SPAN	2021
25	1100044	VMU2002*-2021.25			10	Nguyễn Thị Huyền				1-2, D				15/09/2021	12/12/2021			K16C_SPAN	2021
26	1100044	VMU2002*-2021.26			10	Nguyễn Phương Thảo				1-2, D				15/09/2021	12/12/2021			K16C_SPAN	2021
27	1100044	VMU2002*-2021.27			10	Bùi Thanh Tuyền				1-2, D				15/09/2021	12/12/2021			K16A_SPAN	2021
28	1100044	VMU2002*-2021.28			0	Trần Thị Thảo					7-8, D Kcopy			15/09/2021	12/12/2021			K16D_SPAN	2021
29	1100044	VMU2002*-2021.29			10	Ngân Thị Thương					7-8, D			15/09/2021	12/12/2021			K16C_SPAN	2021
30	1100044	VMU2002*-2021.30			10	Đào Tiến Lợi					7-8, D			15/09/2021	12/12/2021			K16D_SPAN	2021
31	1100044	VMU2002*-2021.31			10	Nguyễn Chí Công					7-8, D			15/09/2021	12/12/2021			K16D_SPAN	2021
32	1100044	VMU2002*-2021.32			10	Vũ Thanh Thủy					7-8, D			15/09/2021	12/12/2021			K16D_SPAN	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
33	1100044	VMU2002*-2021.33			10	Phạm Bích Ngọc					7-8, D			15/09/2021	12/12/2021			K16D_SPAN	2021
34	1100044	VMU2002*-2021.34			10	Nguyễn Thu Hằng					7-8, D			15/09/2021	12/12/2021			K16D_SPAN	2021
35	1100044	VMU2002*-2021.35			10	Đào Thị Khánh Chi						1-2, D		15/09/2021	12/12/2021			K16C_SPAN	2021
36	1100044	VMU2002*-2021.36			10	Đặng Thị Lan						1-2, D		15/09/2021	12/12/2021			K16D_SPAN	2021
37	1100044	VMU2002*-2021.37			10	Nguyễn Thanh Duyên						1-2, D		15/09/2021	12/12/2021			K16D_SPAN	2021
38	1100044	VMU2002*-2021.38			10	Nguyễn Phương Thảo						1-2, D		15/09/2021	12/12/2021			K16E_SPAN	2021
	1100067	Thanh nhạc 2 A	VMU2003*	0	271												3_SPAN		
01	1100067	VMU2003*-2021.01			9	Nguyễn Thúy Hà	7-8, D							16/08/2021	14/11/2021			K12A_SPAN	2020
02	1100067	VMU2003*-2021.02			9	Hà Thị Lý	7-8, D							16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
03	1100067	VMU2003*-2021.03			10	Phạm Bích Ngọc	7-8, D							16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
04	1100067	VMU2003*-2021.04			10	Vũ Thanh Thùy	7-8, D							16/08/2021	14/11/2021			K15B_SPAN	2020
05	1100067	VMU2003*-2021.05			9	Nguyễn Phương Thảo	7-8, D							16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
06	1100067	VMU2003*-2021.06			9	Trần Thị Thảo			1-2, D					16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
07	1100067	VMU2003*-2021.07			10	Đào Tiến Lợi			1-2, D					16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
08	1100067	VMU2003*-2021.08			9	Nguyễn Thị Huyền			1-2, D					16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
09	1100067	VMU2003*-2021.09			9	Vũ Thị Tươi			1-2, D					16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
10	1100067	VMU2003*-2021.10			9	Phạm Thị Thu Trang			1-2, D					16/08/2021	14/11/2021			K15C_SPAN	2020
12	1100067	VMU2003*-2021.12			10	Bùi Thanh Tuyền			1-2, D					16/08/2021	14/11/2021			K15D_SPAN	2020
13	1100067	VMU2003*-2021.13			10	Nguyễn Chí Công				7-8, D				16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
14	1100067	VMU2003*-2021.14			9	Đàm Minh Hưng				7-8, D				16/08/2021	14/11/2021			K15B_SPAN	2020
15	1100067	VMU2003*-2021.15			9	Ngô Quốc Khánh				7-8, D				16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
16	1100067	VMU2003*-2021.16			10	Đào Thị Khánh Chi				7-8, D				16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
17	1100067	VMU2003*-2021.17			9	Trần Thị Thảo				7-8, D				16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
18	1100067	VMU2003*-2021.18			9	Nguyễn Thúy Hà				7-8, D				16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
19	1100067	VMU2003*-2021.19			10	Đặng Thị Lan				7-8, D				16/08/2021	14/11/2021			K12D_SPAN	2020
20	1100067	VMU2003*-2021.20			9	Hà Thị Lý				7-8, D				16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
21	1100067	VMU2003*-2021.21			9	Ngân Thị Thương				7-8, D				16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
22	1100067	VMU2003*-2021.22			9	Vũ Thị Tươi				7-8, D				16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
23	1100067	VMU2003*-2021.23			10	Phạm Bích Ngọc				7-8, D				16/08/2021	14/11/2021			K15C_SPAN	2020
24	1100067	VMU2003*-2021.24			9	Nguyễn Thanh Duyên				7-8, D				16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
25	1100067	VMU2003*-2021.25			10	Nguyễn Thu Hằng				7-8, D				16/08/2021	14/11/2021			K15C_SPAN	2020
26	1100067	VMU2003*-2021.26			9	Nguyễn Phương Thảo					1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K15B_SPAN	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
27	1100067	VMU2003*-2021.27			10	Trần Tân Phương					1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K15D_SPAN	2020
29	1100067	VMU2003*-2021.29			9	Ngân Thị Thương					1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K15A_SPAN	2020
30	1100067	VMU2003*-2021.30			9	Nguyễn Thị Huyền					1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K15C_SPAN	2020
31	1100067	VMU2003*-2021.31			9	Phạm Thị Thu Trang					1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K15B_SPAN	2020
	1100040	Thanh nhạc 2.1	VMU2005	1													DH TN		
01	1100040	VMU2005-2021.01			0	Đỗ Hương Giang	7-8, D				1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
02	1100040	VMU2005-2021.02			0	Trịnh Thị Oanh	7-8, D		7-8, D					16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
03	1100040	VMU2005-2021.03			0	Giáp Văn Thịnh				7-8, D		7-8, D		16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
04	1100040	VMU2005-2021.04			0	Trần Thị Thanh Quý			1-2, D		1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
05	1100040	VMU2005-2021.05			0	Nguyễn Mai Hương	7-8, D				1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
06	1100040	VMU2005-2021.06			0	Viên Thị Hường			1-2, D		1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
07	1100040	VMU2005-2021.07			0	Lê Minh Tuyển	7-8, D		1-2, D					16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
08	1100040	VMU2005-2021.08			0	Nguyễn Thị Nga	7-8, D				7-8, D			16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
09	1100040	VMU2005-2021.09			0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	7-8, D				1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
10	1100040	VMU2005-2021.10			0	Lê Thị Út			1-2, D		1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
12	1100040	VMU2005-2021.12			0	Lê Thị Tình	7-8, D		1-2, D					16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
13	1100040	VMU2005-2021.13			0	Đặng Thị Loan	7-8, D				1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
14	1100040	VMU2005-2021.14			0	Chu Thị Hoài Phương			1-2, D			7-8, D		16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
15	1100040	VMU2005-2021.15			0	Đàm Minh Hưng			7-8, D		7-8, D			16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
16	1100040	VMU2005-2021.16			0	Ngô Quốc Khánh	7-8, D		1-2, D					16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
17	1100040	VMU2005-2021.17			0	Hoàng Quốc Tuấn	1-2, D			1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
18	1100040	VMU2005-2021.18			0	Đoàn Thúy Trang	7-8, D				1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K7B TN	2020
19	1100040	VMU2005-2021.19			0	Nguyễn Chí Công	7-8, D			1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
20	1100040	VMU2005-2021.20			0	Vũ Thanh Thủy			7-8, D		1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K8 TN	2020
	1100041	Thanh nhạc 2.2	VMU2005	1	1												8_TN_M4		
01	1100041	VMU2005-2021.01			1	Đoàn Thúy Trang	7-8, D				1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K6A TN	2020
	1100071	Thanh nhạc 3 A	VMU2018*	0	62												5_SPAN		
01	1100071	VMU2018*-2021.01			0	Nguyễn Thúy Hà		1-2, D						16/08/2021	14/11/2021			K14A SPAN	2019
02	1100071	VMU2018*-2021.02			0														2019
03	1100071	VMU2018*-2021.03			0	Hà Thị Lý	1-2, D							16/08/2021	14/11/2021			K14B SPAN	2019
04	1100071	VMU2018*-2021.04			0	Nguyễn Phương Thảo	1-2, D							16/08/2021	14/11/2021			K14A SPAN	2019
05	1100071	VMU2018*-2021.05			0	Phạm Bích Ngọc	1-2, D							16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
06	1100071	VMU2018*-2021.06			0	Vũ Thanh Thủy	1-2, D							16/08/2021	14/11/2021			K14A SPAN	2019
07	1100071	VMU2018*-2021.07			0	Bùi Thanh Tuyền	1-2, D							16/08/2021	14/11/2021			K14B SPAN	2019
08	1100071	VMU2018*-2021.08			0	Nguyễn Thu Hằng		1-2, D						16/08/2021	14/11/2021			K14A SPAN	2019
09	1100071	VMU2018*-2021.09			0	Đào Thị Khánh Chi		1-2, D						16/08/2021	14/11/2021			K13D SPAN	2019
10	1100071	VMU2018*-2021.10			0	Nguyễn Chí Công		1-2, D						16/08/2021	14/11/2021			K14A SPAN	2019
11	1100071	VMU2018*-2021.11			0	Trần Thị Thảo		1-2, D						16/08/2021	14/11/2021			K14A SPAN	2019
12	1100071	VMU2018*-2021.12			0	Đào Tiến Lợi		1-2, D						16/08/2021	14/11/2021			K14A SPAN	2019
13	1100071	VMU2018*-2021.13			0	Ngân Thị Thương		1-2, D						16/08/2021	14/11/2021			K14A SPAN	2019
14	1100071	VMU2018*-2021.14			0	Vũ Thị Tươi		1-2, D						16/08/2021	14/11/2021			K14A SPAN	2019
15	1100071	VMU2018*-2021.15			0	Phạm Thị Thu Trang		1-2, D						16/08/2021	14/11/2021			K14B SPAN	2019
16	1100071	VMU2018*-2021.16			0	Nguyễn Thanh Duyên		1-2, D						16/08/2021	14/11/2021			K14B SPAN	2019
17	1100071	VMU2018*-2021.17			0														2019
18	1100071	VMU2018*-2021.18			0	Trần Thị Thảo							1-2, NC	16/08/2021	14/11/2021			K14B SPAN	2019
19	1100071	VMU2018*-2021.19			10	Vũ Thị Tươi						3-4, D		20/09/2021				K13 SPAN CD	2021
20	1100071	VMU2018*-2021.20			10	Nguyễn Thị Huyền						3-4, D		20/09/2021				K13 SPAN CD	2021
21	1100071	VMU2018*-2021.21			10	Đặng Thị Lan						9-10, D		20/09/2021				K13 SPAN CD	2021
22	1100071	VMU2018*-2021.22			10	Vũ Thanh Thủy						9-10, D		20/09/2021				K13 SPAN CD	2021
23	1100071	VMU2018*-2021.23			10	Phạm Thị Thu Trang						9-10, D		20/09/2021				K13 SPAN CD	2021
24	1100071	VMU2018*-2021.24			12	Hoàng Quốc Tuấn						3-4, D						K13 SPAN CD	2021
	1100052	Thanh nhạc 3.1	VMU2006	1													TN		
01	1100052	VMU2006-2021.01			0	Trần Mai Tuyết	1-2, D		7-8, D					16/08/2021	14/11/2021			K7A TN	2019
02	1100052	VMU2006-2021.02			0	Đỗ Hương Giang	12-12, D		12-12, D					16/08/2021	14/11/2021			K7B TN	2019
03	1100052	VMU2006-2021.03			0	Đặng Thị Loan			7-8, D		7-8, D			16/08/2021	14/11/2021			K6A TN	2019
04	1100052	VMU2006-2021.04			0	Viên Thị Hường		1-5, D		1-5, D				16/08/2021	14/11/2021			K7A TN	2019
05	1100052	VMU2006-2021.05			0	Giáp Văn Thịnh		1-2, D				1-2, D		16/08/2021	14/11/2021			K7A TN	2019
06	1100052	VMU2006-2021.06			0	Chu Thị Hoài Phương			7-8, D			1-2, D		16/08/2021	14/11/2021			K7A TN	2019
07	1100052	VMU2006-2021.07			0	Nguyễn Chí Công	7-8, D			1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K7A TN	2019
08	1100052	VMU2006-2021.08			0	Lê Thị Tình	1-2, D		7-8, D					16/08/2021	14/11/2021			K7A TN	2019
09	1100052	VMU2006-2021.09			0	Lê Thị Út			1-2, D		1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K7A TN	2019
10	1100052	VMU2006-2021.10			0	Lê Minh Tuyền	1-2, D		7-8, D					16/08/2021	14/11/2021			K7A TN	2019
11	1100052	VMU2006-2021.11			0	Nguyễn Mai Hương	1-2, D				7-8, D			16/08/2021	14/11/2021			K7A TN	2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
12	1100052	VMU2006-2021.12			0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1-2, D				7-8, D			16/08/2021	14/11/2021			K7B TN	2019
13	1100052	VMU2006-2021.13			0	Trịnh Thị Oanh		1-2, D			7-8, D			16/08/2021	14/11/2021			K7A TN	2019
14	1100052	VMU2006-2021.14			0	Trần Thị Thanh Quý			7-8, D		7-8, D			16/08/2021	14/11/2021			K7B TN	2019
15	1100052	VMU2006-2021.15			0	Nguyễn Thị Nga	7-8, D				7-8, D			16/08/2021	14/11/2021			K7A TN	2019
16	1100052	VMU2006-2021.16			0	Đào Tiến Lợi		1-2, D			1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K7B TN	2019
17	1100052	VMU2006-2021.17			0	Đoàn Thúy Trang	7-8, D				1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K5B_TN	2019
18	1100052	VMU2006-2021.18			0	Ngô Quốc Khánh	7-8, D		1-2, D					16/08/2021	14/11/2021			K7B TN	2019
19	1100052	VMU2006-2021.19			0	Đàm Minh Hưng			7-8, D		7-8, D			16/08/2021	14/11/2021			K7A TN	2019
20	1100052	VMU2006-2021.20			0	Đàm Minh Hưng			12-12, D		7-8, D			16/08/2021	14/11/2021				2019
21	1100052	VMU2006-2021.21			0	Nguyễn Chí Công	7-8, D			6-6, D				16/08/2021	14/11/2021				2019
	1100010	Thanh nhạc 4	VMU2019	1													SPAN		
01	1100010	VMU2019-2021.01			0	Đào Tiến Lợi				1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2018
02	1100010	VMU2019-2021.02			0	Nguyễn Chí Công			7-8, D					16/08/2021	14/11/2021			K13B SPAN	2018
03	1100010	VMU2019-2021.03			0	Phạm Thị Thu Trang				1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K12C_SPAN	2018
04	1100010	VMU2019-2021.04			0	Nguyễn Thị Huyền			7-8, D					16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2018
05	1100010	VMU2019-2021.05			0	Bùi Thanh Tuyền			7-8, D					16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2018
06	1100010	VMU2019-2021.06			0	Ngô Quốc Khánh			7-8, D					16/08/2021	14/11/2021			K12C_SPAN	2018
07	1100010	VMU2019-2021.07			0	Trần Thị Thảo				1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K12A_SPAN	2018
08	1100010	VMU2019-2021.08			0	Đào Thị Khánh Chi				1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K13B SPAN	2018
09	1100010	VMU2019-2021.09			0	Nguyễn Thúy Hà			7-8, D					16/08/2021	14/11/2021			K13B SPAN	2018
10	1100010	VMU2019-2021.10			0	Đặng Thị Lan				1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2018
11	1100010	VMU2019-2021.11			0	Vũ Thanh Thủy				1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2018
12	1100010	VMU2019-2021.12			0	Ngô Quốc Khánh				1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K4 AN MN	2018
13	1100010	VMU2019-2021.13			0	Trần Tân Phương				1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2018
14	1100010	VMU2019-2021.14			0	Hà Thị Lý				1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K13C SPAN	2018
15	1100010	VMU2019-2021.15			0									16/08/2021	14/11/2021				2018
16	1100010	VMU2019-2021.16			0	Phạm Bích Ngọc				1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2018
17	1100010	VMU2019-2021.17			0	Trần Thị Thảo							7-8, NC	16/08/2021	14/11/2021			K13A SPAN	2018
18	1100010	VMU2019-2021.18			0	Hà Thị Lý							1-2, D	16/08/2021	14/11/2021			K12 CDLT SPAN	2020
19	1100010	VMU2019-2021.19			0	Hoàng Quốc Tuấn							7-8, D	16/08/2021	14/11/2021			K12 CDLT SPAN	2020
20	1100010	VMU2019-2021.20			0	Ngân Thị Thương							7-8, D	16/08/2021	14/11/2021			K12 CDLT SPAN	2020
21	1100010	VMU2019-2021.21			0	Trần Tân Phương							1-2, D	16/08/2021	14/11/2021			K12 CDLT SPAN	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
22	1100010	VMU2019-2021.22			0	Bùi Thanh Tuyền							1-2, D	16/08/2021	14/11/2021			K12 CDLT SPAN	2020
	1100088	Thanh nhạc 4.1	VMU2007	1													TN		
01	1100088	VMU2007-2021.01			0	Trần Mai Tuyết	1-2, D		7-8, D					16/08/2021	14/11/2021			K6A TN	2018
02	1100088	VMU2007-2021.02			0	Đỗ Hương Giang	1-2, D		1-2, D					16/08/2021	14/11/2021			K6A TN	2018
03	1100088	VMU2007-2021.03			0	Đặng Thị Loan	1-2, D			1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K5B_TN	2018
04	1100088	VMU2007-2021.04			0	Chu Thị Hoài Phương			7-8, D			1-2, D		16/08/2021	14/11/2021			K6A TN	2018
05	1100088	VMU2007-2021.05			0	Lê Thị Út			1-2, D		1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K6B TN	2018
06	1100088	VMU2007-2021.06			0	Lê Minh Tuyền	7-8, D		1-2, D					16/08/2021	14/11/2021			K5B_TN	2018
07	1100088	VMU2007-2021.07			0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1-2, D				7-8, D			16/08/2021	14/11/2021			K4A_TN	2018
08	1100088	VMU2007-2021.08			0	Trịnh Thị Oanh	7-8, D		7-8, D					16/08/2021	14/11/2021			K6A TN	2018
09	1100088	VMU2007-2021.09			0	Trần Thị Thanh Quý			1-2, D		6-6, D			16/08/2021	14/11/2021			K6B TN	2018
10	1100088	VMU2007-2021.10			0	Vũ Thanh Thủy			7-8, D		1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K6A TN	2018
11	1100088	VMU2007-2021.11			0	Nguyễn Thị Nga	1-2, D				1-2, D			16/08/2021	14/11/2021			K6A TN	2018
12	1100088	VMU2007-2021.12			0	Nguyễn Chí Công	7-8, D			1-2, D				16/08/2021	14/11/2021			K6A TN	2018
13	1100088	VMU2007-2021.13			0									16/08/2021	14/11/2021				2018
14	1100088	VMU2007-2021.14			0	Giáp Văn Thịnh		1-2, D				1-2, D		16/08/2021	14/11/2021			K6B TN	2018
15	1100088	VMU2007-2021.15			0	Bùi Thanh Tuyền	1-2, D		1-2, D					16/08/2021	14/11/2021			K6A TN	2018
16	1100088	VMU2007-2021.16			0									16/08/2021	14/11/2021				2018
17	1100088	VMU2007-2021.17			0	Hà Thị Lý	7-8, D			7-8, D				16/08/2021	14/11/2021			K6B TN	2018
18	1100088	VMU2007-2021.18			0	Hoàng Quốc Tuấn	6-6, D			6-6, D				16/08/2021	14/11/2021			K6A TN	2018
	1170036	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu SP thương mại	GRD2033	2	153												6_TKDH_M4_TC		
01	1170036	GRD2033-2021.01			17	Nguyễn Duy Hùng	7-10, E602		7-10, E602					16/08/2021	21/11/2021			K9B_TKĐH	2018
02	1170036	GRD2033-2021.02			17	Vũ Minh Hoàng	7-10, E602		7-10, E602					16/08/2021	21/11/2021			K8B_TKĐH	2018
03	1170036	GRD2033-2021.03			17	Lò Mai Trang	7-10, E602		7-10, E602					16/08/2021	21/11/2021			K9B_TKĐH	2018
04	1170036	GRD2033-2021.04			17	Phạm Hùng Cường				1-4, E602		1-4, E602		16/08/2021	21/11/2021			K9A_TKĐH	2018
05	1170036	GRD2033-2021.05			17	Nguyễn Duy Hùng				1-4, E602		1-4, E602		16/08/2021	21/11/2021			K9B_TKĐH	2018
06	1170036	GRD2033-2021.06			17	Nguyễn Thị Hải Yến				1-4, E602		1-4, E602		16/08/2021	21/11/2021			K8B_TKĐH	2018
07	1170036	GRD2033-2021.07			17	Lò Mai Trang	7-10, E602		7-10, E602					23/08/2021	21/11/2021			K8A_TKĐH	2018
08	1170036	GRD2033-2021.08			17	Nguyễn Thanh Huyền	7-10, E602		7-10, E602					23/08/2021	21/11/2021			K8D_TKĐH	2018
09	1170036	GRD2033-2021.09			17	Nguyễn Văn Hiến	7-10, E602		7-10, E602					23/08/2021	21/11/2021			K9A_TKĐH	2018
	1020044	Thiết kế kỹ thuật trang phục	FAD2016	2	70														
01	1020044	FAD2016-2021.01			14	Lưu Ngọc Lan			7-11,					26/09/2021	20/11/2021			K12 TKTT	2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
02	1020044	FAD2016-2021.02			14	Nguyễn Huyền Trang			7-11,					26/09/2021	20/11/2021			K12 TKTT	2018
03	1020044	FAD2016-2021.03			14	Đỗ Thu Huyền	7-11,							26/09/2021	20/11/2021			K12 TKTT	2018
04	1020044	FAD2016-2021.04			14	Vũ Mai Hiên				7-11,				26/09/2021	20/11/2021			K12 TKTT	2018
05	1020044	FAD2016-2021.05			14	Nguyễn Huyền Trang	7-11,							26/09/2021	20/11/2021			K12 TKTT	2018
	1100100	Thực hành biểu diễn	VMU2025	3	50												2019		
01	1100100	VMU2025-2021.01			25	Ngô Quốc Khánh		7-11, D4						04/10/2021				K7A TN	2019
02	1100100	VMU2025-2021.02			25	Ngô Quốc Khánh					1-5, D4			04/10/2021				K7A TN	2019
	1020023	Thực hành công nghệ may 2	FAD2012	3	52														
01	1020023	FAD2012-2021.01			13	Vũ Mai Hiên			1-5, XM					11/10/2021	05/12/2021			K13 TKTT	2019
02	1020023	FAD2012-2021.02			13	Nguyễn Kiều Oanh			1-5, XM					11/10/2021	05/12/2021			K12 TKTT	2019
03	1020023	FAD2012-2021.03			13	Nguyễn Bích Nhung		1-5, XM						11/10/2021	05/12/2021			K12 TKTT	2019
04	1020023	FAD2012-2021.04			13	Nguyễn Bích Nhung							1-5, XM	11/10/2021	05/12/2021			K11B_ TKTT	2019
	1200025	Thực hành công nghệ may 4	DGI2025	3	20														
01	1200025	DGI2025-2021.01			20	Nguyễn Bích Nhung			7-11, XM					13/09/2021	15/11/2021			K1_CNM	2019
	1200042	Thực hành sản xuất 1	DGI2042	2	10														
01	1200042	DGI2042-2021.01			10	Ngô Thị Thủy Thu						7-11, A						K1_CNM	2018
	1200028	Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phục 1	DGI2028	2	10														
01	1200028	DGI2028-2021.01			10	Nguyễn Kiều Oanh		7-11, E						23/08/2021	31/10/2021			K4_CNM	2020
	1200030	Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phục 3	DGI2030	3	20														
01	1200030	DGI2030-2021.01			20	Nguyễn Bích Nhung				7-11, XM				30/08/2021	31/10/2021			K3 CNM	2019
	1200044	Thực tập chuyên ngành	DGI2044	2	20														
01	1200044	DGI2044-2021.01			20	Nguyễn Kiều Oanh							1-5, TTCN					K1_CNM	2019
	1080262	Thực tập công tác xã hội 1	CLM2241	2	15												CTXH		
01	1080262	CLM2241-2021.01			15	Phạm Thanh Bình							1-5, TTCTXH	22/11/2021	12/12/2021			K1 CTXH	2020
	1080113	Thực tập nghề nghiệp	CLM2075	3	35												DVK		
01	1080113	CLM2075-2021.01			35	Ng.Thuý Hường							1-5, TTNN	22/11/2021	12/12/2021			K1 LT TC DVKDA	2019
	1190035	Thực tập nghề nghiệp 2	PIA2025	4	15														
01	1190035	PIA2025-2021.01			15	Lại Thị Phương Thảo							1-5, TTNN	29/11/2021	12/12/2021				2018
	1100055	Thực tập nghề nghiệp 2	VMU2015	6	40												7_TN_M5		
01	1100055	VMU2015-2021.01			40	Đỗ Hương Giang							1-5, TTNN2			KO DK			2018
	1060078	Thực tập sư phạm 2	FAE2022	4	30												6*ĐH		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
01	1060078	FAE2022-2021.01			30	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	11/10/2021	21/11/2021	K13 SPMT		K13 SPMT	2018
	1070122	Thực tập sư phạm 2	MUS2047	4	150												ĐH SP		
01	1070122	MUS2047-2021.01			150	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	11/10/2021	21/11/2021			K13A SPAN	2018
	1080114	Thực tập tiền tốt nghiệp	CLM2076	5	15												DVK		
01	1080114	CLM2076-2021.01			15	Trần Vĩnh Khương							1-5, TTTN	22/11/2021	12/12/2021			K4 DVK-DA	2018
	1020009	Thực tập tốt nghiệp	FAD2048	4	60														
01	1020009	FAD2048-2021.01			30	Đỗ Thu Huyền							1-5, TTTN					K12 TKTT	2018
02	1020009	FAD2048-2021.02			30	Nguyễn Huyền Trang							1-5, TTTN					K12 TKTT	2018
	1200045	Thực tập tốt nghiệp	DGI2045	2	15														
01	1200045	DGI2045-2021.01			15	Nguyễn Kiều Oanh							1-5, TTTN			Lan bao mo 12.10		K1_CNM	2018
	1170047	Thực tập tốt nghiệp	GRD2041	4	151												9_TKDH_M5		
01	1170047	GRD2041-2021.01			50	Phạm Phương Linh							1-5, Lop A	20/09/2021	14/11/2021			K8B_TKĐH	2017
02	1170047	GRD2041-2021.02			50	Nguyễn Quang Huy							1-5, Lop B	20/09/2021	14/11/2021			K8B_TKĐH	2017
03	1170047	GRD2041-2021.03			50	Nguyễn Đức Lân							1-5, Lop C	20/09/2021	14/11/2021			K8B_TKĐH	2017
04	1170047	GRD2041-2021.04			1	Nguyễn Văn Hiến							1-5, LR					K8D_TKĐH	2017
	1020034	Thực tế chuyên môn 1	FAD2045	2	60														
01	1020034	FAD2045-2021.01			30	Ngô Thị Thu Hà							1-5, TTCM1					K14_TKTT	2020
02	1020034	FAD2045-2021.02			30	Lê Mai Trinh							1-5, TTCM1					K14_TKTT	2020
	1060063	Thực tế chuyên môn 1	FAE2011	2	45												3*FAE2011		
01	1060063	FAE2011-2021.01			45	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM1	26/07/2021	08/08/2021	Ko DK		K15_SPMT	2020
	1170042	Thực tế chuyên môn 1	GRD2037	2	160												3_TKDH_M5		
01	1170042	GRD2037-2021.01			40	Nguyễn Quang Huy							1-5, TTCM1	26/07/2021	08/08/2021	Ko DK		K12_A_TKDH	2020
02	1170042	GRD2037-2021.02			40	Nguyễn Hữu Dũng							1-5, TTCM1	26/07/2021	08/08/2021	Ko DK		K9B_TKĐH	2020
03	1170042	GRD2037-2021.03			40	Nguyễn Đức Lân							1-5, TTCM1	26/07/2021	08/08/2021	Ko DK		K12_C_TKDH	2020
04	1170042	GRD2037-2021.04			40	Lê Huy Thục							1-5, TTCM1	26/07/2021	08/08/2021	Ko DK		K12_D_TKDH	2020
	1020015	Thực tế chuyên môn 2	FAD2047	2	60														
01	1020015	FAD2047-2021.01			30	Hoàng Thị Oanh							1-5, TTCM2			Di cuoi ky		K13 TKTT	2019
02	1020015	FAD2047-2021.02			30	Ng. Thị Bích Liên							1-5, TTCM2			Di cuoi ky		K13 TKTT	2019
	1060064	Thực tế chuyên môn 2	FAE2012	2	40												4*FAE2012		
01	1060064	FAE2012-2021.01			40	Lê Thị Kim Liên							7-11, TTCM2					K14 SPMT	2019
	1170044	Thực tế chuyên môn 3	GRD2039	3	1												8_TKDH_M5		
01	1170044	GRD2039-2021.01			1	Nguyễn Quang Huy							1-5, LR					K6E_TKĐH	2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
	1060065	Thực tế chuyên môn 3	FAE2013	2	1												FAE2013		
01	1060065	FAE2013-2021.01			1	Lê Thị Kim Liên							7-11, TTCM2					K12 CDLT_SPMT trong trường	2020
	1060068	Thực tế CM 5	FAE2045	4	1												FAE2044		
01	1060068	FAE2045-2021.01			1	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM	26/07/2021	08/08/2021	Ko DK		K4 HH	2017
	1040001	Tiếng Anh 1	CFL2001	4	405												1* A1 chung		
01	1040001	CFL2001-2021.01			15	Ngô Thị Hòa	1-5, E405 N1							15/09/2021	05/12/2021	DH		K13A_TKDH	2021
02	1040001	CFL2001-2021.02			15	Lê Thị Hiền		1-5, E405 N2						15/09/2021	05/12/2021	DH		K13A_TKDH	2021
03	1040001	CFL2001-2021.03			15	Lê Thị Hiền			1-5, E403 N3					15/09/2021	05/12/2021	DH		K13A_TKDH	2021
04	1040001	CFL2001-2021.04			15	Lê Thị Hiền				1-5, E403 <5				15/09/2021	05/12/2021	DH		K13A_TKDH	2021
05	1040001	CFL2001-2021.05			15	Phạm Thị Ngọc Bích				1-5, E405 KT				15/09/2021	05/12/2021	DH		K15A_TKTT	2021
06	1040001	CFL2001-2021.06			15	Nguyễn Thị Ân				7-11, E101 N1				15/09/2021	05/12/2021			K7 Piano	2021
07	1040001	CFL2001-2021.07			15	Ngô Thị Hòa				7-11, E101 N2				15/09/2021	05/12/2021			K16A_SPMT	2021
08	1040001	CFL2001-2021.08			15	Hoàng Thị Thu Hằng				7-11, E403 N3				15/09/2021	05/12/2021			K16A_SPMT	2021
09	1040001	CFL2001-2021.09			15	Ngô Thị Hòa					7-11, E405 <5			15/09/2021	05/12/2021			K16A_SPMT	2021
10	1040001	CFL2001-2021.10			15	Nguyễn Thị Ân					7-11, E505 KT			15/09/2021	05/12/2021			K9 TN	2021
11	1040001	CFL2001-2021.11			15	Phạm Thị Lý	7-11, E405 <5							15/09/2021	05/12/2021			K9 TN	2021
12	1040001	CFL2001-2021.12			15	Nguyễn Thị Ân			7-11, E101 N3					15/09/2021	05/12/2021			K15 QLVH	2021
13	1040001	CFL2001-2021.13			15	Phạm Thị Lý			7-11, E403 <5					15/09/2021	05/12/2021			K15A_TKTT	2021
14	1040001	CFL2001-2021.14			15	Trương Tổ Loan		7-11, E405 N3						15/09/2021	05/12/2021			K15A_TKTT	2021
15	1040001	CFL2001-2021.15			15	Phạm Thị Ngọc Bích	7-11, E403 N2							15/09/2021	05/12/2021			K15A_TKTT	2021
16	1040001	CFL2001-2021.16			15	Phạm Thị Ngọc Bích				1-5, E403 N1				15/09/2021	05/12/2021			K15A_TKTT	2021
17	1040001	CFL2001-2021.17			15	Nguyễn Thanh Dung		7-11, E403 N1						15/09/2021	05/12/2021			K16B_SPAN	2021
18	1040001	CFL2001-2021.18			10	Trương Tổ Loan					1-5, E405 N2			15/09/2021	05/12/2021			K16A_SPAN	2021
19	1040001	CFL2001-2021.19			10	Nguyễn Thanh Dung				7-11, E403 N3				15/09/2021	05/12/2021			K16A_SPAN	2021
20	1040001	CFL2001-2021.20			10	Hoàng Thị Thu Hằng					1-5, E403 N3			15/09/2021	05/12/2021			K16D_SPAN	2021
21	1040001	CFL2001-2021.21			10	Hoàng Thị Thu Hằng	1-5, E101 <5							15/09/2021	05/12/2021			K16B_SPAN	2021
22	1040001	CFL2001-2021.22			10	Nguyễn Thanh Dung	1-5, E403 <5							15/09/2021	05/12/2021			K16D_SPAN	2021
23	1040001	CFL2001-2021.23			10	Trương Tổ Loan		1-5, E403 <5						15/09/2021	05/12/2021			K16F_SPAN	2021
24	1040001	CFL2001-2021.24			10	Phạm Thị Lý					7-11, E403 KT			15/09/2021	05/12/2021			K16A_SPAN	2021
25	1040001	CFL2001-2021.25			40	Ngô Thị Hòa					1-5, E505 N3			15/09/2021	05/12/2021			K7A DVK	2021
26	1040001	CFL2001-2021.26			40	Phạm Thị Ngọc Bích					1-5, E506 <5			15/09/2021	05/12/2021			K7A DVK	2021
	1040014	Tiếng Anh chuyên ngành (AN)	CFL2005	2	280												3* Âm nhạc		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
01	1040014	CFL2005-2021.01			35	Phạm Thị Ngọc Bích	1-5, E405							16/08/2021	26/09/2021			K12D_SPAN	2020
02	1040014	CFL2005-2021.02			35	Nguyễn Thị Ân	7-11, E403							16/08/2021	26/09/2021			K13D SPAN	2020
03	1040014	CFL2005-2021.03			35	Nguyễn Thanh Dung		1-5, E403						16/08/2021	26/09/2021			K14C SPAN	2020
04	1040014	CFL2005-2021.04			35	Hoàng Thị Thu Hằng		7-11, E403						16/08/2021	26/09/2021			K13B SPAN	2020
05	1040014	CFL2005-2021.05			35	Trương Tổ Loan			1-5, E403					16/08/2021	26/09/2021			K13A SPAN	2020
06	1040014	CFL2005-2021.06			35	Phạm Thị Ngọc Bích			7-11, E403					16/08/2021	26/09/2021			K13C SPAN	2020
07	1040014	CFL2005-2021.07			35	Hoàng Thị Thu Hằng				1-5, E403				16/08/2021	26/09/2021			K14A SPAN	2020
08	1040014	CFL2005-2021.08			35	Nguyễn Thị Ân				7-11, E403				16/08/2021	26/09/2021			K12C_SPAN	2020
	1040018	Tiếng Anh chuyên ngành (DL)	CFL2011	4	50														
01	1040018	CFL2011-2021.01			50	Ngô Thị Hòa				7-11, E405				16/08/2021	07/11/2021			K1 Du lịch	2020
	1040006	Tiếng Anh chuyên ngành (QLVH)	CFL2007	2	50												3* QLVH		
01	1040006	CFL2007-2021.01			50	Phạm Thị Lý		1-5, E405						16/08/2021	26/09/2021			K11 QLVH	2018
	1040007	Tiếng Anh chuyên ngành (TKDH)	CFL2004	2	135												3* 7_TKDH_M4		
01	1040007	CFL2004-2021.01			45	Trịnh Thị Hà	1-5, E403							16/08/2021	26/09/2021			K8D_TKĐH	2018
02	1040007	CFL2004-2021.02			45	Lê Thị Hiền				7-11, E101				16/08/2021	26/09/2021			K9A_TKĐH	2018
03	1040007	CFL2004-2021.03			45	Phạm Thị Lý				7-11, E403				16/08/2021	26/09/2021			K10A TKĐH	2018
	1040009	Tiếng Anh chuyên ngành (TKTT)	CFL2006	2	50												3* TKTT		
01	1040009	CFL2006-2021.01			50	Trương Tổ Loan				7-11, E405				18/10/2021	28/11/2021	Xếp gọi		K12 TKTT	2020
	1080110	Tiếng nói trong kịch - điện ảnh 3	CLM2072	3	32														
01	1080110	CLM2072-2021.01			16	Đinh Xuân Tùng			1-5, NA401					16/08/2021	24/10/2021			K6 DVK	2020
02	1080110	CLM2072-2021.02			16	Đinh Xuân Tùng			7-11, NA401					16/08/2021	24/10/2021			K5 DVK	2020
	1060106	Tin học chuyên ngành	FAE2073	2	201												2019		
01	1060106	FAE2073-2021.01			15	Trang Tổ Uyên				1-5, E401				16/08/2021	10/10/2021	Mo len 17		K15_SPMT	2020
02	1060106	FAE2073-2021.02			15	Trang Tổ Uyên						1-5, E401				chuyen lop		K15_SPMT	2020
03	1060106	FAE2073-2021.03			15	Trang Tổ Uyên						1-5, E401		16/08/2021	10/10/2021			K15_SPMT	2020
04	1060106	FAE2073-2021.04			15	Trần Anh Hoàng						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B			LT K13		K13_CDLT_SPMT	2021
05	1060106	FAE2073-2021.05			15	Trang Tổ Uyên						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B			LT K13		K13_CDLT_SPMT	2021
06	1060106	FAE2073-2021.06			15	Trần Anh Hoàng						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B			LT K13		K13_CDLT_SPMT	2021
07	1060106	FAE2073-2021.07			15	Trang Tổ Uyên						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B			LT K13		K13_CDLT_SPMT	2021
10	1060106	FAE2073-2021.10			16	Trần Anh Hoàng						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B					K3 TC_SPMT	2021
11	1060106	FAE2073-2021.11			16	Trang Tổ Uyên						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B					K13_CDLT_SPMT	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
12	1060106	FAE2073-2021.12			16	Trần Anh Hoàng						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B					K13_CDLT_SPMT	2021
13	1060106	FAE2073-2021.13			16	Trang Tô Uyên						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B					K13_CDLT_SPMT	2021
14	1060106	FAE2073-2021.14			16	Trần Anh Hoàng						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B					K13_CDLT_SPMT	2021
15	1060106	FAE2073-2021.15			16	Trang Tô Uyên						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B					K13_CDLT_SPMT	2021
	1070033	Tin học chuyên ngành	MUS2001	2	55												MUS2001		
01	1070033	MUS2001-21.01			55	Lương Minh Tân							1-3, D	20/09/2021				K13 SPAN CD	2021
01A	1070033	MUS2001-2021.01A			0	Lương Minh Tân							4-5, D	20/09/2021				K13 SPAN CD	2021
	1200026	Tin học chuyên ngành 1	DGI2026	2	10														
01	1200026	DGI2026-2021.01			10	Đỗ Thu Huyền					7-11, E401			23/08/2021	17/10/2021			K3 CNM	2020
	1170026	Tin học chuyên ngành 2	GRD2021	3	136												5_TKDH_M4		
01	1170026	GRD2021-2021.01			15	Nguyễn Duy Hùng	1-4, E406		1-4, E406					16/08/2021	03/10/2021			K8B_TKĐH	2019
02	1170026	GRD2021-2021.02			15	Tổng Việt Anh	1-4, E406		1-4, E406					16/08/2021	03/10/2021			K10B TKĐH	2019
03	1170026	GRD2021-2021.03			15	Nguyễn Xuân Giáp				13-16, E406		13-16, E406		16/08/2021	03/10/2021	Huy chuyen buoi va bo sung lop khac		K11 A TKDH	2019
04	1170026	GRD2021-2021.04			15	Lê Huy Thục	7-10, E406		7-10, E406					16/08/2021	03/10/2021			K10B TKĐH	2019
05	1170026	GRD2021-2021.05			15	Tổng Việt Anh	7-10, E406		7-10, E406					16/08/2021	03/10/2021			K9A_TKĐH	2019
06	1170026	GRD2021-2021.06			15	Nguyễn Xuân Giáp	7-10, E406		7-10, E406					16/08/2021	03/10/2021			K10C TKĐH	2019
07	1170026	GRD2021-2021.07			16	Lê Huy Thục				1-4, E406		1-4, E406		16/08/2021	03/10/2021			K10A TKĐH	2019
08	1170026	GRD2021-2021.08			15	Nguyễn Đỗ Long				1-4, E406		1-4, E406		16/08/2021	03/10/2021			K11 A TKDH	2019
09	1170026	GRD2021-2021.09			15	Nguyễn Xuân Giáp				1-4, E406		1-4, E406		16/08/2021	03/10/2021			K10B TKĐH	2019
	1040002	Tin học cơ bản	INF2001	2	460												1* 1_m.chung_M1		
01	1040002	INF2001-2021.01			30														2020
02	1040002	INF2001-2021.02			30	Vũ Việt Hoàng		7-11, E401						16/08/2021	10/10/2021			K1 CTXH	2020
03	1040002	INF2001-2021.03			40	Lê Mạnh Hùng		1-5, E402						25/10/2021				K16H_SPAN	2021
04	1040002	INF2001-2021.04			40	Vũ Việt Hoàng		7-11, E402						25/10/2021				K16H_SPAN	2021
05	1040002	INF2001-2021.05			40	Vũ Việt Hoàng			1-5, E402					20/09/2021				K16H_SPAN	2021
06	1040002	INF2001-2021.06			40	Vũ Việt Hoàng			7-11, E402					20/09/2021				K16H_SPAN	2021
07	1040002	INF2001-2021.07			40	Vũ Việt Hoàng				1-5, E402				20/09/2021				K16H_SPAN	2021
08	1040002	INF2001-2021.08			40	Vũ Việt Hoàng				7-11, E402				20/09/2021				K16A_SPAN	2021
09	1040002	INF2001-2021.09			40	Dương Thanh Long					1-5, E402			25/10/2021				K16C_SPAN	2021
10	1040002	INF2001-2021.10			40	Vũ Việt Hoàng					7-11, E402			20/09/2021				K16E_SPAN	2021
11	1040002	INF2001-2021.11			40	Vũ Việt Hoàng						1-5, E402		20/09/2021				K16F_SPAN	2021
12	1040002	INF2001-2021.12			40	Vũ Việt Hoàng						7-11, E402		20/09/2021				K16F_SPAN	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1080197	Tổ chức hướng dẫn du lịch 1	CLM2121	3	50												DL		
01	1080197	CLM2121-2021.01			50	Nguyễn Thị Thùy Linh				1-5, E503				16/08/2021	28/11/2021			K1 Du lịch	2020
	1080032	Tổ chức sự kiện	CLM2033	4	50												7_QLVH_M4		
01	1080032	CLM2033-2021.01			50	Lương Thị Giang			7-11, E502					16/08/2021	21/11/2021			K11 QLVH	2018
	1070056	Trải nghiệm các hoạt động âm nhạc	MUS2084	2	100												2019		
01	1070056	MUS2084-2021.01			25	Nguyễn Thị Lệ Huyền						7-11, D305						K12 CDLT SPAN	2020
02	1070056	MUS2084-2021.02			25	Nguyễn Thị Lệ Huyền						1-5, D305						K12 CDLT SPAN	2020
03	1070056	MUS2084-2021.03			25														2020
04	1070056	MUS2084-2021.04			25														2020
	1060103	Trải nghiệm hoạt động Mỹ thuật	FAE2097	2	40												2019		
01	1060103	FAE2097-2021.01			40	Trần Thị Vân	7-11, C21							16/08/2021	24/10/2021			K14 SPMT	2019
	1200032	Trang trí chuyên ngành	DGI2032	3	10														
01	1200032	DGI2032-2021.01			10	Vũ Thanh Nghị				1-5, A	1-5, A			11/10/2021	05/12/2021			K4_CNM	2020
	1020018	Trang trí chuyên ngành 2	FAD2023	2	45														
01	1020018	FAD2023-2021.01			15	Ngô Thị Thu Hà	7-11, B	7-11, B						11/10/2021	05/12/2021			K12 TKTT	2019
02	1020018	FAD2023-2021.02			15	Trương Tuấn Anh	7-11, B	7-11, B						11/10/2021	05/12/2021			K11B_TKTT	2019
03	1020018	FAD2023-2021.03			15	Lê Mai Trinh	7-11, B	7-11, B						11/10/2021	05/12/2021			K12 TKTT	2019
	1020047	Trang trí cơ bản	DGI2002	3	10														
01	1020047	DGI2002-2021.01			10	Lê Thị Lan				7-11, A	7-11, A			20/09/2021				K5_CNM	2021
	1020038	Trang trí cơ bản 1	FAD2054	2	105														
01	1020038	FAD2054-2021.01			15	Lê Mai Trinh	1-5, A	1-5, A						20/09/2021				K15A_TKTT	2021
02	1020038	FAD2054-2021.02			15	Ngô Thị Thu Hà	1-5, A	1-5, A						20/09/2021				K15A_TKTT	2021
03	1020038	FAD2054-2021.03			15	Lê Thị Lan	1-5, A	1-5, A						20/09/2021				K15A_TKTT	2021
04	1020038	FAD2054-2021.04			15	Vũ Thanh Nghị	1-5, A	1-5, A						20/09/2021				K15A_TKTT	2021
05	1020038	FAD2054-2021.05			15	Trương Tuấn Anh				7-11, A	7-11, A			20/09/2021				K15B_TKTT	2021
06	1020038	FAD2054-2021.06			15	Ngô Thị Thu Hà				7-11, A	7-11, A			20/09/2021				K15B_TKTT	2021
07	1020038	FAD2054-2021.07			15	Lê Mai Trinh				7-11, A	7-11, A			20/09/2021				K15B_TKTT	2021
	1060038	Trang trí cơ bản 1	FAE2051	2	152												1_SPMT_M4		
01	1060038	FAE2051-2021.01			0	Nguyễn Thị Trang Ngà	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					15/09/2021	07/11/2021			K8_HH	2021
02	1060038	FAE2051-2021.02			15	Nguyễn Thị Hà Hoa	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					15/09/2021	07/11/2021			K16A_SPMT	2021
03	1060038	FAE2051-2021.03			15	Nguyễn Quang Huy	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					15/09/2021	07/11/2021			K16A_SPMT	2021
04	1060038	FAE2051-2021.04			15	Lưu Thị Hồng Diễm	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					15/09/2021	07/11/2021			K16A_SPMT	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
05	1060038	FAE2051-2021.05			15	Vũ Thị Kim Vân	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					15/09/2021	07/11/2021			K16A_SPMT	2021
06	1060038	FAE2051-2021.06			15	Nguyễn Tuấn Cường	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					15/09/2021	07/11/2021			K16A_SPMT	2021
07	1060038	FAE2051-2021.07			15	Nguyễn Thị Huyền	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					15/09/2021	07/11/2021			K16B_SPMT	2021
08	1060038	FAE2051-2021.08			15	Chu Thị Hương Thu	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					15/09/2021	07/11/2021			K16B_SPMT	2021
09	1060038	FAE2051-2021.09			15	Nguyễn Thị Trang Ngà				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		15/09/2021	07/11/2021			K16B_SPMT	2021
10	1060038	FAE2051-2021.10			16	Chu Hoàng Trung				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		15/09/2021	07/11/2021			K16B_SPMT	2021
11	1060038	FAE2051-2021.11			16	Vũ Thị Kim Vân				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		15/09/2021	07/11/2021			K16A_SPMT	2021
	1060104	Trang trí ứng dụng	FAE2088	2	48												2019		
01	1060104	FAE2088-2021.01			14	Lưu Thị Hồng Diễm				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		16/08/2021	10/10/2021			K15_SPMT	2020
02	1060104	FAE2088-2021.02			14	Nguyễn Thị Huyền				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		16/08/2021	10/10/2021			K15_SPMT	2020
03	1060104	FAE2088-2021.03			14	Chu Thị Hương Thu				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		16/08/2021	10/10/2021			K15_SPMT	2020
04	1060104	FAE2088-2021.04			5	Chu Thị Hương Thu						1-5, B:7-11, B	1-5, B:7-11, B			LT TC K2 K3		K2 TC SPMT trong truang	2021
05	1060104	FAE2088-2021.05			1														2021
	1140040	Triết học Mác-Lênin	POL2009	3	1149												1 2019		
01	1140040	POL2009-2021.01			83	Phạm Ngọc Anh			1-5, E301					15/09/2021				K16A_SPMT	2021
02	1140040	POL2009-2021.02			83	Phạm Ngọc Anh	7-11, E507							15/09/2021				K16A_SPMT	2021
03	1140040	POL2009-2021.03			83	Phạm Ngọc Anh			7-11, E301					15/09/2021				K16C_SPMT	2021
04	1140040	POL2009-2021.04			83	Phạm Ngọc Anh				7-11, E301				15/09/2021				K16A_SPMT	2021
05	1140040	POL2009-2021.05			83	Đình Văn Hoàng	1-5, E507							15/09/2021				K16C_SPMT	2021
06	1140040	POL2009-2021.06			83	Đình Văn Hoàng		1-5, E301						15/09/2021				K16B_SPMT	2021
07	1140040	POL2009-2021.07			83	Đình Văn Hoàng				1-5, E506				15/09/2021				K16A_SPMT	2021
08	1140040	POL2009-2021.08			83	Đình Văn Hoàng		7-11, E301						15/09/2021				K16B_SPMT	2021
09	1140040	POL2009-2021.09			83	Đình Văn Hoàng			7-11, E507					15/09/2021				K16B_SPAN	2021
10	1140040	POL2009-2021.10			83	Đình Văn Hoàng				7-11, E301				15/09/2021				K16A_SPMT	2021
11	1140040	POL2009-2021.11			83	Đình Văn Hoàng					7-11, E506			15/09/2021				K16B_SPMT	2021
12	1140040	POL2009-2021.12			83	Đình Văn Hoàng						1-5, E301		11/10/2021				K13D_TKDH	2021
13	1140040	POL2009-2021.13			83	Phạm Ngọc Anh						7-11, E507		11/10/2021				K2 Du lịch	2021
14	1140040	POL2009-2021.14			70	Nguyễn Minh Anh						7-11, E301		11/10/2021				K7A DVK	2021
	1040016	Ứng dụng tin học trong GDMN	INF2002	2	10												2*		
01	1040016	INF2002-2021.01			10	Vũ Việt Hoàng								16/08/2021	10/10/2021	Sv ko đang ky			2019
	1080177	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	CLM2101	2	50												DL		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	108017	CLM2101-2021.01			50	Bùi Hồng Hạnh	7-11, E503							16/08/2021	14/11/2021			K1 Du lịch	2020
	1080187	Văn hóa du lịch	CLM2111	3	30												DL		
01	1080187	CLM2111-2021.01			30	Nguyễn Thị Thanh Loan				7-11, E503				13/09/2021	19/12/2021			K1 Du lịch	2021
	1080007	Văn hóa học đại cương	CLM2003	2	60												2_QLVH_M2		
01	1080007	CLM2003-2021.01			60	Nguyễn Thị Thanh Loan		7-11, E501						13/09/2021	19/12/2021			K15 QLVH	2021
	1140027	Văn học dân gian	PPE2017	2	10												1*		
01	1140027	PPE2017-2021.01			10				7-11,					16/08/2021	10/10/2021	Ko co sv dk C4			2019
	1020045	Vật liệu may	DGI2054	3	10												2020 CNM		
01	1020045	DGI2054-2021.01			10	Nguyễn Kiều Oanh				7-11, A				30/08/2021	07/11/2021			K4_CNM	2020
	1020043	Vật liệu may & Sáng tác mẫu vải	FAD2057	2	52														
01	1020043	FAD2057-2021.01			13	Bùi Thị Nam		1-5, A						30/08/2021	07/11/2021			K14_TKTT	2020
02	1020043	FAD2057-2021.02			13	Nguyễn Hải Hà		1-5, A						30/08/2021	07/11/2021			K14_TKTT	2020
03	1020043	FAD2057-2021.03			13	Trần Việt Hùng				7-11, A				30/08/2021	07/11/2021			K13 TKTT	2020
04	1020043	FAD2057-2021.04			13	Lê Phương Anh				7-11, A				30/08/2021	07/11/2021			K14_TKTT	2020
	1200011	Vật liệu may 2	DGI2011	2	20														
01	1200011	DGI2011-2021.01			20	Vũ Mai Hiền	1-5, A							30/08/2021	31/10/2021			K3 CNM	2019
	1140031	Vệ sinh trẻ em	PPE2014	2	10												3*MN		
01	1140031	PPE2014-2021.01			10	Nguyễn Quỳnh Trang					1-5, E405			16/08/2021				K5 SPAN MN	2018
	1080221	Xã hội học đại cương	CLM2200	2	15												CTXH		
01	1080221	CLM2200-2021.01			15	Lương Thị Đào	1-5, E503							16/08/2021	14/11/2021			K1 CTXH	2020
	1080066	Xã hội học văn hóa	CLM2092	2	75												2020		
01	1080066	CLM2092-2021.01			75	Lương Thị Đào					1-5, E501			16/08/2021	07/11/2021			K14 QLVH	2020
	1080059	Xã hội học văn hóa	CLM2034	3	6												CLM2034_2014		
01	1080059	CLM2034-2021.01			6	Lương Thị Đào					1-5, E501 ghép			16/08/2021	07/11/2021			K12 QLVH	2018
	1080036	Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở	CLM2037	2	50												7_QLVH_M4		
01	1080036	CLM2037-2021.01			50	Bùi Hồng Hạnh			1-5, E503					16/08/2021	07/11/2021			K11 QLVH	2018
	1200036	Xử lý hoàn tất sản phẩm may	DGI2036	2	15														
01	1200036	DGI2036-2021.01			15	Nguyễn Kiều Oanh						1-5, XM		04/10/2021	14/11/2021			K1_CNM	2018

Người lập

